

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 11 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT

Môn: LỊCH SỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HÀ NỘI, THÁNG 8/2024

- 1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên**
- 2. Tham gia biên soạn Phần chung về Chương trình GDTX cấp THPT**
 - TS. Hoàng Đức Minh - Chủ biên**
 - TS. Đồng Văn Bình - Thành viên**
 - ThS. Lại Thị Thu Thúy - Thành viên**
- 3. Tham gia biên soạn phần môn học Lịch sử**
 - TS. Nguyễn Xuân Trường - Chủ biên**
 - TS. Nguyễn Thị Bích - Thành viên**
 - ThS. Lại Thị Thu Thúy - Thành viên, Thư ký**

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022- 2023; Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lý, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai: Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn Lịch sử: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 11 môn Lịch sử, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba: Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Lịch sử lớp 11 Chương trình GDTX cấp THPT. Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

DANH MỤC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Các từ viết tắt</i>	<i>Viết đầy đủ</i>
1.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
2.	GDPT	Giáo dục phổ thông
3.	ĐGĐK	Đánh giá định kì
4.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
5.	GV	Giáo viên
6.	HV	Học viên
7.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
9.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
10.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
11.	NL	Năng lực
12.	PPDH	Phương pháp dạy học
13.	QTDH	Quá trình dạy học
14.	TCM	Tổ chuyên môn
15.	TCN	Trước Công nguyên
16.	TBCN	Tư bản chủ nghĩa
17.	THCS	Trung học cơ sở
18.	THPT	Trung học phổ thông
19.	GDPT	Giáo dục phổ thông
20.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

MỤC LỤC

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT	
I. MỤC TIÊU	7
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	7
1. Yêu cầu về phẩm chất.....	7
2. Yêu cầu về năng lực.....	7
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	7
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học.....	12
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC	13
1. Nội dung giáo dục	13
2. Thời lượng giáo dục.....	14
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	15
1. Định hướng về phương pháp giáo dục.....	15
2. Hình thức tổ chức dạy học	16
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	16
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT MÔN LỊCH SỬ	
I. MỤC TIÊU	18
1. Mục tiêu chung	18
2. Mục tiêu cụ thể.....	18
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	18
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	18
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.....	19
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ LỚP 11	19
1. Nội dung khái quát.....	19
2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt lớp 11	21
3. So sánh yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX môn Lịch sử lớp 11 và Chương trình môn Lịch sử THPT.....	30
4. Định hướng nội dung Chương trình môn Lịch sử	32
5. Định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá	34
6. Thiết bị dạy học	37
Phần thứ ba. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC LỚP 11 MÔN LỊCH SỬ	
Chủ đề 1. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.....	38
Bài 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN.....	38
Bài 2. SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.....	44
Chủ đề 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	52
Bài 3. SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT	52

Bài 4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY	58
Chủ đề 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA Ở ĐÔNG NAM Á.....	65
Bài 5. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á	65
Bài 6. HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á.....	71
CHỦ ĐỀ 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945).....	79
Bài 7. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM.....	79
Bài 8. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)	89
Chủ đề 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858).....	100
Bài 9. CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ (CUỐI THẾ KỈ XIV ĐẦU THẾ KỈ XVI).....	100
Bài 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)	107
Bài 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)	113
CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	120
Bài 12. VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG	120
Bài 13. VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG	125
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 11.....	136
Chuyên đề 1. LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM.....	136
Bài 1. NGHỆ THUẬT THỜI LÝ	136
Bài 2. NGHỆ THUẬT THỜI TRẦN	141
Bài 3. NGHỆ THUẬT THỜI LÊ SƠ	145
Bài 4. NGHỆ THUẬT THỜI NGUYỄN	149
Chuyên đề 2. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX	155
Bài 5. CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX.....	155
Bài 6. CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY	164
Chuyên đề 3. DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	173
Bài 7. KHÁI QUÁT VỀ DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC.....	173
Bài 8. MỘT SỐ NHÀ CHÍNH TRỊ NỔI TIẾNG CỦA VIỆT NAM THỜI CÔ - TRUNG ĐẠI.....	177
Bài 9. MỘT SỐ DANH NHÂN QUÂN SỰ VIỆT NAM.....	182
Bài 10. MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM	187
Bài 11. MỘT SỐ DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO.....	191
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	198

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	<ul style="list-style-type: none">- Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. - Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. - Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. - Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. - Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. - Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.

Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực. - Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. - Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. - Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân.

	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. - Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. - Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và đề thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. - Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

động của bản thân trong nhóm	
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. - Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; - Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. - Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. - Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lý, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lý...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kỹ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

e) Năng lực thẩm mỹ

Năng lực thẩm mỹ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mỹ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp THCS theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Học viên chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do GV chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX).

- Chuyên đề học tập của môn học do giáo viên dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
Môn học tự chọn	Ngoại ngữ	105	105	105
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105
Hoạt động giáo dục tự chọn	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		752	752	752
Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		21,5	21,5	21,5
Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		997	997	997
Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		28,5	28,5	28,5

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của HV về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDĐT cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDĐT cấp THPT do các trung tâm GDĐT quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDĐT cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDĐT tổ chức thực hiện chương trình GDĐT cấp THPT.

- Kết hợp giữa ĐGTX với ĐGDK. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDĐT cấp THPT.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Lịch sử giúp HV hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp THCS; đồng thời góp phần hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp HV tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự kết nối giữa sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để HV định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giúp HV có hiểu biết hệ thống các chủ đề và chuyên đề học tập về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HV đã được học ở cấp THCS.

- Giúp HV tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng; phát triển cho HV năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội của thế giới, khu vực và Việt Nam.

- Hình thành các khả năng cần thiết trong học tập bộ môn như: Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại), làm việc với sách giáo khoa và các nguồn sử liệu, biết khái quát, sâu chuỗi, tìm mối liên hệ các sự kiện lịch sử. Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử. Bồi dưỡng năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (điều tra, thu thập, xử lý thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức thực hiện dự kiến, kiểm tra tính đúng đắn của kết quả, thông báo, trình bày về kết quả, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống và để tiếp nhận kiến thức mới...). Hình thành năng lực tự học, tự làm giàu tri thức lịch sử cho HV thông qua các nguồn sử liệu khác nhau (đã có và phát hiện mới).

- Có tình yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, có thái độ trân trọng đối với các di sản lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, trân trọng nền văn hoá của các dân tộc trên thế giới, có tinh thần quốc tế chân chính, vì hoà bình, tiến bộ xã hội. Có những phẩm chất cần thiết nhất của người công dân: thái độ tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước - cộng đồng; yêu lao động; sống nhân ái, có kỉ luật, tôn trọng và làm theo luật pháp, đoàn kết dân tộc và quốc tế...

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chung chủ yếu theo các mức độ phù hợp với môn Lịch sử đó là: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Lịch sử giúp HV phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh. Năng lực lịch sử gồm các thành tố: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Các biểu hiện cụ thể của năng lực lịch sử được trình bày trong bảng sau:

TT	Thành phần năng lực	Biểu hiện
1	Tìm hiểu lịch sử	<p>Thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử: phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử, hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. - Tái hiện và trình bày lịch sử: mô tả, trình bày (nói hoặc viết) diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
2	Nhận thức và tư duy lịch sử	<p>Thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lý giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. - Đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
3	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	<p>Thể hiện qua khả năng kết nối quá khứ với hiện tại, vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Trên nền tảng đó, HV có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.</p>

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ LỚP 11

1. Nội dung khái quát

Nội dung chương trình môn Lịch sử gồm 2 phần: Phần bắt buộc đối với tất cả các HV và phần lựa chọn cho HV chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp.

1.1. Nội dung bắt buộc

Mạch nội dung	Lớp 11
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
- Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	×
- Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay	×
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á	
- Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á	×
LỊCH SỬ VIỆT NAM	
- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)	×
- Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	×
- Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	×

1.2. Chuyên đề học tập lựa chọn

a) Mục tiêu

Bên cạnh nội dung giáo dục bắt buộc, trong mỗi năm học, những HV có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

- Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT.

- Giúp HV hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HV có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp HV phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

b) Nội dung các chuyên đề học tập

Bên cạnh nội dung giáo dục bắt buộc, trong mỗi năm học, những HV có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

- Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT.

- Giúp HV hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HV có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực để giải quyết các vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học suốt đời.

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp HV phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

Mạch nội dung	Lớp 11
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ	
Chuyên đề 11.1: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	×
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC	
Chuyên đề 11.2: Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	×
Chuyên đề 11.3: Danh nhân trong lịch sử Việt Nam	×

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt lớp 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	
Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản <i>Tiền đề của các cách mạng tư sản</i> - Kinh tế - Chính trị - Xã hội - Tư tưởng	- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.
<i>Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản</i> - Mục tiêu và nhiệm vụ - Giai cấp lãnh đạo và động lực cách mạng	- Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
<i>Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản</i> - Kết quả - Ý nghĩa	- Nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.
Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản <i>Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ</i>	- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.
<i>Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản</i> - Chủ nghĩa tư bản và quá trình xâm lược thuộc địa - Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản - Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền	- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản. - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
<i>Chủ nghĩa tư bản hiện đại</i> - Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại - Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại	- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và hạn chế của chủ nghĩa tư bản.
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	
<p><i>Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Trình bày được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
<p><i>Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu - Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh. - Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ Latinh. - Phân tích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô.
<p><i>Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay - Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay. - Nêu được thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội. Có ý thức sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	
<p><i>Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á</i></p> <p><i>Quá trình xâm lược và cai trị</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đông Nam Á hải đảo - Đông Nam Á lục địa 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).
<p><i>Công cuộc cải cách ở Xiêm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công cuộc cải cách ở Xiêm - Ý nghĩa của công cuộc cải cách ở Xiêm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á <i>Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đông Nam Á hải đảo - Đông Nam Á lục địa 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương).
<p><i>Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 - Từ năm 1920 đến năm 1945 - Từ năm 1945 đến năm 1975 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.
<p><i>Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những ảnh hưởng của chế độ thực dân - Quá trình tái thiết và phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. - Trình bày được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. - Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.
<p>CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)</p>	
<p><i>Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</i> <i>Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa chiến lược của Việt Nam - Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. - Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử.
<p><i>Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 và những năm 1075 - 1077 - Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Kháng chiến chống quân Xiêm những năm 1784 - 1785 - Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.
<p><i>Một số cuộc kháng chiến không thành công</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kháng chiến chống quân Triệu - Kháng chiến chống Minh - Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX - Nguyên nhân không thành công 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Trình bày được được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam.
<p><i>Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN - đến cuối thế kỉ XIX)</i></p> <p><i>Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi nghĩa Hai Bà Trưng - Khởi nghĩa Bà Triệu - Khởi nghĩa Lý Bí - Khởi nghĩa Phùng Hưng 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc. - Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
<p><i>Khởi nghĩa Lam Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính - Ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.
<p><i>Phong trào Tây Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính - Ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. - Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. - Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.
<p><i>Một số bài học lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Về quá trình tập hợp lực lượng - Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc - Về nghệ thuật quân sự - Bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay 	<ul style="list-style-type: none"> - Rút ra những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. - Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
<p><i>Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả, ý nghĩa 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ.
<p><i>Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả, ý nghĩa 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách thời Lê Thánh Tông.
<p><i>Cuộc cải cách Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả, ý nghĩa 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách thời Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	
<p><i>Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông</i> <i>Vị trí của Biển Đông</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ.
<p><i>Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyến đường giao thông biển huyết mạch - Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương - Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
<p><i>Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. - Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
<p><i>Việt Nam và Biển Đông</i> <i>Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Về quốc phòng, an ninh - Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
<p><i>Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền - Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS) - Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 - Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình. - Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hoá),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi “<i>Em yêu lịch sử</i>”, “<i>Nhà sử học trẻ tuổi</i>”, các trò chơi lịch sử. - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.1: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM	
Nghệ thuật thời Lý - Trần <i>Nghệ thuật thời Lý</i> - Kiến trúc - Điêu khắc	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
Nghệ thuật thời Trần - Kiến trúc - Điêu khắc	- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.
Nghệ thuật thời Lê sơ - Kiến trúc - Điêu khắc	- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.
Nghệ thuật thời Nguyễn - Kiến trúc - Điêu khắc - Mỹ thuật - Âm nhạc	- Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.
Chuyên đề 11.2: CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX	
Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX <i>Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX</i> - Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918): nguyên nhân, hậu quả và tác động - Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945): nguyên nhân, hậu quả và tác động	- Nêu được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc Chiến tranh thế giới. - Phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc Chiến tranh thế giới.
Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới - Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô - Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới	- Trình bày được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh 	
<p><i>Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi - Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
<p>Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay</p> <p><i>Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân, đặc điểm - Hậu quả - Kết thúc Chiến tranh lạnh: nguyên nhân và tác động 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. - Phân tích được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. - Nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh. - Phân tích được những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam. - Trình bày được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
<p><i>Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực - Cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...
<p><i>Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh - Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính. - Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.
Chuyên đề 11.3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
<p>Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm danh nhân - trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm danh nhân. - Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
<p><i>Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Gợi ý lựa chọn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đinh Bộ Lĩnh - Trần Thủ Độ - Lê Thánh Tông - Minh Mệnh (Minh Mạng),... 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Nêu được những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
<p><i>Một số danh nhân quân sự Việt Nam (Gợi ý lựa chọn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngô Quyền - Trần Quốc Tuấn - Nguyễn Huệ - Võ Nguyên Giáp,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Nhận xét được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.
<p><i>Một số danh nhân văn hoá Việt Nam (Gợi ý lựa chọn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Nhân Tông - Nguyễn Trãi - Nguyễn Du - Hồ Xuân Hương,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử dân tộc.
<p><i>Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (Gợi ý lựa chọn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chu Văn An - Lê Quý Đôn - Tuệ Tĩnh - Trần Đại Nghĩa - Tôn Thất Tùng - Đào Duy Anh,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. - Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo trong lịch sử dân tộc.

3. So sánh yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX môn Lịch sử lớp 11 và Chương trình môn Lịch sử THPT

- Cách xác định YCCĐ: căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định tại Chương trình GDPT 2018 có điều chỉnh và tinh giảm mức độ kiến thức, chủ yếu là mức độ nhận biết, thông hiểu; tăng cường bài học hướng dẫn tự học và bổ sung kiến thức thực hành, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Giảm bớt một số YCCĐ quá khó đối với HV GDTX. Một số YCCĐ giảm mức độ từ giải thích, phân tích sang trình bày hoặc nêu,...

Một số yêu cầu cần đạt khó đã được giảm không dạy ở bảng sau:

Lớp	Nội dung	Yêu cầu cần đạt đã giảm, không dạy Chương trình GDTX cấp THPT
11	Nội dung giáo dục cốt lõi	
	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	
	Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại	- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện đại.
	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)	
	<i>Một số cuộc kháng chiến không thành công</i> - Nguyên nhân không thành công	- Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
	Chuyên đề học tập	
	Chuyên đề 11.1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	
	Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc - Nghệ thuật thời Mạc + Kiến trúc + Điêu khắc	- Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc. - Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
	Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn - Nghệ thuật thời Lê trung hưng + Kiến trúc + Điêu khắc + Mỹ thuật	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu... - Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.

Một số các YCCĐ của lớp 11 đa số giảm mức độ yêu cầu, chương trình GDPT 2018 quy định ở mức độ hiểu và vận dụng thì Chương trình GDTX quy định ở mức độ biết và hiểu. Cụ thể:

Yêu cầu cần đạt	Chương trình GDPT theo Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT	Chương trình GDTX theo Thông tư 12/2022/TT-BGDĐT
	Hiểu Phân tích, Giải thích	Biết Nêu, trình bày
Nội dung giáo dục cốt lõi		
Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		
Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản	- Phân tích được Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản	- Trình bày được Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản
Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay		
Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết	- Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết	- Trình bày được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết
Lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)		
Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	- Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam
Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu	- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược	- Trình bày được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược
Một số cuộc kháng chiến không thành công	- Giải thích được nguyên nhân không thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược	- Trình bày được nguyên nhân không thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược
Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông		
Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông	- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển,...	- Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông - về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển,...
Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông	- Phân tích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông	- Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

Chuyên đề học tập		
Chuyên đề 11.2. Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX		
Chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX		
- Hai cuộc Chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX	- Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc Chiến tranh thế giới. - Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc Chiến tranh thế giới.	- Nêu được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc Chiến tranh thế giới. - Phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc Chiến tranh thế giới.
- Cuộc đấu tranh vì hòa bình giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới	- Phân tích được khát vọng hòa bình và cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể:...	- Trình bày được khát vọng hòa bình và cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể:...
Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai		
- Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô	- Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô	- Trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô
Chiến tranh và hòa bình từ sau năm 1945 đến nay		
- Chiến tranh lạnh (1947-1989)	- Đánh giá được những hậu quả của cuộc chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng	- Phân tích được những hậu quả của cuộc chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng

4. Định hướng nội dung Chương trình môn Lịch sử

4.1. Nội dung chương trình lớp 11

Chương trình lớp 11 mở đầu bằng 2 chủ đề về lịch sử thế giới bao gồm: (i) *Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản*, (ii) *Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay*. Hai chủ đề này giúp HV nhận thức được những nét khái quát về hai hệ thống kinh tế - chính trị cơ bản chi phối sự phát triển của lịch sử thế giới cận hiện đại, trên cơ sở xâu chuỗi các kiến thức thông sử đã được học ở cấp THCS, góp phần phát triển khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh các sự kiện và tiến trình lịch sử. Về lịch sử khu vực, chủ đề *Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á* giúp HV nhận thức được những điểm chung của quá trình thực dân hóa và những con đường khác nhau đi đến độc lập dân tộc ở khu vực trên cơ sở tổng hợp những kiến thức thông sử về khu vực Đông Nam Á đã được học ở cấp THCS.

Về lịch sử Việt Nam, HV sẽ được học các chủ đề: (i) *Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)*, (ii) *Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)*, (iii) *Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông*. Các chủ đề này đề cập đến vấn đề cốt lõi về chính trị, kinh tế, xã hội xuyên suốt lịch sử Việt Nam.

Các chuyên đề ở lớp 11 bao gồm:

- Chuyên đề hoạt động trải nghiệm thực tế: *Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam* nhằm giúp HV tăng cường hoạt động thực hành lịch sử, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, kết nối lịch sử với thực tiễn cuộc sống.

- Chuyên đề nâng cao kiến thức: Bao gồm chuyên đề lịch sử thế giới: (i) *Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX* và chuyên đề về lịch sử Việt Nam: (ii) *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*.

4.2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng cho lớp 11 là 87 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Trong đó, thời lượng dành cho các chủ đề của nội dung bắt buộc là 52 tiết. Dự kiến tỉ lệ (số tiết) thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung	Số tiết
- Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	6
- Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay	5
- Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á	4
- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)	10
- Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	6
- Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	6
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	10
ÔN TẬP, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ	5
Tổng cộng	52 tiết

Thời lượng dành cho các chuyên đề học tập là 35 tiết. Dự kiến số tiết của các chuyên đề học tập như sau:

Mạch nội dung	Lớp 11 (Số tiết)
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ	
Chuyên đề 11.1: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	15
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC	
Chuyên đề 11.2: Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	10
Chuyên đề 11.3: Danh nhân trong lịch sử Việt Nam	10
Tổng số	35

5. Định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

5.1. Định hướng về phương pháp dạy học

5.1.1. Định hướng chung

PPDH theo quan điểm phát triển năng lực chú trọng việc rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp; đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường tự học, làm việc trong nhóm nhằm phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực sáng tạo, năng lực tự giải quyết vấn đề của HV, đáp ứng mục tiêu của Chương trình GDTX.

5.1.2. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với môn Lịch sử cấp THPT

Trong dạy học môn Lịch sử cấp THPT, GV lựa chọn những PPDH phù hợp, góp phần bồi dưỡng phẩm chất, phát triển các năng lực chung và năng lực lịch sử cho HV.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, GV giúp HV từng bước hình thành và phát triển lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính; niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước; phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua các bài học lịch sử, GV truyền cảm hứng để HV yêu thích lịch sử, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Trong dạy học lịch sử, GV giúp HV hình thành và phát triển năng lực chung thông qua các nội dung học tập và hoạt động thực hành, thực tế như:

- Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin thông qua các nguồn sử liệu; trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; khảo sát, thực hành lịch sử trên thực địa, di tích lịch sử và văn hóa ở địa phương; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề thực tế; có hứng thú tìm tòi, khám phá và tự học lịch sử...

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm, thảo luận nhóm, chia sẻ ý kiến trong nhóm; HĐTN trên thực địa, bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa; phỏng vấn nhân chứng lịch sử...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề trong lịch sử; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống...

c) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử: PPDH lịch sử theo định hướng tiếp cận năng lực được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử: thông qua các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử, phục dựng một cách chân thực, khách quan quá trình hình thành, phát triển của các sự kiện, quá trình lịch sử, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong sự tương tác với các nhân tố liên quan trong suốt quá trình vận động của chúng. GV không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử cho HV mà chú trọng việc hướng dẫn HV nhận diện và khai thác các nguồn sử liệu, từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự

kiện, quá trình lịch sử để tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, xây dựng và phát triển những năng lực chuyên môn của môn Lịch sử.

PPDH Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực chú trọng đến các vấn đề như: phát hiện và giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, coi trọng việc sử dụng các phương tiện trực quan như: hiện vật lịch sử, tranh ảnh lịch sử, bản đồ, biểu đồ, sa bàn, mô hình, phim tài liệu lịch sử. HV cần được trang bị phương pháp tự học, biết cách tìm tòi, khai thác các nguồn sử liệu, đồng thời biết cách phân tích sự kiện, quá trình lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá, tạo cơ sở phát triển năng lực lịch sử (năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học).

Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử bao gồm các hoạt động dạy học ở trong lớp và hoạt động dạy học ngoài lớp học. Thông qua việc kết hợp các hình thức đa dạng như thảo luận theo nhóm, làm việc nhóm đôi, làm việc cá nhân... GV giúp HV trở thành “người đóng vai lịch sử” để khám phá lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống. Trong đó, hoạt động thảo luận đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao vai trò tích cực, chủ động và sự hợp tác của HV. Thông qua thảo luận, ngoài việc giúp đánh giá được kiến thức, năng lực, phương pháp làm việc của HV, còn giúp hiểu được thái độ của HV. Để phương pháp thảo luận tiến hành có kết quả tốt, cần lưu ý lựa chọn những nội dung học tập tạo cơ hội thuận lợi cho thảo luận, có liên hệ với các vấn đề thực tiễn, mà HV đã có một số vốn tri thức nhất định, hoặc liên quan đến những bài học ở trước. Việc khám phá, tìm tòi, khai thác kiến thức từ các nguồn sử liệu khác nhau sẽ thu hút ý kiến của nhiều HV khác nhau.

Mở rộng không gian dạy học, không chỉ trong lớp học mà còn ở ngoài lớp học, trên thực địa (di tích lịch sử và văn hoá), bảo tàng, khu triển lãm,...; tổ chức cho HV đi tham quan, dã ngoại, kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với HĐTN trên thực tế. Việc kết hợp các thành tựu của khoa học giáo dục hiện đại với việc sử dụng một cách tích cực các phương pháp của Sử học là chìa khoá thành công của QTDH Lịch sử.

Giáo dục lịch sử là một hoạt động mang tính xã hội cao. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục lịch sử, cần chú trọng đến sự kết hợp giữa giáo dục lịch sử trong nhà trường với gia đình và xã hội. Sự phối hợp giữa ba môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội) là nền tảng quan trọng để hình thành năng lực chuyên môn Lịch sử. Trong đó, nhà trường xây dựng và phát triển kiến thức, kỹ năng cho HV; gia đình và xã hội tạo điều kiện để HV vận dụng kiến thức, kỹ năng lịch sử vào những tình huống thực tiễn của cuộc sống. GV là người chủ động thiết lập và duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục lịch sử thông qua các mô hình phối hợp như: tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục chủ quyền biển đảo cho HV có sự tham gia của phụ huynh HV và các tổ chức xã hội. Để thực hiện mục tiêu giáo dục của Chương trình môn Lịch sử, cần coi trọng và phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội ở những mức độ và hình thức khác nhau.

Đối với việc ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học lịch sử, Chương trình nhấn mạnh việc khuyến khích HV tự tìm đọc, thu thập tư liệu lịch sử trên mạng Internet theo hướng dẫn của GV, tra cứu tư liệu lịch sử trong thư viện để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm, có khả năng trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu; xây dựng kỹ năng sử dụng các phương tiện CNTT để hỗ trợ cho việc tái hiện, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử.

5.2. Định hướng về kiểm tra, đánh giá

1. Mục đích đánh giá kết quả giáo dục môn Lịch sử là xác định mức độ đáp ứng của HV đối với YCCĐ về kiến thức và năng lực lịch sử ở chủ đề, chuyên đề, từng lớp học, từ đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy nhằm đạt được mục tiêu.

Cùng với việc đổi mới phương pháp giáo dục lịch sử theo hướng phát triển năng lực, việc KT, ĐG kết quả học tập được chuyển đổi theo hướng chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức lịch sử trong những tình huống ứng dụng, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trung tâm của việc đánh giá. Mục đích chủ yếu của đánh giá kết quả học tập là đối chiếu, so sánh năng lực HV đạt được với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức và năng lực môn học ở từng chủ đề, cấp học, để từ đó có những biện pháp cải thiện kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học để đạt được mục tiêu giáo dục.

Đánh giá kết quả học tập của HV trong môn Lịch sử là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi HV theo YCCĐ của môn học đã đề ra. Trên cơ sở đó, tìm ra giải pháp để đánh thức tiềm năng và khắc phục những hạn chế trong quá trình học tập của HV. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của QTDH lịch sử, có vai trò thu thập các thông tin về chất lượng học tập, phân loại HV, đồng thời tạo cơ sở để điều chỉnh việc dạy học, thúc đẩy quá trình học tập của HV. Trong đó, mục đích bao trùm của đánh giá là nhằm vào sự tiến bộ trong học tập lịch sử của HV.

2. Nội dung đánh giá cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức đã học trong những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trọng tâm. Công tác KT, ĐG đối với môn Lịch sử cần tuân thủ các nguyên tắc: phối hợp giữa ĐGTX và ĐGĐK, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HV. Thông qua kết quả KT, ĐG, GV có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hóa về trình độ học lực của HV trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ HV chưa đạt chuẩn về kiến thức, năng lực, phát hiện và bồi dưỡng HV giỏi, có năng khiếu về Lịch sử, đồng thời điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giáo dục. Để đánh giá năng lực, GV cần lưu ý đến việc kiểm tra các mức độ đạt được của HV đối với việc xây dựng và phát triển năng lực lịch sử (năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn).

Việc đánh giá kết quả học tập của HV trong môn Lịch sử cần phải đảm bảo tính toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá trong suốt cả quá trình học tập (đánh giá quá trình) và đánh giá vào cuối kỳ, cuối năm học (đánh giá tổng kết); kết hợp đánh giá của GV đối với HV và việc HV đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá; đánh giá định lượng và định tính; đánh giá trong hoạt động trên lớp và ngoài lớp, ngoài thực địa,...

Đánh giá theo định hướng năng lực trong môn Lịch sử tập trung chủ yếu vào hai phương diện: việc nhận biết, thông hiểu các kiến thức cơ bản của HV và mức độ hình thành, phát triển năng lực lịch sử trong quá trình học tập; đặc biệt cần tập trung đánh giá năng lực vận dụng kiến thức lịch sử, năng lực để giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống. Đánh giá theo định hướng năng lực chủ yếu là xem xét, đánh giá HV đã vận dụng các kiến thức đã học trong thực tế như thế nào, xác định mức độ năng lực của cá nhân người học so với mục tiêu đề ra của môn học. Đánh giá theo năng lực lịch sử cần thông qua những tình huống, vấn đề có giá trị ứng dụng thực tiễn, sát với thực tiễn, HV hoàn thành được những bài tập đòi hỏi vận dụng kiến thức một cách cụ thể.

Đề thi/kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực coi trọng các câu hỏi yêu cầu sử dụng kiến thức, năng lực và hiểu biết xã hội để trả lời, lí giải các vấn đề xảy ra trong thực tiễn, nhất là những vấn đề có tính thời sự, tạo cơ sở để HV được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam.

3. Về hình thức đánh giá, cần kết hợp giữa ĐGTX và ĐGĐK, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HV; kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, bài tập thực hành, dự án nghiên cứu; kết hợp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV cần căn cứ vào YCCĐ đã quy định, đánh giá phẩm chất và năng lực HV, đánh giá vì sự phát triển của HV.

Về cách thức KTĐG: cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp KTĐG khác nhau đối với môn Lịch sử như: kết hợp giữa kiểm tra miệng, kiểm tra viết và bài tập thực hành; kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng TNKQ và tự luận (đặc biệt đối với cấp THPT) nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá.

Trong quá trình KTĐG, có thể sử dụng các câu hỏi, bài tập ở mức độ khác nhau như: nhận biết (ghi nhớ, tái hiện quá khứ lịch sử trong các tình huống không thay đổi nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản); thông hiểu (có khả năng tóm tắt, giải thích, lý giải các sự kiện, quá trình, nhân vật lịch sử...); vận dụng (so sánh, phân tích, tổng hợp các sự kiện, nhân vật lịch sử); vận dụng cao (đánh giá, vận dụng kiến thức lịch sử vào những tình huống thay đổi, kết nối lịch sử với hiện tại), tạo cơ hội phát triển năng lực tự chủ, sáng tạo của HV.

4. ĐGTX linh hoạt: có thể vào đầu tiết học để dẫn dắt vào nội dung mới hoặc sử dụng kết quả tham gia thảo luận, đóng góp vào bài của HV trong quá trình học tập, các sản phẩm học tập của HV, thái độ hành vi trong việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ học tập. Phát triển dần các hình thức kiểm tra khác như trắc nghiệm, tự luận, thực hành,... để nâng cao trình độ nhận thức của HV. Khuyến khích sử dụng kết quả làm việc của HV với phiếu học tập, bảng kiểm,... Chú trọng đánh giá kết quả học tập ngoại khoá như: sưu tầm, trưng bày tư liệu lịch sử theo chủ đề, viết báo cáo chuyên đề, phỏng vấn nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử,...

5. ĐGĐK thực hiện theo quy định. Các tiêu chí đánh giá (đáp án và thang điểm) cần được chuẩn bị cụ thể, rõ ràng.

6. Thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc đổi mới PPDH môn Lịch sử theo hướng phát triển năng lực.

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Các Trung tâm GDTX cần trang bị các thiết bị dạy học tối thiểu: hệ thống bản đồ (thế giới, các châu lục, bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam); tranh ảnh lịch sử, sa bàn, sơ đồ, biểu đồ với sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật như máy tính, máy chiếu, tivi, video, các loại băng đĩa,...

Lịch sử là môn học có hệ thống kiến thức thuộc về quá khứ, HV không thể trực tiếp quan sát. CNTT sẽ hỗ trợ việc tái hiện lịch sử thông qua các phim tài liệu, nguồn sử liệu, hình ảnh, video,... GV cần khai thác, sử dụng các chức năng cơ bản của Internet và các phần mềm tin học để đưa vào bài giảng các hình ảnh, âm thanh, tư liệu lịch sử,... góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, truyền cảm hứng để HV yêu thích môn Lịch sử.

Khuyến khích GV và HV chủ động, tích cực tự làm các thiết bị dạy học của môn Lịch sử như: bản đồ, lược đồ, sa bàn; sưu tầm tranh ảnh về các nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, những nội dung có liên quan đến bài học lịch sử.

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC LỚP 11 MÔN LỊCH SỬ

**Chủ đề 1. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN**

Thời gian thực hiện: 6 tiết

Chủ đề gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản*; 2) *Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản*. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học. Thời lượng của khoảng 6 tiết, mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của trung tâm GDTX. Việc chia thời lượng các bài học cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị xã hội tư tưởng.
- Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

- Nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản;

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Nhận diện được các loại tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về cách mạng tư sản.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Giải thích được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị xã hội tư tưởng; trình bày được mục tiêu nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo và động lực của các cuộc cách mạng tư sản; nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: vận dụng kiến thức đã học so sánh được điểm giống nhau và khác nhau giữa các cuộc cách mạng tư sản.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vấn đề liên quan đến các cuộc cách mạng tư sản.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của việc học tập lịch sử và vai trò của sử học đối với sự phát triển của đất nước.

- *Trách nhiệm, trung thực*: Có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi và khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: phiếu học tập dành cho HV; kênh hình (phóng to), tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ; máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Đọc SGK, sưu tầm tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
- Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

**Trình bày được tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản*

- Chỉ trình bày ngắn gọn những vấn đề cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng là tiền đề dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày tiền đề kinh tế (nông - công - thương nghiệp), tình hình chính trị, xã hội, sự chuyển biến về tư tưởng dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản.

**Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo động lực của các cuộc cách mạng tư sản.*

- Chỉ tập trung trình bày những vấn đề chung về mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

**Nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.*

- Nêu kết hợp giải thích kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV về cách mạng tư sản.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị hình ảnh, video tư liệu, tổ chức trò chơi,...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể tổ chức cho HV:

+ Hoàn thành Phiếu học tập:

Bản đồ ngôn ngữ lịch sử về Cách mạng tư sản

1. Giải thích khái niệm cách mạng tư sản	
2. Kể tên các cuộc cách mạng tư sản mà em biết	
3. Liệt kê ít nhất 5 từ khóa liên quan đến cách mạng tư sản	

Hoặc quan sát hình ảnh ngục Baxti trong Cách mạng Pháp và yêu cầu HV trả lời câu hỏi: *Hình ảnh trên phản ánh sự kiện lịch sử nào? Sự kiện lịch sử này có ý nghĩa như thế nào đối với nước Pháp?*

- HV quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.
- HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, đánh giá hoạt động học: sử dụng nội dung báo cáo của HV để đặt dẫn vào bài học mới: *Ngục Ba-xti vốn là một pháo đài kiên cố được xây dựng vào cuối thế kỉ XIV ở phía đông thủ đô Pa-ri (Pháp). Đến thế kỉ XVII, công trình này được cải tạo thành nhà tù và sau đó trở thành biểu tượng quyền lực của chế độ quân chủ chuyên chế Pháp. Ngày 14-7-1789, hàng nghìn người dân Pa-ri đã nổi dậy đánh chiếm ngục Ba-xti từ tay quân lính của triều đình, mở đầu Cách mạng Pháp - cuộc cách mạng tư sản điển hình thời kì cận đại. Vậy vì sao cách mạng tư sản lại diễn ra? Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực, kết quả và ý nghĩa của cách mạng tư sản là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu tiền đề của cách mạng tư sản

1. Mục tiêu: Trình bày được tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc GV tự sưu tầm hình ảnh, tư liệu,... để HV trình bày tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản..

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị,... về tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản và gợi mở câu hỏi:

1) *Cá nhân:* Hoàn thành Phiếu học tập về tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản.

2) *Nhóm:* Vẽ sơ đồ tư duy tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản.

- HV đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh,... và thực hiện nhiệm vụ cá nhân/hoặc nhóm.
- GV mời HV/hoặc nhóm HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Tiền đề của cách mạng tư sản

- Kinh tế: Trong các thế kỉ XVI - XVIII, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh ở các nước Âu - Mỹ, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp và công thương nghiệp.

- Chính trị: Đa số các nước theo chế độ quân chủ chuyên chế hoặc là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân duy trì chế độ chính trị hà khắc. Giai cấp tư sản và các tầng lớp khác bất mãn với giai cấp thống trị

- Xã hội: Trong xã hội xuất hiện những giai cấp và tầng lớp mới như tư sản, quý tộc mới,... Họ đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và có mâu thuẫn với giai cấp phong kiến hoặc chủ nghĩa thực dân.

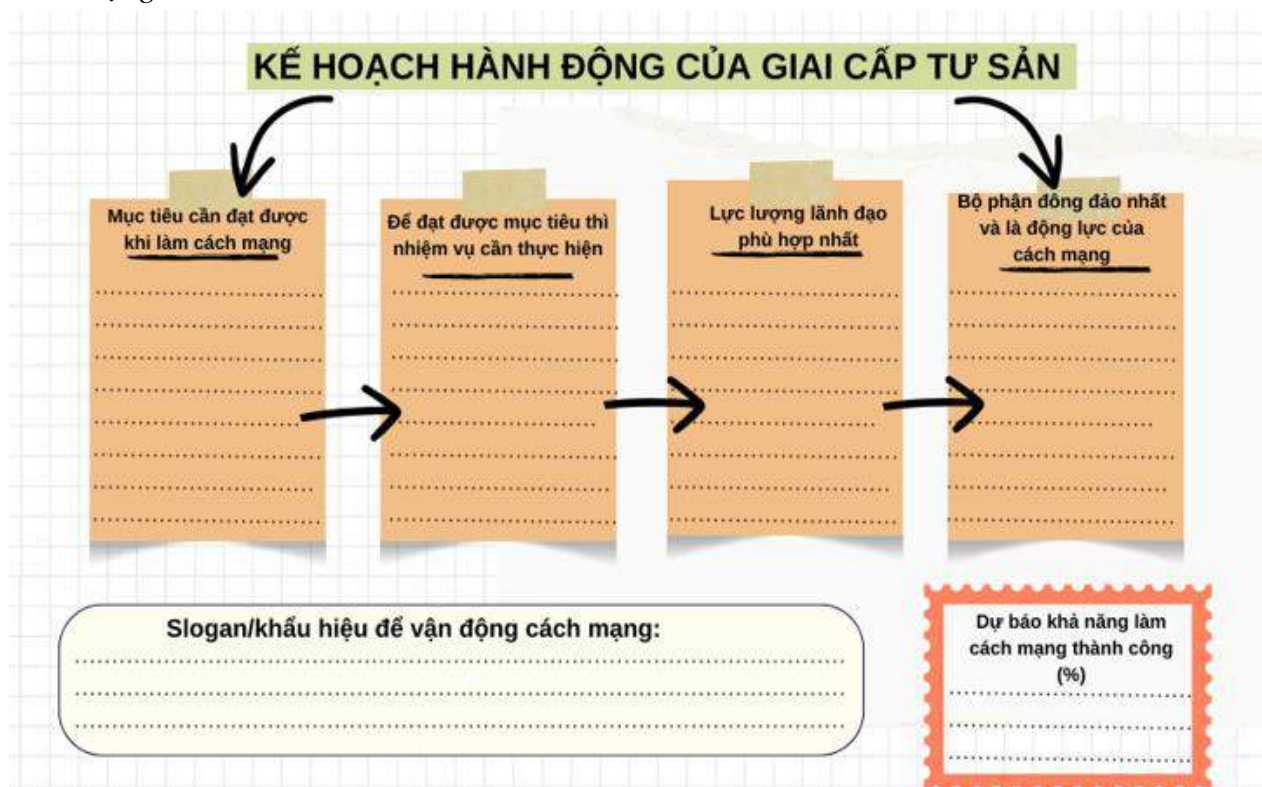
- Tư tưởng: Các trào lưu tư tưởng của giai cấp tư sản phê phán những giáo lí lạc hậu, quan điểm lỗi thời của giai cấp phong kiến và đề xuất những tư tưởng mới tiến bộ, thúc đẩy xã hội phát triển.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản

1. Mục tiêu: Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để HV tìm hiểu mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. Nhấn mạnh: các cuộc cách mạng tư sản có mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo động lực giống nhau nhưng có một số điểm khác biệt do đặc thù của mỗi nước.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập,... về các cuộc cách mạng tư sản và đặt hoàn thành Phiếu học tập: *Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. Nêu những điểm mới của mỗi cuộc cách mạng tư sản hoặc khẩu hiệu để vận động cách mạng.*



- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... và trao đổi câu hỏi.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản.

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Xoá bỏ rào cản kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Nhiệm vụ dân tộc: xoá bỏ tình trạng cát cứ phong kiến, hình thành thị trường dân tộc thống nhất hoặc giải phóng dân tộc và nhiệm vụ dân chủ: xoá bỏ chế độ phong kiến, xác lập nền dân chủ tư sản.

b. Giai cấp lãnh đạo, động lực cách mạng

- Lãnh đạo cách mạng là giai cấp tư sản và các giai cấp, tầng lớp đại diện cho phương thức sản xuất TBCN.

- Động lực cách mạng bao gồm: Lực lượng lãnh đạo và quần chúng nhân dân.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu kết quả và ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản

1. Mục tiêu: Nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để HV trình bày kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.. Nhấn mạnh: mỗi cuộc cách mạng tư sản có thể giành được kết quả, ý nghĩa khác nhau nhưng đều góp phần lật đổ chế độ phong kiến.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ/xem video... về kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản và Hoàn thành Phiếu bài tập về *Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản*.

<i>Các cuộc cách mạng tư sản</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Ý nghĩa</i>
Cách mạng tư sản Anh		
Chiến tranh giành độc lập ở 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ		
Cách mạng tư sản Pháp		

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ/xem video... và trao đổi câu hỏi.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Kết quả và ý nghĩa

a. Kết quả

- Các cuộc cách mạng tư sản đều giành thắng lợi, lật đổ chế độ phong kiến, thực dân và thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa.

b. Ý nghĩa

- Mỗi cuộc cách mạng có ý nghĩa riêng, nhưng nhìn chung các cuộc cách mạng tư sản đã dẫn đến xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; tạo ra nền dân chủ và các thể chế nhà nước dân chủ.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức bài học về các cuộc cách mạng tư sản.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được yêu cầu cần đạt của bài học. Với hai đơn vị kiến thức của bài, GV có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong SGK hoặc có thể tự chuẩn bị, sử dụng nhiều cách khác nhau (Phiếu học tập/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận...) để tổ chức hoạt động luyện tập theo nhóm/cá nhân HV.

Ví dụ: Mời HV tham gia trò chơi “Đào vàng”.

Mỗi lượt trả lời đúng sẽ có điểm cộng.

Câu 1: Sau khi nước Anh trở thành nước cộng hòa, quyền hành trong nước thuộc về giai cấp nào?

Câu 2: Bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền là của quốc gia nào?

Câu 3: Khẩu hiệu nổi tiếng: "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" ở Pháp được thông qua trong văn kiện nào?

Câu 4: Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là gì?

Câu 5: Hoàn thiện đoạn trích sau về Tuyên ngôn độc lập (Ngày 4-7-1776) của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra... Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có... và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học về cách mạng tư sản vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Có thể sử dụng bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Giả sử em là người đã từng tham gia vào một trong những cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Hãy hoàn thành “Hồ sơ cuộc cách mạng” theo gợi ý: Thời gian tham gia cuộc cách mạng; Lí do tham gia cuộc cách mạng; Hoạt động có ý nghĩa đã tham gia; Thông điệp gửi cho thế hệ tương lai.*

- Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản - Phân biệt được những điểm khác biệt về tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu mục tiêu, nhiệm vụ,	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo khi:	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi

giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản	- Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa của cách mạng tư sản	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được kết quả, ý nghĩa của cách mạng tư sản	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về các cuộc cách mạng tư sản	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về các cuộc cách mạng tư sản	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1/cuối kì 1)

Bài 2. SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu và Bắc Mỹ.
- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử để nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại và tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu và Bắc Mỹ; quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống:* vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vấn đề liên quan đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử dụng để tìm hiểu về các cuộc cách mạng tư sản.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, kiên định với con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn

- *Trung thực*: Khách quan, có ý thức tìm hiểu lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ ... phục vụ cho nội dung dạy học.

- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm thông tin, tư liệu có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

- Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

- Không đi sâu vào phân tích bối cảnh sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ nói chung, chỉ tập trung trình bày những nét cơ bản sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

- Không tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nói chung, mà chỉ tập trung hướng dẫn HV trình bày quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản, tìm hiểu những nét riêng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền.

3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại

- Không trình bày về chủ nghĩa tư bản hiện đại chung chung mà tập trung nêu được khái niệm, tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được khái niệm, tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của bản thân HV về sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh, theo gợi ý từ SGK hoặc do GV tự chuẩn bị: trò chơi, video,...) để HV nhận thức được về sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

- GV hướng dẫn HV: quan sát hình ảnh *Toà nhà Em-pai-ơ Xơ-tây được khai trương tại đại lộ số 5, thành phố Niu Y-oóc (Mỹ), trên nền cũ vốn là bất động sản của tầng lớp quý tộc địa phương* được xem như biểu tượng phồn vinh của nước Mỹ và chủ nghĩa tư bản và trả lời câu hỏi: *Nêu suy nghĩ của em về chủ nghĩa tư bản.*

- HV đọc thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh và nêu suy nghĩ.

- HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Ngày 1-5-1931, toà nhà Em-pai-ơ Xơ-tây được khai trương tại đại lộ số 5, thành phố Niu Y-oóc (Mỹ), trên nền cũ vốn là bất động sản của tầng lớp quý tộc địa phương. Với chiều cao 381 mét, toà nhà này là biểu tượng cho sự phồn vinh của Niu Y-oóc cũng như sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Tuy vậy, hàng thập kỉ sau đó, nhiều khu vực trong toà nhà vẫn để trống, không có khách thuê, do hậu quả của cuộc Đại suy thoái 1929 – 1933 – cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất trong lịch sử chủ nghĩa tư bản. Vậy chủ nghĩa tư bản được xác lập, mở rộng và phát triển như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

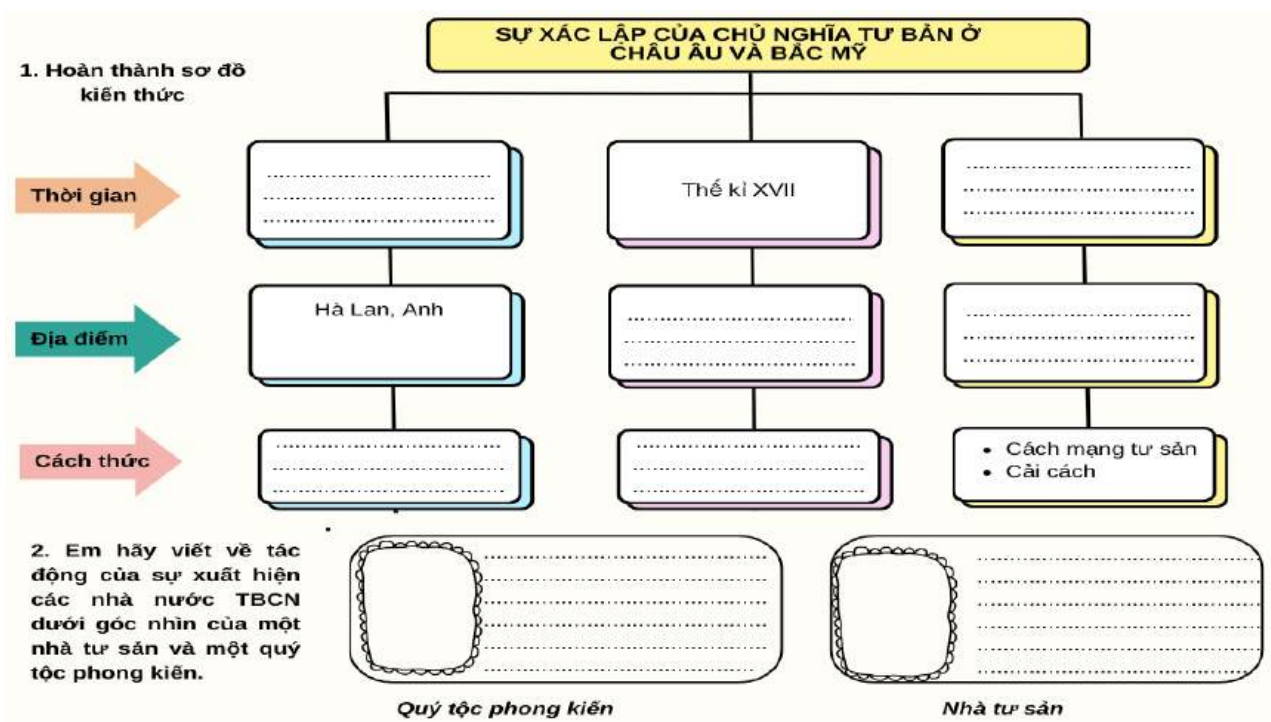
Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

1. Mục tiêu: Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị để tổ chức hoạt động nhận thức cá nhân/nhóm cho HV trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: đọc thông tin tư liệu kết hợp quan sát hình ảnh và hoàn thành Phiếu học tập: *Sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.*



- HV thực hiện nhiệm vụ: đọc tư liệu, quan sát hình ảnh và hoàn thành Phiếu học tập.
- HV báo cáo.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

- Trong những năm 50 - 70 của thế kỉ XIX, các cuộc cách mạng tư sản tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau ở châu Âu và Bắc Mỹ.
- Nửa sau thế kỉ XIX, giai cấp tư sản giành được thắng lợi, lên cầm quyền ở nhiều nước. Chủ nghĩa tư bản chính thức được xác lập ở châu Âu và Bắc Mỹ.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

1. Mục tiêu: Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản

2. Cách tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động: làm việc cá nhân/nhóm/cặp đôi: đọc thông tin SGK/quan sát tranh ảnh/sơ đồ... để xác định quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh trong SGK trả lời câu hỏi:

1. Vì sao chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa? Thuộc địa có tầm quan trọng như thế nào đối với các nước đế quốc?

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/sơ đồ, trả lời câu hỏi 1,2.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

a. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa

- Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mỹ bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, gắn liền với việc mở rộng quyền lực và tầm ảnh hưởng thông qua hoạt động xâm lược thuộc địa bằng vũ lực hoặc các phương thức khác.
- Trong gần bốn thế kỉ (từ đầu thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX) thực dân phương Tây đã không ngừng đẩy mạnh các hoạt động xâm chiếm và đặt ách cai trị ở hầu hết các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

b. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

- Trong thế kỉ XIX, sau các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ, chủ nghĩa tư bản tiếp tục quá trình phát triển và mở rộng ở các khu vực khác nhau trên thế giới.
- Nhờ ứng dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật, nền sản xuất của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh.

c. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền

- Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền.

- Sự phát triển của các tổ chức độc quyền tạo ra cơ sở vật chất cho bước chuyển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về chủ nghĩa tư bản hiện đại

1. Mục tiêu: Nêu được khái niệm, tiềm năng và những thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

2. Cách tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể làm việc cá nhân/toàn lớp: đọc thông tin trong SGK/quan sát tranh ảnh,... để giải quyết vấn đề kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn..

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh hoàn thành Phiếu học tập:

<p>CHỮ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI</p> <p>Tiềm năng</p> <p>Thách thức</p> <p>Khái niệm</p> <p>Phiếu học tập số 2</p>	<p>PHÂN TÍCH THÔNG TIN</p> <p>Chủ đề chính được đề cập trong video</p> <p>Chủ đề nhỏ khác được đề cập trong video</p> <p>Biểu hiện của thực trạng phân biệt giàu nghèo</p> <p>Lấy một ví dụ khác về thực trạng phân biệt giàu nghèo</p> <p>Đề xuất 01 giải pháp hơn chế độ phân biệt giàu nghèo.</p> <p>Phiếu phân tích thông tin</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

- HV làm việc cá nhân kết hợp trao đổi toàn lớp để trao đổi vấn đề.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến trao đổi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại

a. Khái niệm

- Là thuật ngữ dùng để chỉ một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay với những biểu hiện mới, tiêu biểu là sự kết hợp giữa sức mạnh kinh tế của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh chính trị của Nhà nước tư sản.

b. Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

- Tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại biểu hiện trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học - công nghệ, nền tảng pháp chế, kinh nghiệm quản lí, khả năng tự điều chỉnh và thích ứng....

- Thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại được biểu hiện ở bản chất của chế độ, những mâu thuẫn nội tại: tình trạng bất ổn, khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội,...

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức về sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

2. Cách tổ chức hoạt động: Với ba đơn vị kiến thức của bài học, GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng vào thực tiễn qua thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập. Ví dụ: GV mời HS tham gia trò chơi “Ai là triệu phú”, HV sẽ chơi theo nhóm mỗi câu trả lời đúng nhóm sẽ có điểm cộng.

- HV làm việc theo nhóm tham gia trò chơi.

- GV tổ chức cho HV chơi. Câu hỏi:

Câu 1: Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền vào khoảng thời gian nào?

- A. Giữa thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XIX. B. Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
C. Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XXI. D. Cuối thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI.

Câu 2: To- rôt là hình thức tổ chức độc quyền phổ biến ở nước

- A. Anh. B. Đức. C. Pháp. D. Mỹ.

Câu 3: Cơ sở nào dưới đây tác động đến chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền?

- A. Sự tiến bộ về khoa học-kỹ thuật. B. Các phát kiến địa lý mới.
C. Chiến tranh thế giới bùng nổ. D. Thiên tai xảy ra thường xuyên.

Câu 4: Xanh-đi-ca là hình thức tổ chức độc quyền tiêu biểu ở nước

- A. Anh và Pháp. B. Đức và Mỹ. C. Pháp và Anh. 1D. Đức và Pháp.

Câu 5: Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc Đức là

- A. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến. B. Chủ nghĩa đế quốc xâm lược.
C. Chủ nghĩa đế quốc thực dân. D. Chủ nghĩa đế quốc phong kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản vào cuộc sống.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Có quan điểm cho rằng: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay đã thay đổi về bản chất, không còn là chủ nghĩa tư bản như trước đây”. Cho biết ý kiến của em về vấn đề này.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu sự xác lập của chủ nghĩa tư bản	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	Hình thành NL vận dụng thực hành kiến thức, kỹ năng; giao tiếp và hợp tác khi: - Hướng dẫn HV tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa độc quyền đế quốc chủ nghĩa.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu chủ nghĩa tư bản hiện đại	Hình thành NL vận dụng thực hành kiến thức, kỹ năng; NL giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Hướng dẫn HV kết nối kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu tri thức lịch sử với cuộc sống.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: - Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nhận thức lịch sử	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận/Bài tập

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 1

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 1. *Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản* gồm hai đơn vị kiến thức: 1) *Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản*; 2) *Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản*, được dạy trong 6 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và trung tâm GDTX.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy sẽ đảm bảo linh hoạt theo Công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học cho phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: Chủ đề 1. *Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản* - một chủ đề đầu tiên đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với học sinh nói chung, HV Trung tâm GDTX nói riêng, cung cấp cho người học nhận thức đúng đắn về các cuộc cách mạng tư sản. Tuy nhiên, đây là chủ đề khó. GV có thể tổ chức bài Thực hành lịch sử dưới hình thức *Ôn tập kiến thức của chủ đề* bằng việc tổ chức cho HV làm bài tập lịch sử (bài tập trắc nghiệm khách quan và tự luận). Hoặc có thể tổ chức bài Thực hành lịch sử dưới hình thức *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *So sánh điển giống nhau và khác nhau giữa các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ*.

Chủ đề 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 5 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Sự hình thành liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết.* 2) *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay*, được dạy trong khoảng **5 tiết**. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 3. SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- Trình bày được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Thông qua khai thác, sử dụng tư liệu trực quan và tư liệu viết nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để phục vụ cho nội dung bài học.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu để trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết và sự hình thành, ý nghĩa của việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học* để trình bày ý nghĩa của sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- *Tự học và tự chủ*: Thông qua tự khai thác tư liệu để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của bài học.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua trao đổi, thảo luận vấn đề đặt ra trong bài học, đặc biệt là vấn đề gắn với thực tiễn.

2. Phẩm chất

- *Nhân ái*: trân trọng giá trị và ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Không đi sâu vào tìm hiểu chung quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết mà chỉ tập trung trình bày những yếu tố cơ bản quyết định sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết..

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Không tìm hiểu ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết chung chung mà phải đi sâu trình bày ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết đối với nước Nga và thế giới.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của HV về Liên Xô và nước Nga ngày nay.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được về Liên Xô và nước Nga ngày nay.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV có thể yêu cầu HV quan sát hình ảnh lá cờ và sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết và trả lời câu hỏi: *Lá cờ của quốc gia nào? Nêu điều em biết về quốc gia này.*

- HV đọc thông tin, tư liệu, xem video và thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời đáp án.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Cuối năm 1922, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) ra đời, là một nhà nước thống nhất gồm bốn nước cộng hoà Xô viết thành viên (Nga, Bê-lô-rút-xi-a, U-crai-na và Ngoại Cáp-ca-dơ). Trong những thập kỉ sau đó, từ một nước kém phát triển, Liên Xô nhanh chóng hoàn thành quá trình công nghiệp hoá và trở thành một trong hai siêu cường của thế giới. Vậy Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có quá trình hình thành như thế nào? Sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa ra sao? Bài học này sẽ giúp em làm rõ những nội dung trên.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

1. Mục tiêu: Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được khái niệm văn minh.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: đọc thông tin tư liệu/ quan sát hình ảnh trong SGK và đặt câu hỏi: *Hình ảnh, tư liệu đang nói về sự kiện lịch sử nào? Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Chính quyền Xô viết sau thắng lợi Cách mạng tháng Mười là gì? Vì sao phải thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết? Tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là tư tưởng nào? Biểu tượng Quốc huy và nội dung bản Hiến pháp đầu tiên thể hiện điều gì? Ngày 21-1-1924 có một sự kiện lịch sử quan trọng ở Liên Xô? Đó là sự kiện nào?* hoặc hoàn thành Phiếu học tập:

SỰ RA ĐỜI CỦA LIÊN BANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

1. Hoàn thành sơ đồ đường trục thời gian Sự hình thành Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết

..... 25-10-1917 1923
30-12-1922	1-1924

-Nhận xét về chính sách thực hiện của Chính phủ Xô Viết sau khi thành lập:

.....
.....

2. Hoàn thành bảng thống kê ý nghĩa Sự hình thành Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết

<p>Đối với nước Nga - Liên Xô</p> <p>.....</p>	<p>Đối với thế giới</p> <p>.....</p>
---------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------

• Đọc tư liệu và thực hiện nhiệm vụ:

Tư liệu: "Tới năm 1922, trên lãnh thổ nước Nga tồn tại 6 nước...Đặc điểm nổi bật của các nước cộng hòa này là sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hoá và chính trị...Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã mang lại sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hòa Xô viết. Nhưng sự bình đẳng ấy chỉ thực sự vững chắc khi dựa trên sự bình đẳng về kinh tế và văn hoá. Trong thời kì nội chiến và can thiệp vũ trang, trước nguy cơ đe dọa của bọn bạch vệ phản động và các thế lực đế quốc quốc tế, các nước Cộng hòa Xô viết đã liên minh chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau nhằm đánh bại kẻ thù chung." (Nguồn: Nguyễn Anh Thái (chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, 2006, tr.45-46)

Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời có phải là một tất yếu không? Vì sao?

.....
.....

- HV thực hiện nhiệm vụ và trả lời câu hỏi.
- HV báo cáo, trình bày.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

a. Sự ra đời của chính quyền Xô viết

- Sau cách mạng, hai chính quyền song song tồn tại.
- Lê-nin và đảng Bôn-sê-vích tiếp tục thực hiện Cách mạng tháng Mười. Đêm 25-10 Đại hội Xô viết toàn Nga đã tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu.

b. Sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Nguyên nhân: Để bảo vệ thành quả cách mạng và chống thù trong giặc ngoài.
- Ngày 30-12-1922, Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô).
- Tháng 1-1924, bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

1. Mục tiêu: Trình bày được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị,... để HV nhận thức được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/đồ dùng trực quan trong SGK,... về ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết và thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Ý nghĩa trong nước: Quá trình thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết. Sức mạnh của tình đoàn kết

- Ý nghĩa quốc tế: Liên Xô trở thành biểu tượng và là chỗ dựa về tinh thần, vật chất to lớn cho phong trào cách mạng thế giới.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Cũng cố được tri thức về sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau dựa theo gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học về sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết để HV luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm lập bảng thống kê/thiết kế trò chơi/viết bài giới thiệu/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Sử dụng phần mềm thiết kế trò chơi. Các nhóm chơi được tính điểm cộng.*

Câu hỏi:

Câu 1: Bốn nước đầu tiên trong Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là

- A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.
- B. Nga, Bê-lô-rút-xi-a, Ca-dắc-xtan và Ngoại Cap-ca-dơ.
- C. Nga, U-crai-na, E-xtô-ni-a; và Lít va.
- D. Nga, U-crai-na, Lít-va, Bê-la-rút-xi-a.

Câu 2: Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng và hóa bình thế giới vì lí do nào dưới đây?

- A. Chính phủ Liên Xô có nhiều chính sách đối ngoại hòa bình và tích cực.
- B. Liên Xô đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự với Mỹ.
- C. Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới (chỉ sau Mỹ)
- D. Liên Xô là nước dẫn đầu thế giới về những chuyến bay dài ngày trong vũ trụ.

Câu 3: Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 12 - 1922. B. Tháng 3 - 1923. C. Tháng 3 - 1921. D. Tháng 1 - 1924.

Câu 4: Tháng 01/1924, bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua xác định vấn đề quan trọng nào sau đây?

- A. Sự ra đời của Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
- B. Chính Đảng vô sản đầu tiên trên thế giới đấu tranh cho quyền lợi của mọi giai cấp.
- C. Nhà nước tư bản chủ nghĩa hiện đại đầu tiên trên thế giới được xác lập.
- D. Thừa nhận sự tồn tại của các đảng cầm quyền vì nền dân chủ tiến bộ.

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết trong thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Theo kết quả cuộc khảo sát (năm 2021) của Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội toàn Nga, khoảng 67% người được hỏi có mong muốn khôi phục Liên Xô. Theo em, vì sao cho đến nay có nhiều người dân Nga vẫn tôn trọng và mong muốn gìn giữ những giá trị của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được ý nghĩa sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	Quan sát	Bảng ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực tra giữa hành
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1)

Bài 4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ Latinh.
- Phân tích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô.
- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.
- Nêu được thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.
- Có ý thức trân trọng những thành tựu giá trị của chủ nghĩa xã hội sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử* thông qua biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay; thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.
- *Năng lực nhận thức tư duy lịch sử* thông qua nhận thức được sự mở rộng chủ nghĩa xã hội, giải thích được nguyên nhân sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học* biết vận dụng kiến thức đã học giải thích về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- *Tự học và tự chủ*: thông qua tự khai thác tư liệu để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra.
- *Giao tiếp và hợp tác*: thảo luận nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của bài học.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua trao đổi, thảo luận vấn đề đặt ra trong bài học, đặc biệt là vấn đề gắn với thực tiễn.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm: có ý thức trân trọng giá trị ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội và những thành quả của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.
- Phiếu học tập dành cho HV.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.
- Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

- Chỉ tập trung vào nêu được một số những nét chính về chủ nghĩa xã hội từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.

- Đặc biệt, nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.

2. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Chỉ tập trung vào một số nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

- Đặc biệt nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng thông tin tư liệu trong SGK hoặc do GV chuẩn bị hình ảnh/trò chơi,... để HV nhận thức được về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

- GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HV quan sát hình ảnh các lá cờ của Hungary, Bungary và Ba Lan hình đề: *Đoán tên các nước hoặc kể tên và nêu hiểu biết về những quốc gia này.*

- HV trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài trả lời và nêu ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Đây là các nước xã hội chủ nghĩa được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vậy chủ nghĩa xã hội được phát triển và mở rộng như thế nào? Vì sao chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ? Từ năm 1991 đến nay, chủ nghĩa xã hội có những nét chính nào? Công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đạt được những thành tựu chính nào và có ý nghĩa ra sao chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

1. Mục tiêu: Nêu được nét chính của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được nét chính của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin/ quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Sử dụng lược đồ xác định tên và vị trí các nước Dân chủ nhân dân ở Đông Âu được thành lập sau chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Nêu thành tựu các nước này đạt được trong những năm 1950 - 1975.

+ Nêu những nét chính về sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Lào) và khu vực Mỹ La-tinh (Cu-ba).

+ Phân tích nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

- HV thực hiện nhiệm vụ: theo cá nhân hoặc theo nhóm.

- HV trả lời câu hỏi hoặc báo cáo sản phẩm theo từng nhiệm vụ được phân công.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1991

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

- Quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX trải qua hai giai đoạn chính:

+ Từ năm 1944 đến năm 1945: Dưới sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, nhân dân các nước Đông Âu đã thành lập được chính quyền dân chủ nhân dân.

+ Từ năm 1945 đến năm 1949: Các nước Đông Âu hoàn thành việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân

+ Từ năm 1949 đến giữa những năm 70: Các nước Đông Âu bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.

b. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La tinh

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới, trải dài từ châu Âu sang châu Á, lan tới vùng biển Ca-ri-bê thuộc khu vực Mỹ La tinh.

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa nói chung và Liên Xô nói riêng còn có ảnh hưởng quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế.

c. Nguyên nhân sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

- Thứ nhất, do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí.

- Thứ hai, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại không được áp dụng kịp thời vào sản xuất

- Thứ ba, quá trình cải cách, cải tổ phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, cách thức tiến hành.

- Thứ tư, hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch ở trong nước và các thế lực bên ngoài góp phần làm gia tăng tình trạng bất ổn và rối loạn.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

1. Mục tiêu: Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc nhóm cặp đôi:

+ Trình bày nét chính của chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

+ Nêu những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa Trung Quốc.

Yêu cầu sản phẩm: Phiếu học tập, bài thuyết trình

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

a. Khái quát chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước châu Á, khu vực Mỹ Latinh là cơ sở vững chắc để chứng minh chủ nghĩa xã hội có sức sống, có triển vọng thực sự trên thế giới, đồng thời khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của thời đại.

b. Thành tựu công cuộc cải cách ở Trung Quốc

Nội dung	Thành tựu
Về chính trị	Thành tựu lớn nhất là Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
Về kinh tế	Trung Quốc đã duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm.
Khoa học công nghệ	Trung Quốc đạt được những thành tựu nổi bật như: phát triển ngành hàng không vũ trụ, hệ thống đường cao tốc, công nghệ AI, sinh học...
Về đối ngoại	Chính sách đối ngoại của Trung Quốc có nhiều thay đổi theo xu thế đa dạng hoá, đa phương hoá trong các mối quan hệ song phương và đa phương.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

- HV làm việc cá nhân/nhóm vẽ sơ đồ tư duy/lập bảng thống kê/thiết kế trò chơi/viết bài giới thiệu/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập. Ví dụ:

Lập bảng thống kê những nét chính sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay theo các nội dung sau:

Giai đoạn	Những nét chính
Sự phát triển của CNXH từ 1945-1991	
Sự phát triển của CNXH từ 1991 đến nay	

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Lựa chọn và viết bài giới thiệu một quốc gia phát triển theo con đường chủ nghĩa xã hội từ Sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. (Gợi ý: bài viết giới thiệu được: Tên nước, quá trình phát triển theo chủ nghĩa xã hội, bài học rút ra, ...).

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tự duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu: - Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tyranh thế giới thứ hai đến năm 1991 - Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau 1991 đến nay	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận

Vận dụng	về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.		(Kiểm tra giữa kì 1)
----------	------------------------------------------------------------------------------------	--	----------------------

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 2

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 2. *Chủ nghĩa xã hội từ 1945 đến nay* gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.* 2) *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai*, được dạy trong 4 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 2. Chủ nghĩa xã hội từ 1945 đến nay* cung cấp cho người học hiểu biết về sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, GV có thể tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử dưới hình thức làm Bài tập trắc nghiệm, tổ chức trò chơi hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *Tìm hiểu điểm đặc sắc sự tồn tại của bốn nhà nước còn duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay (Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu ba).* Gợi ý:

Cấp:.....

Ngày:.....

NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

1. Khái quát về các nước xã hội chủ nghĩa sau năm 1991

.....
.....
.....

2. Tình hình các nước xã hội từ sau năm 1991 đến nay

Việt Nam

.....
.....
.....

Trung Quốc

.....
.....
.....

Lào

.....
.....
.....

Cuba

.....
.....
.....

3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội

.....
.....
.....

Chủ đề 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA Ở ĐÔNG NAM Á

Thời gian thực hiện: 04 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á*; 2) *Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á* được dạy trong 4 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 5. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).
- Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm.
- Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á; trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm; giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề về quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.

- *Hình thành năng lực tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu về quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm: phê phán, lên án chủ nghĩa thực dân.
- Nhân ái: Cảm thông với nhân dân các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân đô hộ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).
- Công cuộc cải cách ở Xiêm.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. *Quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa)*

- Chỉ tìm hiểu nét cơ bản quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo).

2. *Công cuộc cải cách ở Xiêm*

- Chỉ tìm hiểu những nét chính công cuộc cải cách ở Xiêm.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. **Mục tiêu:** Khai thác được hiểu biết về các quốc gia Đông Nam Á (Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo).

2. **Tổ chức hoạt động:** có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/trò chơi... để nêu được hiểu biết về các quốc gia Đông Nam Á.

Ví dụ: *Nhìn vào hình lá cờ, trang phục truyền thống đoán tên quốc gia.*



- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Đây là 10 quốc gia Đông Nam Á. Trong quá trình phát triển của mình, các quốc gia này đã tiến hành các cuộc đấu tranh giành độc lập như thế nào? Tại sao chỉ có Xiêm là thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây?. Những vấn đề đó chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.*

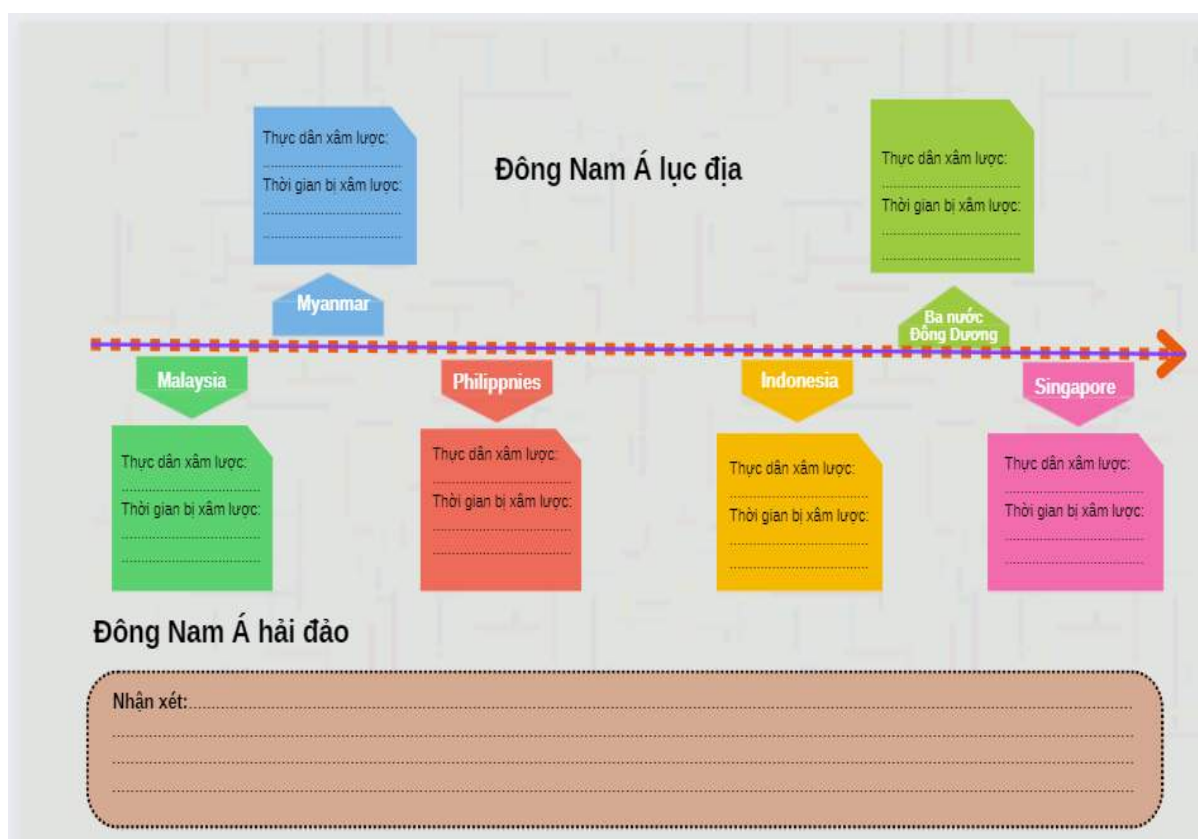
Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á

1. Mục tiêu: Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á).

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị, ...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để hoàn thành Phiếu học tập: Sơ đồ quá trình thực dân phương Tây xâm lược Đông Nam Á:



Hoặc thảo luận:

+ Trình bày quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào Đông Nam Á.
+ Tại sao quá trình xâm lược của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á lại diễn ra trước tiên đối với các nước Đông Nam Á hải đảo? Yêu cầu sản phẩm nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình chiếu PPT, sơ đồ tư duy,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á

a. Đông Nam Á hải đảo

<i>Quốc gia</i>	<i>Quá trình xâm lược</i>
<i>Phi-lip-pin</i>	Từ thế kỉ XVI, Tây Ban Nha bắt đầu quá trình xâm lược và tổ chức bộ máy cai trị. Năm 1898, Mỹ thay thế Tây Ban Nha cai trị Phi-lip-pin.
<i>In-ô-nê-xi-a</i>	Từ thế kỉ XVII, Hà Lan bắt đầu xâm lược các tiểu quốc Hồi giáo. Đến đầu thế kỉ XIX, phần lớn quần đảo In-ô-nê-xi-a nằm dưới ách đô hộ của thực dân Hà Lan.
<i>Ma-lai-xi-a</i>	Quá trình thực dân Anh xâm lược các tiểu quốc Hồi giáo như Pê-rắc, Kê-đa, Kê-lan-tan, Pê-nang, đã diễn ra trong giai đoạn từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, đưa tới sự thành lập Mã Lai thuộc Anh.
<i>Xin-ga-po</i>	Năm 1819, thực dân Anh kí hiệp ước với các thủ lĩnh Hồi giáo địa phương để thiết lập cảng Xin-ga-po. Đến năm 1824, toàn bộ Xin-ga-po trở thành thuộc địa của Anh.

b. Đông Nam Á lục địa

<i>Quốc gia</i>	<i>Quá trình xâm lược</i>
<i>Mi-an-ma</i>	Thực dân Anh tiến hành ba cuộc xâm lược vào các năm 1824-1826, 1852, 1885 và biến Mi-an-ma thành thuộc địa.
<i>Việt Nam</i>	Lấy cớ bảo vệ giáo sĩ và giáo dân Công giáo, ngày 1-9-1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam.
<i>Cam-pu-chia</i>	Nhân tình hình chính trị trong triều đình Phnôm Pênh rối ren, năm 1863, thực dân Pháp ép chính quyền Cam-pu-chia kí hiệp ước công nhận sự bảo hộ của Pháp đối với Cam-pu-chia.
<i>Lào</i>	Năm 1893, Xiêm buộc phải kí hiệp ước thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Lào, biến vương quốc này thành xứ bảo hộ của Pháp nằm trong Liên bang Đông Dương.

Hoạt động 2. Tìm hiểu công cuộc cải cách ở Xiêm

1. Mục tiêu: Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm và giải thích vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để:

+ Trình bày bối cảnh, nội dung công cuộc cải cách ở Xiêm.

+ Giải thích vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình chiếu PPT, sơ đồ tư duy, bảng thống kê, Phiếu học tập,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Công cuộc cải cách ở Xiêm	
<i>Bối cảnh</i>	
<p>- Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh và Pháp mở rộng xâm lược ở Đông Nam Á lục địa, Xiêm trở thành đối tượng bị nhòm ngó. Xiêm trở thành vùng đệm giữa hai thế lực thực dân.</p> <p>- Trước mối đe dọa của chủ nghĩa thực dân và nhu cầu phát triển đất nước, vua Ra-ma IV và Ra-ma V đã tiến hành cải cách theo hướng hiện đại hoá nhằm bảo vệ nền độc lập.</p>	
<i>Lĩnh vực</i>	<i>Nội dung chính</i>
<i>Chính trị - quân sự</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình nhà nước thống nhất và tập trung theo hướng hiện đại. Chính phủ được tổ chức thành các bộ có quyền lực ngang nhau - Tổ chức lại hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương, quyền lực của giới quý tộc địa phương từng bước bị xoá bỏ. - Giải tán hội đồng quý tộc, xây dựng hệ thống luật pháp hiện đại với sự cố vấn của các quan chức phương Tây.
<i>Kinh tế</i>	Sử dụng các cố vấn người nước ngoài nhằm phát triển công nghiệp, giao thông vận tải, thương mại,...
<i>Xã hội</i>	Xoá bỏ chế độ lao dịch và quan hệ nô lệ, ban hành Luật việc làm quy định tất cả người lao động phải được trả lương.
<i>Văn hóa</i>	Thành lập các trường đại học theo mô hình phương Tây, cải cách giáo dục, cử sinh viên sang các nước Âu – Mỹ du học.
<i>Ngoại giao</i>	Từng bước xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã kí với các cường quốc phương Tây, xây dựng quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia trên thế giới.
<i>Ý nghĩa</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - Công cuộc cải cách đưa nền kinh tế Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa với nhiều thành tựu quan trọng về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại. - Phản ánh tinh thần độc lập, tự chủ của người Thái, khả năng ngoại giao khéo léo, linh hoạt trong nhận thức và vận dụng yếu tố thời đại phục vụ cho lợi ích quốc gia. - Cuộc cải cách giúp Xiêm thoát khỏi nguy cơ trở thành một nước thuộc địa, giữ vững chủ quyền đất nước. 	

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá về quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á và công cuộc cải cách ở Xiêm.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài

học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/ nhóm và dựa vào kiến thức đã học vẽ sơ đồ trực/lập bảng thống kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập,....

Ví dụ: Tổ chức trò chơi ô chữ với bộ câu hỏi:

1. Đất nước được gọi với các tên “Quốc gia nghìn đảo”
2. Đông Ti-mo là thuộc địa của nước nào?
3. Nước có nhiều thuộc địa nhất ở Đông Nam Á
4. Tên phong trào chống Pháp tiêu biểu ở Việt nam cuối thế kỉ XX
5. Indônêxia là thuộc địa của nước này
6. Đây là nước lớn nhất ở Đông Dương.
7. Đây là nước ra đời muộn nhất ở Đông Nam Á
8. Học thuyết của ông bắt đầu được truyền bá ở Indônêxia từ 1905.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á và công cuộc cải cách ở Xiêm.

2. Cách tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất,... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: Từ bài học của Xiêm, hãy đề xuất một số giải pháp để đưa Việt Nam thoát khỏi nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây ở thế kỉ XIX.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu công cuộc cải cách ở Xiêm	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi nêu được công cuộc cải cách ở Xiêm	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)

Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về và công cuộc cải cách ở Xiêm.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối học kì 1)

Bài 6. HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin) và Đông Nam Á lục địa (Mi-an-ma, ba nước Đông Dương).

- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

- Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam.

- Trình bày được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.

- Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á và những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin) và Đông Nam Á lục địa (Mi-an-ma, ba nước Đông Dương) và quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Vận dụng được kiến thức đã học giải thích được một số vấn đề về cuộc đấu tranh chống xâm lược, giành độc lập dân tộc và phát triển ở Đông Nam Á, kết nối với thực tiễn hiện nay.

- *Hình thành năng lực tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu hành trình đi đến độc lập của các quốc gia Đông Nam Á.

2. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: từ hiểu được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á và có ý thức trách nhiệm đấu tranh bảo vệ quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, phiếu học tập... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á.

- Các giai đoạn phát triển cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

- Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

- Không tìm hiểu tất cả phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á mà chỉ tìm hiểu những phong trào đấu tranh tiêu biểu.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin) và Đông Nam Á lục địa (Mi-an-ma, ba nước Đông Dương).

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

- Không tìm hiểu quá chi tiết các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á, chỉ tìm hiểu những sự kiện tiêu biểu ở mỗi giai đoạn đấu tranh và nêu được ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

- Chỉ tập trung tìm hiểu những nét chính thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. **Mục tiêu:** Khai thác được hiểu biết của HV về phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á.

2. **Tổ chức hoạt động:** có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh, trò chơi,... để nêu được hiểu biết về phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á.

Ví dụ: Tổ chức trò chơi “*Hộp quà bí ẩn*”. HV trả lời đúng các câu hỏi tương ứng với 1 phần quà nhỏ:

1. Phi-líp-pin trở thành thuộc địa của nước nào? (1 điểm cộng)

2. Cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp hoàn thành quá trình xâm lược các nước nào ở Đông Nam Á? (1 cây viết)

3. Nguyên nhân đế quốc phương Tây xâm lược Đông Nam Á? (1 tràng vỗ tay)

4. In-đô-nê-xi-a trở thành thuộc địa của nước nào? (1 điểm cộng)

5. Mã Lai, Miến Điện trở thành thuộc địa của nước nào? (thêm lượt)

6. Vì sao Thái Lan còn giữ được hình thức độc lập? (2 điểm cộng)

- HV tham gia trò chơi.

- GV mời HV chơi trò chơi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: 10 giờ sáng ngày 17-8-1945, lãnh tụ Đảng Dân tộc In-đô-nê-xi-a là Xu-các-nô bước ra bên ngoài ngôi nhà riêng ở số 56 Pe-gang san Ti-mu (Gia-các-tal và đọc lời tuyên bố: "Chúng tôi, nhân dân In-đô-nê-xi-a, trịnh trọng tuyên bố nền độc lập của In-đô-nê-xi-a. Các vấn đề liên quan tới chuyển giao chính quyền và các vấn đề khác sẽ được quyết định một cách thận trọng trong thời gian ngắn nhất". Bức thông điệp ngắn gọn này là bản Tuyên ngôn Độc lập của In-đô-nê-xi-a quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vậy cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở các nước Đông Nam Á đã diễn ra như thế nào? Chế độ thực dân có ảnh hưởng gì đối với các nước thuộc địa ở Đông Nam Á? Quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay diễn ra như thế nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

1. Mục tiêu: Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin) và Đông Nam Á lục địa (Mi-an-ma, ba nước Đông Dương).

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để: Hoàn thành bảng thống kê cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Đông Nam Á chống thực dân phương Tây từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX.

Nước	Các cuộc đấu tranh tiêu biểu
In-đô-nê-xi-a	
Phi-líp-pin	
Mi-an-ma	

Việt Nam	
Cam-pu-chia	
Lào	

Yêu cầu sản phẩm: bảng thống kê,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á	
<i>Các cuộc đấu tranh tiêu biểu</i>	
In-đô-nê-xi-a	Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan xâm lược bắt đầu từ thế kỉ XVII, dưới sự lãnh đạo của các vương triều Hồi giáo. Đến đầu thế kỉ XIX, hoàng tử Đì-pô-nê-gô-rô tập hợp 70 quý tộc tiến hành cuộc kháng chiến lớn trên đảo Gia-va nhưng thất bại.
Phi-lip-pin	Phong trào đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha bắt đầu từ giữa thế kỉ XVI. Từ thế kỉ XVIII, phong trào đấu tranh của các vương quốc Hồi giáo khiến quân Tây Ban Nha chịu nhiều thiệt hại.
Mi-an-ma	Các cuộc kháng chiến chống thực dân Anh xâm lược đã diễn ra mạnh mẽ. Đến năm 1885, sau sáu thập kỉ, người Anh mới xâm chiếm được toàn bộ Mi-an-ma.
Việt Nam	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra quyết liệt trong gần ba thập kỉ (1858 – 1884), gây cho quân Pháp nhiều tổn thất nặng nề.
Cam-pu-chia	Nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi trong cả nước, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha (1861 – 1892); của A-cha Xoa (1863 – 1866); của Pu-côm-bô (1866 – 1867),..
Lào	Phong trào chống Pháp bùng nổ mạnh mẽ sau khi hiệp ước bảo hộ của thực dân Pháp được kí vào năm 1893.
<i>Nhận xét:</i> Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược của nhân dân các nước Đông Nam Á diễn ra sôi nổi, liên tục, gây nhiều khó khăn cho chúng, tuy nhiên hầu hết các cuộc đấu tranh đều thất bại.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

1. Mục tiêu: Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để:

- + Nêu các giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.
- + Nhận xét gì về hình thức đấu tranh và lực lượng tham gia trong phong trào đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

Yêu cầu sản phẩm: bài trình chiếu PPT, sơ đồ tư duy, bài thuyết trình,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

- *Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920*: Đánh dấu sự ra đời và phát triển của giai cấp tư sản ở Đông Nam Á; đây là giai đoạn phong trào đấu tranh theo ý thức hệ phong kiến dần được thay bằng phong trào theo xu hướng tư sản. Hình thức đấu tranh phong phú bạo động cách mạng (Phi-líp-pin), khởi nghĩa (In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam, Mi-an-ma, cải cách ôn hoà (In-đô-nê-xi-a) đòi dân nguyện (Mi-an-ma)

- *1920-1945*: Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh. Đây là giai đoạn giai cấp vô sản bước lên vũ đài chính trị với sự ra đời của đảng cộng sản ở các quốc gia như: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Mã Lai, Xiêm,...

- *1945-1975*: Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Từ năm 1945 đến năm 1954, phong trào đấu tranh dâng cao với thắng lợi của nhiều quốc gia như In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào,...; từ năm 1954 đến năm 1975, là giai đoạn các nước Đông Nam Á lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

1. Mục tiêu: Trình bày được nét chính quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để:

+ *Trình bày những ảnh hưởng của chế độ thực dân ở khu vực Đông Nam Á.*

+ *Hoàn thành Phiếu học tập về quá trình tái thiết và phát triển của các nước Đông Nam Á sau khi giành được độc lập.*

Quá trình tái thiết và phát triển

Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN

.....

.....

.....

Ba nước Đông Dương

.....

.....

.....

Các nước khác

.....

.....

.....

Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình thuyết trình, bài trình chiếu PPT, sơ đồ tư duy,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập	
a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân	
Nội dung	Ảnh hưởng
Xã hội	Chính sách “chia để trị” của thực dân phương Tây là một trong những nguyên nhân dẫn tới xung đột sắc tộc, tôn giáo, vùng miền gay gắt, đồng thời gây ra nhiều tranh chấp về biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia trong khu vực.
Chính trị	Chế độ thực dân để lại một hệ thống cơ sở hạ tầng nghèo nàn, lạc hậu. Phần lớn các nước trong khu vực bị biến thành nơi cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hoá của phương Tây.
Văn hóa	Thực dân phương Tây áp đặt nền văn hoá nô dịch, thi hành chính sách ngu dân và hạn chế hoạt động giáo dục đối với nhân dân các nước thuộc địa.

*** Nhận xét:** Sau hơn bốn thế kỉ thống trị, thực dân phương Tây đã tạo ra một số thay đổi ở khu vực Đông Nam Á như gắn kết khu vực với thị trường thế giới, du nhập nền sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hoá. Tuy nhiên, chế độ thực dân đã để lại hậu quả nặng nề đối với các quốc gia Đông Nam Á.

b. Quá trình tái thiết và phát triển

Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một số nước Đông Nam Á đã bắt đầu quá trình tái thiết đất nước, tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh và các tàn dư của thời kì thuộc địa

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về hành trình đi đến độc lập của các quốc gia Đông Nam Á.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa trên kiến thức đã học để xây dựng sơ đồ trực thời gian, lập bảng thống kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập/....

Ví dụ: *Xây dựng trực thời gian tóm tắt các giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc ở khu vực Đông Nam Á.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về hành trình đi đến độc lập của các quốc gia Đông Nam Á.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn

nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tài liệu từ sách, báo và internet, viết một bài (khoảng 300 chữ) về quá trình tái thiết và phát triển của một quốc gia Đông Nam Á mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Tóm tắt được phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Tóm tắt được thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)

<p>Vận dụng</p>	<p>Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập.</p>	<p>Sản phẩm học tập</p>	<p>Phiếu đánh giá theo tiêu chí</p>
-----------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------	-------------------------------------

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 3

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 3. *Quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á* gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á*; 2) *Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á*, được dạy trong 4 tiết với những YCCĐ cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 3. Quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á* cung cấp cho người học hiểu biết về các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại và các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại. GV có thể tổ chức tiết Thực hành lịch sử dưới hình thức *Xem video, phim tư liệu về Quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á* hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *Tìm hiểu những dấu tích về quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á còn tồn tại trong đời sống ngày nay*.

CHỦ ĐỀ 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

Thời gian thực hiện: 10 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.* 2) *Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)* được dạy trong 10 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 7. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam.
- Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.
- Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử.
- Biết sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.
- Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và những cuộc kháng chiến không thành công của Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả.
- Trình bày được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược và nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử.
- Vận dụng kiến thức đã học rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam sẵn sàng tham gia công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và đóng góp xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử:* Biết sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu, lược đồ lịch sử để xác định được vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam.
- *Nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu; vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam và những cuộc kháng chiến không thành công của Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả; nguyên nhân chính dẫn đến

thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược và nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để rút ra những bài học lịch sử từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Thông qua việc có ý thức trân trọng tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam.

- *Trách nhiệm*: Biết trân trọng, tự hào về giá trị trường tồn của ông cha để lại và tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

- Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu.

- Một số cuộc kháng chiến không thành công.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- Không đi sâu tìm hiểu diễn biến cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam, chỉ tập trung phân tích vai trò, ý nghĩa của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu mà chỉ đi sâu tìm hiểu một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nội dung chính các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả.

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các cuộc kháng chiến không thành công mà chỉ đi sâu tìm hiểu một số cuộc kháng chiến không thành công tiêu biểu.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công của Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết của HV về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/xem video để kể tên và nêu hiểu biết về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

Ví dụ: HV tham gia giải ô chữ, mỗi câu trả lời đúng sẽ có điểm cộng

Câu 1: Người anh hùng trẻ tuổi chống giặc Ân bảo vệ tổ quốc (10 ô chữ).

Câu 2: Người Anh hùng dân tộc thời Lý, có công phá Tống, bình Chiêm, giữ yên bờ cõi. (12 ô chữ).

Câu 3: Hỏi ai tử tiết theo thành. Ngàn năm một thừa uy danh vang lừng - Là ai? (9 ô chữ).

Câu 4: Anh hùng dân tộc thời Trần dưới đây được Cao Bá Quát ca ngợi:

“Công lao đây khoảng trời Nam, sử xanh ghi chép

Uy linh khắp miền Đông hải, sóng cả yên lặng”. (12 ô chữ).

Câu 5: Ông là gia nô dưới trướng Trần Quốc Tuấn, có tài bơi lội, lập nhiều công lao lớn, được vua ban danh hiệu "Trần triều đệ nhất đô soái thủy quân. (7 ô chữ).

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV giải ô chữ.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Trong Bình Ngô đại cáo, thay lời chủ tướng Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã khẳng định chủ quyền độc lập cùng truyền thống lịch sử và văn hiến lâu đời của nước nhà, đồng thời dẫn ra những thất bại của thế lực ngoại xâm trước các cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập dân tộc. “Vậy nên:*

Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong”.

Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò, ý nghĩa như thế nào? Có những cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu nào? Có những cuộc kháng chiến nào không thành công? Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi hoặc thất bại trong các cuộc kháng chiến là gì? chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

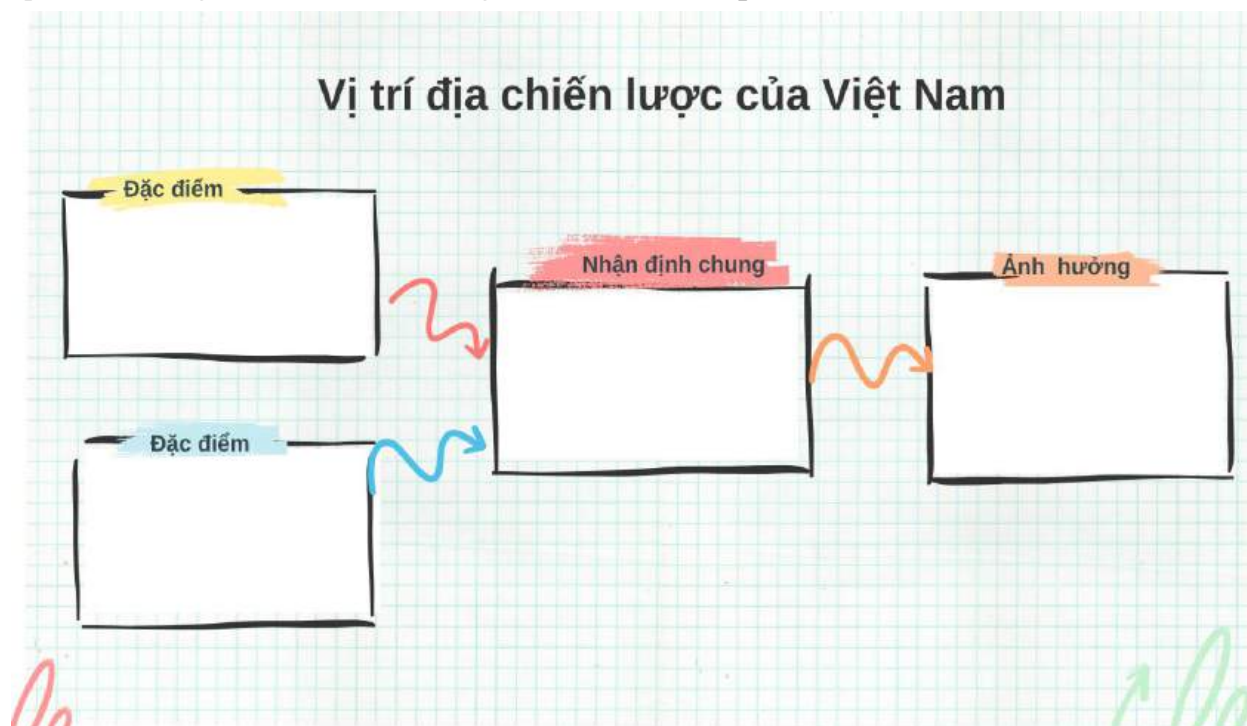
1. Mục tiêu: Nêu được vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam và phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông

tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/lược đồ... để:

+ *Xác định trên lược đồ vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam và hoàn thành Phiếu học tập về tác động của nó đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc.*



+ *Trình bày vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Với vị trí chiến lược nổi bật, trong nhiều thế kỉ, lãnh thổ Việt Nam thường xuyên là đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài.

- Trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam là địa bàn cạnh tranh địa chính trị, xác lập và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới.

b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- *Vai trò của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc:*

+ Quyết định sự sinh tồn, ảnh hưởng đến sự phát triển của dân tộc Việt Nam.

+ Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Giữ gìn bản sắc văn hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước

- *Ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc:*

+ Hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường.

+ Hình thành nên những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, sâu sắc.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để:

+ Nhóm. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán.

+ Nhóm. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Tống (981 và 1075-1076).

+ Nhóm. Tìm hiểu kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258, 1285, 1288).

+ Nhóm. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1785).

+ Nhóm. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1789).

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu					
<i>a. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu:</i>					
Tên khởi nghĩa	Thời gian	Người chỉ huy	Quân xâm lược	Trận quyết chiến	Kết quả
Kháng chiến chống quân Nam Hán	938	Ngô Quyền	Quân Nam Hán: Lưu Hoảng Tháo chỉ huy	Sông Bạch Đằng (Quảng Ninh, Hải Phòng)	Chiến thắng Bạch Đằng mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong dân tộc Việt Nam.
Kháng chiến chống quân Tống	981	Lê Hoàn	Quân Tống do Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Lưu Trùng,.. chỉ huy	Lục Đầu Giang, Sông Bạch Đằng	Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận, quân Tống rút chạy. Nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững.
Kháng chiến chống quân Tống lần 2	1075 - 1077	Lý Thường Kiệt	Quân Tống do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy	Phòng tuyến Như Nguyệt (Bắc Ninh)	Quân Tống thất bại. Nhà Tống phải trả lại đất Quảng Nguyên (Cao Bằng), nối lại bang giao hai nước.

Tên khởi nghĩa	Thời gian	Người chỉ huy	Quân xâm lược	Trận quyết chiến	Kết quả
Kháng chiến chống quân Mông Cổ	1258	Trần Thái Tông, Trần Thủ Độ	Quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy	Bình Lệ Nguyễn, Đông Bộ Đầu	Quân Mông Cổ thua trận, phải rút quân về nước. Nền độc lập của Đại Việt được giữ vững.
Kháng chiến chống quân Nguyên	1285	Trần Thánh Tông, Trần Quốc Tuấn	Quân Nguyên do Thoát Hoan và Toa Đô chỉ huy	Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương, Thăng Long	Quân Nguyên thất bại. Thoát Hoan phải chui ống đồng chạy về nước. Nền độc lập được giữ vững.
Kháng chiến chống quân Nguyên	1288	Trần Quốc Tuấn	Quân Nguyên	Vân Đồn, Bạch Đằng	Quân Nguyên thất bại. Nền độc lập được giữ vững.
Kháng chiến chống quân Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Quân Xiêm	Rạch Gầm – Xoài Mút (Tiền Giang)	300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm đã bị tiêu diệt.
Kháng chiến chống quân Thanh	1789	Quang Trung (Nguyễn Huệ)	Quân Thanh	Quân Thanh	Quân Thanh đại bại chen chúc rút lui, xô nhau rút xuống sông Hồng, hàng vạn quân, tướng chết trận

b. Nguyên nhân thắng lợi

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Trước hết, các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.
- Thứ hai, nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn. Tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia kháng chiến, tạo thành khối đoàn kết toàn dân vững chắc.
- Thứ ba, kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo cũng là nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến.
- Thứ tư, những người lãnh đạo, chỉ huy các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đều là các vị tướng lĩnh tài năng, mưu lược như: Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ,...

** Nguyên nhân khách quan:*

- Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang là chiến tranh phi nghĩa. Trong quá trình xâm lược, quân giặc còn gặp một số khó khăn như đường hành quân xa, thiếu lương thực, không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt,...

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số cuộc kháng chiến không thành công

1. Mục tiêu: Giải thích được nguyên nhân nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để giải thích nguyên nhân nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử:

+ Nhóm 1. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Triệu.

+ Nhóm 2. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Minh.

+ Nhóm 3. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX.

Hoặc hoàn thành Phiếu học tập:

Name: _____ Date: _____

MỘT SỐ CUỘC KHÁNG CHIẾN KHÔNG THÀNH CÔNG



NGUYÊN NHÂN KHÔNG THÀNH CÔNG

CHỦ QUAN

KHÁCH QUAN

Thảo luận toàn lớp: Nguyên nhân nào dẫn đến các cuộc kháng chiến không thành công.

“Chiến không bằng hoà, nhưng phải cố thủ rồi sau mới bàn. Kẻ địch vốn cậy quyền bền vững mạnh làm sở trường, họ ở ngoài sóng gió mặt bể, thế ta khó thắng với họ. Thượng kế bây giờ nên lấy giữ (thủ) làm chính, giữ vững rồi sau mới có thể nói đánh, cũng có thể nói đến hoà. Bằng không trước lo việc giữ thì đánh cũng không được mà hoà cũng không xong”.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công

Tên khởi nghĩa	Thời gian	Người chỉ huy	Quân xâm lược	Trận quyết chiến	Kết quả
Kháng chiến chống quân Triệu	179 TCN	An Dương Vương	Nước Nam Việt	Thành Cổ Loa	Cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc thất bại
Kháng chiến chống quân Minh	1406 - 1407	Hồ Quý Ly	Quân Minh do Trương Phụ và Mộc Thạnh chỉ huy	Thành Đa Bang, Thành Đông Đô	Cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại
Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX	1858 - 1884	Triều đình nhà Nguyễn	Thực dân Pháp	Trên các mặt trận ở Đà Nẵng, Gia Định, Bắc Kỳ	Với hiệp ước Pa-tơ-nốt đánh dấu sự đầu hàng của triều Nguyễn trước thực dân Pháp

Nguyên nhân không thành công

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Người lãnh đạo kháng chiến không tập hợp được đông đảo quần chúng nhân tham gia, không xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân.

+ Trong quá trình tổ chức kháng chiến, người lãnh đạo, chỉ huy phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng.

- Nguyên nhân khách quan: Tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

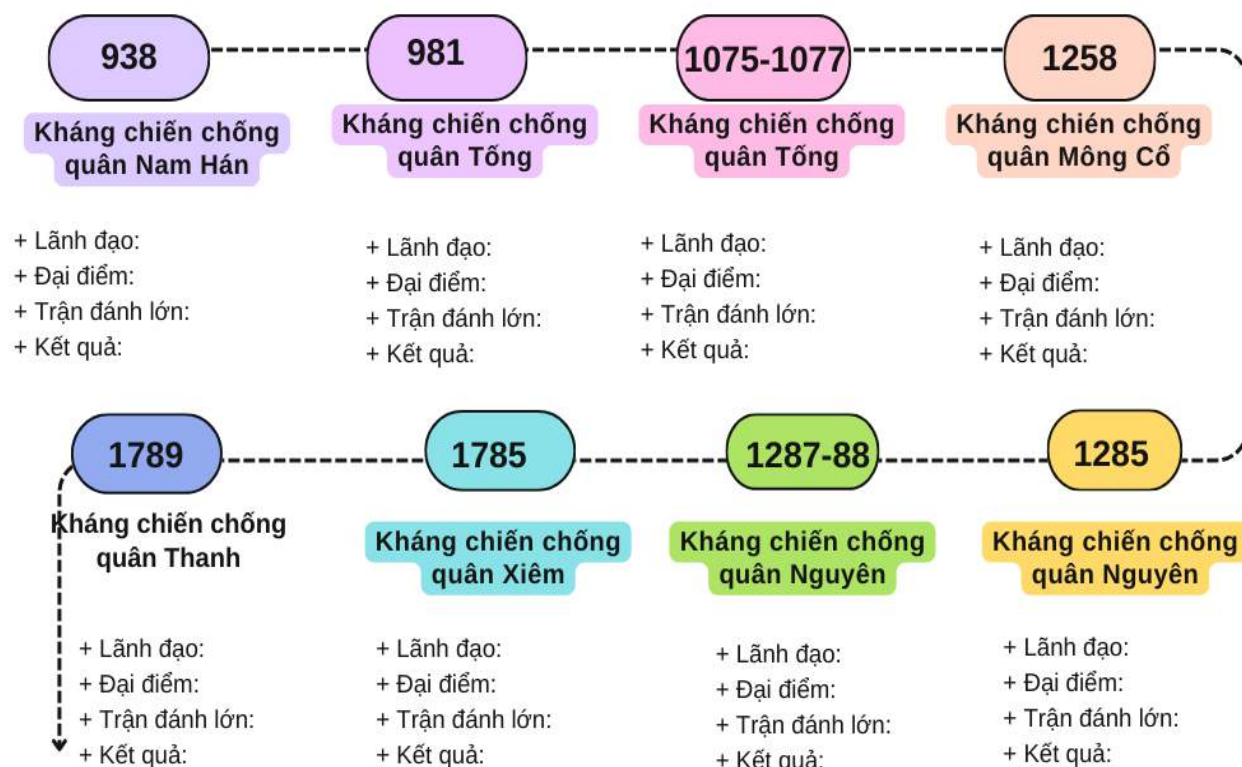
1. Mục tiêu: Cùng cố được tri thức vừa khám phá về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa trên kiến thức đã học vẽ sơ đồ/lập bảng thống kê/làm bài tập để luyện tập....

Ví dụ: Hoàn thành sơ đồ đường trục thời gian (timeline) hoặc sơ đồ tư duy các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và các cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Theo em, điểm tương đồng giữa các cuộc kháng chiến thắng lợi là gì?

Timeline một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu



- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam để giải quyết những vấn đề của thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu về một cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và giới thiệu tư liệu đó trước lớp.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu nét chung về Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được nét chung về Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa học kì 2)
Tìm hiểu các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa học kì 2)
Tìm hiểu các cuộc kháng chiến không thành công.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được các cuộc kháng chiến không thành công.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa học kì 2)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa học kì 2)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa học kì 2)

Bài 8. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được nội dung chính và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc.

- Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

- Trình bày được bối cảnh lịch sử diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử, trình bày được bối cảnh, những diễn biến chính và ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

- Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự.

- Nêu được bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử thông qua việc nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu;

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc, diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn; bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của phong trào Tây Sơn; nêu được bối cảnh lịch sử ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa trong thời kỳ Bắc thuộc, Ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để rút ra được những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam và nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: Có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Thông qua việc có ý thức trân trọng tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam.

- *Trách nhiệm*: Biết trân trọng giá trị của ông cha để lại, tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học. Phiếu học tập, Phiếu đánh giá nhóm.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suru tâm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

- Khởi nghĩa Lam Sơn.

- Phong trào Tây Sơn.

- Một số bài học tiêu biểu.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

- Không tìm hiểu tất cả các cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc, chỉ tập trung tìm hiểu một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Khởi nghĩa Lý Bí...

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nội dung chính và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc.

2. Khởi nghĩa Lam Sơn

- Chỉ tập trung tìm hiểu những nét tiêu biểu về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được bối cảnh lịch sử diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.

3. Phong trào Tây Sơn

- Chỉ tập trung tìm hiểu những nét tiêu biểu về phong trào Tây Sơn.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được bối cảnh lịch sử, những diễn biến chính và ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

4. Một số bài học tiêu biểu

- Chỉ tập trung tìm hiểu những các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết của HV về thành tựu của văn minh Đông Nam Á để giới thiệu bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Làm việc cá nhân/nhóm: quan sát tranh ảnh,... để: *Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV báo cáo.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

“*Một xin rửa sạch nước thù,
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng,
Ba kéo oan ức lòng chồng,
Bốn xin vẫn vẹn sở công lệnh này*”.

Những câu thơ bên được trích trong tác phẩm *Thiên Nam ngữ lục*, thuật lại lời thề của Hai Bà Trưng vào năm 40 khi nổi dậy chống lại ách đô hộ của nhà Hán. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên của người Việt chống lại ách đô hộ của thế lực ngoại bang. Vậy trong lịch sử Việt Nam có những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng tiêu biểu nào? Bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh đó như thế nào? Có thể rút ra những bài học lịch sử nào và những bài học đó có giá trị gì đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung chính và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... đề: *Hoàn thành Phiếu học tập về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc. Giới thiệu một cuộc khởi nghĩa mà em ấn tượng nhất.*

Phiếu học tập

Tên khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Quân xâm lược	Diễn biến chính	Kết quả
Khởi nghĩa Hai Bà Trưng					
Khởi nghĩa Bà Triệu					
Khởi nghĩa Lý Bí					
Khởi nghĩa Phùng Hưng					

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Tên khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Quân xâm lược	Diễn biến chính	Kết quả
Khởi nghĩa Hai Bà Trưng	40-43	Trưng Trắc, Trưng Nhị	Nhà Hán	Năm 40, khởi nghĩa nổ ra ở Hát Môn, nhanh chóng lan rộng ra các quận huyện. Năm 40-42: Hai Bà Trưng xây dựng chính quyền tự chủ. Tháng 4 năm 42, quân Hán do Mã Viện chỉ huy tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa.	Đánh đuổi thái thú Tô Định. Giành lại nền tự chủ cho đất nước. Năm 43, Hai bà hi sinh. Cuộc kháng chiến thất bại.
Khởi nghĩa Bà Triệu	248	Triệu Thị Trinh	Nhà Ngô	Khởi nghĩa nổ ra ở vùng Núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá). Quân Ngô tiếp viện do Lục Dận khởi nghĩa thất bại, Bà chỉ huy tăng cường đàn áp cuộc khởi nghĩa.	Nhiều thành ấp của quân Ngô ở Cửu Chân lần lượt bị hạ. Khởi nghĩa thất bại. Bà Triệu anh dũng hy sinh
Khởi nghĩa Lý Bí	542-544	Lý Bí, Triệu Quang Phục	Nhà Lương và nhà Tùy	Năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống chính quyền đô hộ nhà Lương. 545, nhà Lương cho quân sang xâm lược. Năm 602, nhà Tùy đem quân sang đàn áp.	Khôi phục nền độc lập. Dựng nước Vạn Xuân. Triệu Quang phục đã lãnh đạo giành được thắng lợi Cuộc khởi nghĩa thất bại.
Khởi nghĩa Phùng Hưng	766-791	Phùng Hưng	Nhà Đường	Năm 766, Phùng Hưng (Ba Vì, Hà Nội). Năm 782, đánh chiếm Xây dựng, củng cố thành Tống Bình (Hà Nội). Năm 602, nhà Tùy đem quân sang đàn áp	Làm chủ Đường Lâm. Xây dựng, củng cố chính quyền tự chủ. Nhà Đường chiếm lại Tống Bình

Hoạt động 2. Tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

1. Mục tiêu: Nêu được bối cảnh lịch sử diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh/... để: Hoàn thành Phiếu bài tập về *KHởi nghĩa Lam Sơn*.

Tư liệu: Lê Lợi sinh ngày 10-9-1385 (6-8 năm Ất Sửu) tại Lam Sơn (Kẻ Cham), nay thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, trong một gia đình "đời đời làm quân trưởng một phương". Đầu năm 1416, tại núi rừng Lam Sơn trên đất Thanh Hóa, Lê Lợi cùng với 18 người bạn thân thiết, đồng tâm cứu nước đã làm lễ thề đánh giặc giữ yên quê hương. Sau khi đuổi hết giặc Minh về nước, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế năm 1428, sáng lập ra vương triều Lê. Lê Lợi làm vua được 5 năm thì mất (1433), an táng tại Vĩnh Lăng, Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ.


★ KHỞI NGHĨA LAM SƠN ★

1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

.....

.....

.....



2. DIỄN BIẾN CHÍNH

1418 - 1423	1423 - 1424	1424 - 1425	1426 - 1427
<p>Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

3. Ý NGHĨA LỊCH SỬ

.....

.....

.....

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)

a. Bối cảnh lịch sử

- Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh năm 1407, nhiều cuộc đấu tranh tiếp tục nổ ra trên cả nước nhưng đều thất bại.
- Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khắc cùng chế độ thuế khoá nặng nề..
- Trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, Lê Lợi đã triệu tập nghĩa sĩ, các hào kiệt, xây dựng lực lượng và chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa.

b. Diễn biến chính

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: trải qua 3 giai đoạn chính:

- + Giai đoạn 1 (1418 - 1423): Năm 1418, Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn (Thanh Hoá).
- + Giai đoạn 2 (1424 - 1426): làm chủ toàn bộ vùng Thuận Hoá rồi tấn công ra Bắc.
- + Giai đoạn 3 (1426 - 1427): Cuối năm 1426, nghĩa quân giành thắng lợi trận Tốt Động - Chúc Động và trận Chi Lăng - Xương Giang (10/1427). Vương Thông ở thành Đông Quan chấp nhận nghị hoà, sau đó rút quân về nước.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập của vương triều Lê sơ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới cùng nền độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt.

Hoạt động 3. Tìm hiểu phong trào Tây Sơn

1. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh lịch sử, những diễn biến chính và ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh/... để *Trình bày bối cảnh lịch sử, những diễn biến chính và ý nghĩa của phong trào Tây Sơn* hoặc *Trình bày bối cảnh và Hoàn thành Phiếu học tập về diễn biến phong trào Tây Sơn.*



DIỄN BIẾN CHÍNH VÀ Ý NGHĨA CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN



Giai đoạn	Nội dung
Giai đoạn 1771 - 1777	<ul style="list-style-type: none"> • 1771:..... • 1773:..... • 1774:..... • 1777:.....
Giai đoạn 1777 - 1785	<ul style="list-style-type: none"> • 1778:..... • 1784:..... • 1785:.....
Giai đoạn 1786 - 1789	<ul style="list-style-type: none"> • 1786:..... • 1788:..... • 1789:.....

Ý nghĩa lịch sử



Tư liệu: “Từ quan to đến quan nhỏ, nhà cửa chạm trổ,... lấy sự phú quý phong lưu để khoe khoang lẫn nhau... Họ coi vàng bạc như cát, lúa gạo như bùn, hoang phí vô cùng”. Trương Phúc Loan “thu lợi 5 cửa nguồn, nhận của đút lót, vàng bạc, châu báu, gấm vóc chứa đầy nhà. Ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa không biết bao nhiêu kể.

Trương Phúc Loan (?-1776) được xem là quyền thần số một của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Trong 10 năm nắm quyền, ông đã lợi dụng chức vụ của mình, tham nhũng bòn rút, hãm hại trung thần, khiến cơ đồ các chúa Nguyễn suy vong sau đó. Ghi chép về thói tham lam của viên quan này, sử sách chép rằng: Vàng, bạc, châu, ngọc, lụa chất thành núi. Có năm bị lụt lớn, hòm xiêng bị ngập, khi nước rút ông đem vàng ra phơi nắng, lấp lánh cả một sân.

- Nông dân bị địa chủ cường hào lấn chiếm ruộng đất, thuế cao.

- Buôn bán đình trệ : Pre Perno iphene Powel, một thương nhân kiêm giáo sĩ người Pháp đến Đàng Trong năm 1749 nói rằng: “Việc buôn bán gặp nhiều khó khăn vì muốn công việc được dễ dàng trôi chảy thì phải có lễ vật đút lót, hồi là cho bạn quan lại, hào trưởng nếu không thì bị trộm cắp bị gặp mọi điều trở ngại phiền phức”. *IC. Mi bon IC. Maybon, Lịch sử An Nam hiện đại (Histoire moderne du pays d'Annam), Pa-n, 1919, trang 163*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Phong trào Tây Sơn

a. Bối cảnh

Chính trị	- Ý Chúa Nguyễn còn nhỏ tuổi, quyền hành rơi vào tay quyền thần Trương Phúc Loan. - Bộ máy quan lại công kênh, tệt tham nhũng, nạn mua quan bán tước phổ biến.
Kinh tế	Chế độ thuế khoá, binh dịch nặng nề.
Xã hội	Đời sống nhân dân cực khổ, nhiều tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại chính quyền. Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

b. Diễn biến chính

1771-1773	Khởi nghĩa bùng nổ. Nhanh chóng kiểm soát 1 vùng rộng lớn từ Quảng Nam đến Bình Thuận.
1774-1786	Tập trung lực lượng tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn.
1785	Kháng chiến chống quân Xiêm.
1789	Kháng chiến chống quân Thanh.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Phong trào Tây Sơn là sự hội tụ và là đỉnh cao trong cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống ách áp bức, bóc lột ở Đại Việt thế kỉ XVIII.

- Thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc thống nhất đất nước và chống giặc ngoại xâm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Hoạt động 4. Tìm hiểu một số bài học lịch sử

1. Mục tiêu: Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để:

+ Nhóm 1. Phân tích những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam. Lấy ví dụ cho mỗi bài học.

+ Nhóm 2. Nêu ý nghĩa và phân tích ví dụ về bài học lịch sử từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

4. Một số bài học lịch sử

- Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam đã để lại những bài học quan trọng.

- Bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch Việt Nam cũng có giá trị đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến đổi.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức về một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/ nhóm và dựa vào kiến thức đã học để vẽ sơ đồ tư duy/lập bảng thống kê/làm bài tập, chơi trò chơi để luyện tập,... hoặc Phiếu phản hồi bài học.

Ví dụ: Hoàn thành Phiếu phản hồi bài học

The image shows a feedback form titled "PHIẾU PHẢN HỒI VỀ BÀI HỌC" (Feedback form about the lesson). It is decorated with colorful flowers and snowflakes. The form is divided into three columns, each with a header and a large area for writing:

- Column 1:** Header: "3 điều em học được trong bài học hôm nay" (3 things you learned in today's lesson). The writing area is a large rectangle with horizontal dotted lines.
- Column 2:** Header: "2 điều em muốn tìm hiểu thêm về bài học" (2 things you want to learn more about the lesson). The writing area is a large rectangle with horizontal dotted lines.
- Column 3:** Header: "1 điều thú vị về bài học hôm nay" (1 interesting thing about today's lesson). The writing area is a large rectangle with horizontal dotted lines.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Việc sử dụng tên các nhân vật lịch sử trong các cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc, khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào Tây Sơn để đặt tên đường, tên phố, tên trường học,... thể hiện điều gì? Lấy ví dụ ở địa phương em..*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu phong trào Tây Sơn.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được phong trào Tây Sơn.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)

Tìm hiểu một số bài học tiêu biểu.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được một số bài học tiêu biểu.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kĩ năng đã học khi: Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối học kì 1)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 4

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 4. *Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)* gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam*; 2) *Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN - đến cuối thế kỉ XIX)*, được dạy trong 8 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 4. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)* cung cấp cho người học hiểu biết về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945). GV có thể tổ chức tiết Thực hành lịch sử dưới hình thức *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như Tổ chức Gameshow trò chơi, *Tìm hiểu những dấu ấn còn lưu lại từ các cuộc Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)*... hoặc *Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm* tại một di tích lịch sử tiêu biểu từ các cuộc *Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)*.

Chủ đề 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

Thời lượng: 6 tiết

Chủ đề này gồm 3 đơn vị kiến thức: 1) *Cải cách Hồ Quý Ly; Cải cách Lê Thánh Tông và Cải cách Minh Mạng* được dạy trong 6 tiết. GV có thể chủ động chia thành các nội dung/bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học trong chủ đề có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học trong chủ đề này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng nội dung/bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 9. CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ (CUỐI THẾ KỈ XIV ĐẾN THẾ KỈ XVI)

Nội dung này gồm 3 đơn vị kiến thức: 1) *Bối cảnh lịch sử* 2) *Nội dung cải cách và* 3) *Kết quả, ý nghĩa cải cách Hồ Quý Ly*. GV có thể chủ động tổ chức học tập. Thời lượng mỗi đơn vị kiến thức có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

- Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung và kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ.

- *Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học*: rút ra được bài học từ cuộc cải cách của nhà Hồ vận dụng để giải quyết một số vấn đề cuộc sống hiện nay.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: thông qua sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cải cách Hồ Quý Ly.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Có ý thức trân trọng giá trị cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

- *Chăm chỉ và trách nhiệm*: thông qua thực hiện các công việc cá nhân và nhóm.
trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.
- Nội dung chính của cuộc cải cách.
- Kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly

- Không phân tích bối cảnh chung chung, chỉ tập trung vào những nét nổi bật của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội cuối thời Trần.
- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

2. Nội dung chính của cuộc cải cách

- Không đi sâu phân tích tất cả các nội dung, chỉ tập trung vào những nội dung chính của cuộc cải cách.
- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

3. Kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách

- Chỉ tập trung phân tích điểm tích cực/hạn chế, nội dung cải cách của Hồ Quý Ly.
- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị hình ảnh, trò chơi, câu đố, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh/đọc tư liệu giải câu đố...

Ví dụ: đọc đoạn câu đố và đặt câu hỏi: *Đây là nhân vật lịch sử nào? Tại sao?*

Họ Hồ đổi ra họ Lê

Nắm quyền triều chính toàn bề manh nha,

Vua hiền tôi yếu gian tà

Soán ngôi chính thống san hà đảo điên

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- HV trả lời câu hỏi.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Câu đố nhắc về nhân vật lịch sử Hồ Quý Ly. Ông là người có công thiết lập triều Hồ và chủ trương tiến hành một cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam. Vậy cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ diễn ra trong bối cảnh nào? Nội dung, kết quả và ý nghĩa ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử dẫn đến cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video,... qua đó HV trình bày được bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ. Nhấn mạnh sự khủng hoảng chính trị, kinh tế, xã hội cuối thời Trần là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc cải cách.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video hoặc GV tự chuẩn bị,... để:

+ Hoàn thành bảng : *Tình hình xã hội Đại Việt cuối thời Trần*

Tình hình	Biểu hiện
Chính trị	
Kinh tế	
Xã hội	

+ *Đọc đoạn tư liệu và nêu những hiểu biết về nhân vật Hồ Quý Ly.*

Tư liệu: Hồ Quý Ly (1336 - 1407)

- “Ông trước có tên là Lê Quý Ly. Ông sinh năm Bính Tý (1336), quê ở Đại Lại, Vĩnh Lộc (nay là Hà Đông, Hà Trung, Thanh Hóa). Tổ tiên Hồ Quý Ly là Hồ Hưng Dật, vốn là người Chiết Giang bên Trung Quốc, thời Hậu Hán (947-950) sang sinh sống ở Châu Diễn (tức vùng Diễn Châu, Nghệ An). Đến thời loạn 12 sứ quân họ Hồ dời vào hương Bào Đột (nay là Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu, Nghệ An) và trở thành một trại chủ. Đến thời Lý, trong họ có người lấy Nguyệt Địch Công chúa, sinh ra Nguyệt Đao Công chúa. Đồi cháu thứ 12 của Hồ Hưng Dật là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Hồ Liêm làm con nuôi của Tuyên úy Lê Huấn rồi lấy họ Lê làm họ của mình. Hồ Quý Ly là cháu 4 đời của Lê Huấn, khi lên làm vua thì đổi lại họ Hồ.

- Ông là người có tài, có hai người cô là phi tần của vua Trần Minh Tông và sinh hạ được ba vị vua cho nhà Trần, nhờ đó ông rất được vua Trần trọng dụng. Hồ Quý Ly đã nắm giữ được chức vụ cao nhất trong triều đình. Sau vụ một số quý tộc nhà Trần mưu giết ông không thành (1399), năm 1400, ông phế truất vua Trần và lên làm vua.” (*Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập I, NXB Giáo dục, 1998, tr. 249*)

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh,... hoàn thành Phiếu học tập và nêu hiểu biết về Hồ Quý Ly.

- GV mời một vài nhóm cặp đôi HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Bối cảnh lịch sử	
Tình hình	Biểu hiện
Chính trị	- Từ năm 1358, sau khi Thượng hoàng Trần Minh Tông qua đời, triều Trần nhanh chóng khủng hoảng, suy yếu.

	- Ở phía nam, từ nửa sau thế kỉ XIV, Chiêm Thành liên tục đưa quân tấn công Đại Việt. Ở phía bắc, từ sau khi thành lập, nhà Minh thường xuyên yêu cầu Đại Việt cống nộp.
Kinh tế	- Từ những năm 40 của thế kỉ XIV, hạn hán, bão, lụt, vỡ đê,... xảy ra ở nhiều địa phương trên cả nước. Mất mùa, đói kém diễn ra thường xuyên.
Xã hội	- Mâu thuẫn giữa nông dân nghèo, nô tì và giai cấp thống trị gay gắt. - Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì nổ ra.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nội dung cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV trình bày được nội dung cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ. GV nhấn mạnh đây là cải cách lớn, để lại những bài học có giá trị cho lịch sử dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: chia 4 nhóm (Yêu cầu sản phẩm: có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, PPT, Infographics,...).

Nhóm 1. Giới thiệu cải cách chính trị và luật pháp..

Nhóm 2. Giới thiệu cải cách quân sự và quốc phòng.

Nhóm 3. Giới thiệu cải cách kinh tế, xã hội.

Nhóm 4. Giới thiệu cải cách văn hóa, giáo dục.

- HV làm việc theo nhóm: thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Lĩnh vực	Nội dung cải cách
Chính trị, luật pháp	- Đổi tên và đặt thêm các đơn vị hành chính; thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới; bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ. - Tăng cường kiểm tra, giám sát quan lại, đặc biệt là ở các địa phương. - Định kì mở các khoa thi để tuyển chọn quan lại. Khoa cử dần trở thành phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu. - Cải cách nghi lễ của triều đình và y phục của quan lại theo hướng quy củ, thống nhất, chuyên nghiệp. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.
Quân đội, quốc phòng	- Tuyển chọn người giỏi võ nghệ làm tướng chỉ huy, không căn cứ vào nguồn gốc tôn thất như trước. - Thái hời binh sĩ già yếu, lấy người khỏe mạnh bổ sung vào quân ngũ. - Tăng cường tuyển quân quy mô lớn; bổ sung lực lượng hương quân ở các địa phương. - Xây dựng lại binh chế, chia đặt lại tổ chức quân đội theo hướng quy củ, chặt chẽ, đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của triều đình.

	- Cải tiến vũ khí, tăng cường trang bị quốc phòng, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia quy mô lớn.
Kinh tế, Xã hội	- In và phát hành tiền giấy “ Thông bảo hội sao”. - Ban hành chính sách hạn điền nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất. - Quy định số lượng gia nô được sở hữu của mỗi vương hầu, quý tộc, quan lại. - Điều chỉnh thuế khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu....
Văn hóa	- Tư tưởng: đề cao Nho giáo trên cơ sở có phê phán, chọn lọc. - Tôn giáo: hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo và Đạo giáo. - Chữ viết: đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Nôm, biên soạn sách chữ Nôm giải thích về Kinh Thi để dạy hậu phi và cung nhân. - Giáo dục: chú trọng giáo dục, chủ trương mở rộng hệ thống trường học, bổ nhiệm chức học quan ở địa phương, ban cấp ruộng đất cho trường học. - Khoa cử: sửa đổi nội dung các khoa thi, quy định chặt chẽ phương thức thi, bổ sung nội dung thi viết và làm tính, định lệ thi Hương và thi Hội theo định kì.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được kết quả, ý nghĩa cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để HV trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ. GV nhấn mạnh cuộc cải cách có ý nghĩa lớn, để lại những bài học có giá trị cho lịch sử dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.*

- HV làm việc theo nhóm: thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Yếu tố	Nội dung
Kết quả	- Cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ có nhiều điểm tiên bộ, đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương. - Chính sách hạn điền, hạn nô đã làm suy yếu thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất Triều Trần, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho Nhà nước, tăng cường quyền lực của Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. - Những cải cách trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục của Hồ Quý Ly và Triều Hồ thể hiện tư tưởng tiên bộ nhằm xây dựng một nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.
	Cuộc cải cách có ý nghĩa trong việc bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm

Ý nghĩa	Tuy nhiên, những cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ vẫn còn chưa triệt để và kết quả trong thực tế còn hạn chế.
---------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá về cải cách Hồ Quý Ly.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài luyện tập trong SGK hoặc tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân/nhóm cặp đôi,... và dựa trên kiến thức đã học để hướng dẫn HV là Phiếu suy ngẫm về bài học:

PHIẾU SUY NGẪM

Chủ đề: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ

<p style="margin: 0;">Học chủ đề này có ý nghĩa như thế nào đối với tôi?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p style="margin: 0;">Học chủ đề này có ý nghĩa như thế nào đối với mọi người xung quanh tôi?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p style="margin: 0;">Học chủ đề này có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hiện tại?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoặc Chơi trò chơi Ô chữ.

Bộ câu hỏi gồm 7 câu:

Câu 1: Về kinh tế tài chính, Hồ Quý Ly ban hành chính sách gì? (7 ô chữ).

Câu 2: Trong lịch sử Việt Nam, sau triều đại nhà Trần là triều đại nào? (5 ô chữ).

Câu 3: Về giáo dục, năm 1397 Hồ Quý Ly đề nghị đặt chức gì ở các lộ? (7 ô chữ).

Câu 4: Về kinh tế tài chính, Hồ Quý Ly cho quy định biểu gì? (8 ô chữ).

Câu 5: Một số người thuộc tầng lớp nào của nhà Trần mưu giết Hồ Quý Ly năm 1399? (6 ô chữ).

Câu 6: Chính sách kinh tế tài chính, thuế được đánh theo phép gì? (7 ô chữ).

Câu 7: Tên gọi khác của thành nhà Hồ là gì? (5 ô chữ).

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ trong thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Lựa chọn và giới thiệu một bài học được rút ra từ cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ còn có giá trị đến ngày nay.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu bối cảnh dẫn đến cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được bối cảnh dẫn đến cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu nội dung cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giải thích được nội dung cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được kết quả, ý nghĩa cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)

Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi:	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ.	Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì II)

Bài 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỶ XV)

Nội dung này gồm 3 đơn vị kiến thức: 1) *Bối cảnh lịch sử* 2) *Nội dung cải cách* và 3) *Kết quả, ý nghĩa cải cách của Lê Thánh Tông*. GV có thể chủ động tổ chức học tập. Thời lượng mỗi đơn vị kiến thức có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông

- Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung và kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.

- *Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học*: rút ra được bài học từ cuộc cải cách của Lê Thánh Tông vận dụng để giải quyết một số vấn đề cuộc sống hiện nay.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: thông qua sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cải cách của Lê Thánh Tông.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của của Lê Thánh Tông.

- *Chăm chỉ và trách nhiệm*: thông qua thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.
- Nội dung chính của cuộc cải cách.
- Kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Lê Thánh Tông

- Không phân tích bối cảnh chung chung, chỉ tập trung vào những nét nổi bật của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thời Lê sơ.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được bối cảnh lịch sử cải cách của Lê Thánh Tông.

2. Nội dung chính của cuộc cải cách

- Không đi sâu phân tích tất cả các nội dung, chỉ tập trung vào những nội dung chính của cuộc cải cách.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nội dung chính cải cách Lê Thánh Tông.

3. Kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách

- Tập trung phân tích điểm tích cực/hạn chế những nội dung cải cách Lê Thánh Tông.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được kết quả và ý nghĩa cải cách của Lê Thánh Tông.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được những hiểu biết đã có của bản thân HV về cải cách Lê Thánh Tông.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh/đọc tư liệu/xem video, giải câu đố...

Ví dụ: đọc hai câu thơ sau và đặt câu hỏi: *Hai câu thơ sau nói về 2 vị vua nào trong lịch sử nước ta? Em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về 2 vị vua này.*

“Đời vua Thái Tổ, Thái Tông

Thóc lúa đầy đồng, trâu chằm buồn ăn”

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Trong tiến trình lịch sử Việt Nam thời kì quân chủ, Lê Thánh Tông là vị vua có nhiều công lao, được sử sách đánh giá cao, đặc biệt là việc tiến hành cải cách trên quy mô lớn: “Vua sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, bờ cõi khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.386). Vậy cuộc cải cách Lê Thánh Tông diễn ra trong bối cảnh nào? Nội dung cụ thể là gì? Kết quả và ý nghĩa ra sao? Bài học này sẽ giúp em giải đáp những câu hỏi đó.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử dẫn đến cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV tìm hiểu

trình bày được bối cảnh lịch sử dẫn đến cải cách của Lê Thánh Tông. Nhấn mạnh yêu cầu cải cách chính trị, kinh tế, xã hội đầu thời Lê sơ là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc cải cách.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video hoặc GV tự chuẩn bị,... để:

+ Hoàn thành bảng: *Bối cảnh dẫn đến cải cách Lê Thánh Tông. Vì sao trong bối cảnh tình hình đất nước từng bước ổn định, vua Lê Thánh Tông lại tiến hành cải cách?*

Tình hình	Biểu hiện
Chính trị	
Kinh tế	
Xã hội	

+ Đọc đoạn tư liệu và nêu những hiểu biết về nhân vật Lê Thánh Tông.

Tư liệu: Lê Thánh Tông: "... Thiên tai xảy ra luôn, trẫm [tức Lê Nhân Tông] rất lo sợ. Mỗi hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiếm để cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khởi tội,..",

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.372)

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... và nêu hiểu biết về Lê Thánh Tông.
- GV mời một vài nhóm cặp đôi HV báo cáo.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Bối cảnh lịch sử	
Tình hình	Biểu hiện
Chính trị	- Sau khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, triều Lê sơ bước đầu xây dựng bộ máy nhà nước mới, có kế thừa mô hình nhà nước thời Trần, Hồ. - Từ thời Lê Thái Tổ đến Lê Nhân Tông, nội bộ triều đình Lê sơ có nhiều mâu thuẫn và biến động, đặc biệt là tình trạng phe cánh trong triều và sự lộng quyền của một bộ phận công thần.
Kinh tế	- Nền kinh tế Đại Việt sau chiến tranh đã được phục hồi. Tuy vậy, chế độ ruộng đất vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất canh tác, nguồn thu của nhà nước bị ảnh hưởng.
Xã hội	- Trong xã hội, nạn cường hào lộng hành và quan lại tham ô, nhũng nhiễu ngày càng nhức nhối, tình trạng coi thường pháp luật phổ biến.
Lê Thánh Tông	
- Vua Lê Thánh Tông (Lê Tư Thành) là vị vua thứ 4 của nhà Hậu Lê, lên ngôi năm 1460, lúc 18 tuổi, niên hiệu Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức. - Triều đại ông là giai đoạn thịnh vượng, thực hiện được nhiều cải cách về kinh tế, chính trị, văn hóa; là người đã minh oan cho Nguyễn Trãi, sáng lập ra hội Tao Đàn gồm 28 vị đại thần khoa bảng, gọi là Nhị thập bát tú, mà ông đích thân làm Tao Đàn đô nguyên soái.	

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nội dung cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV trình bày được nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông. GV nhấn mạnh đây là cải cách lớn, để lại những bài học có giá trị cho lịch sử dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: chia 3 nhóm (Yêu cầu sản phẩm: có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, PPT, Infographics,...).

Tư liệu: Vua Lê Thánh Tông căn dặn các quan trong triều: “Một thước núi, một thước sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ? Phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần, nếu họ không nghe còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu người nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc thì tội phải tru di”.

(Đại Việt sử kí toàn thư)

Nhóm 1. Giới thiệu cải cách bộ máy chính quyền.

Nhóm 2. Giới thiệu cải cách về luật pháp.

Nhóm 3. Giới thiệu cải cách về quân đội.

Nhóm 4. Giới thiệu cải cách về kinh tế.

Nhóm 5. Giới thiệu cải cách về văn hóa.

- HV làm việc theo nhóm: thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Cải cách	Nội dung
Tổ chức bộ máy chính quyền	- Trung ương: Lê Thánh Tông tiến hành cải cách theo hướng hoàn thiện hệ thống cơ quan, tập trung quyền lực vào nhà vua. - Nhiều cơ quan, chức quan cũ bị bãi bỏ, đặc biệt là những cơ quan, chức quan có nhiều quyền lực. Mọi công việc trong triều đình tập trung về Lục bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). - Ngoài Lục bộ, Lục khoa, Các cơ quan chuyên môn như Thông chính ty, Quốc Tử Giám,... được tổ chức và quy định chặt chẽ về chức năng, nhiệm vụ. - Địa phương: Lê Thánh Tông tổ chức lại hệ thống đơn vị hành chính, đồng thời thiết lập hệ thống cơ quan, chức quan quản lí từ đạo đến phủ, huyện/châu, xã.
Luật pháp	Thời Lê Thánh Tông, bộ Quốc triều hình luật (còn gọi là Luật Hồng Đức) được hoàn chỉnh và ban hành trên cơ sở bộ luật khởi thảo từ thời vua Lê Thái Tổ.
Quân đội	- Từ năm 1466, hệ thống tổ chức quân đội Đại Việt được cải tổ trên quy mô lớn. Cả nước được chia thành 5 khu vực quân sự (Ngũ phủ quân). Mỗi phủ quân phụ trách từ hai đến ba địa phương lớn. - Dưới thời Lê Thánh Tông, nhà nước có nhiều ưu đãi đối với binh lính, đặc biệt là việc ban cấp ruộng đất công. Kỉ luật quân đội và việc huấn luyện, tập trận, thao diễn võ nghệ hằng năm của quân đội được quy định chặt chẽ.

Kinh tế	Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và chính sách quân điền. Nhà nước cũng thực hiện chính sách khuyến khích khai khẩn đồn điền, mở rộng diện tích canh tác trên cả nước.
Văn hóa	- Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn, chính thống của triều đình và toàn xã hội. - Chú trọng giáo dục và khoa cử để đào tạo, tuyển dụng nhân tài; cho xây dựng lại Văn Miếu, mở rộng nhà Thái Học và lập trường học ở nhiều địa phương. Những người thi đỗ tiến sĩ được khắc tên trên văn bia tại Quốc Tử Giám.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được kết quả và ý nghĩa cải cách Lê Thánh Tông.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để HV trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông. GV nhấn mạnh cuộc cải cách có ý nghĩa lớn, để lại những bài học có giá trị cho lịch sử dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.*

- HV làm việc theo cá nhân: thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Kết quả, ý nghĩa cải cách	
Kết quả	- Cải cách của Lê Thánh Tông đã làm cho bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ, tập trung cao độ, đề cao quyền hành toàn diện của vua. - Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh. + Các chức danh được quy định rõ ràng, hệ thống giám sát được tăng cường, hạn chế sự tập trung quyền lực dẫn đến chuyên quyền và nguy cơ cát cứ. + Các chính sách về ruộng đất góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước tạo nền tảng cho kinh tế nông nghiệp phát triển. + Chính sách giáo dục, khoa cử đã đào tạo được hệ thống quan lại trí thức có tài, đủ năng lực quản lí đất nước.
Ý nghĩa	- Góp phần phát triển đất nước, đời sống xã hội có những biến đổi lớn.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về cải cách Lê Thánh Tông.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài luyện tập trong SGK hoặc tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân/nhóm cặp đôi,... và dựa trên kiến thức đã học để *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các chính sách cải cách của Lê Thánh Tông* hoặc *tổ chức trò chơi.*

Bộ câu hỏi gồm 5 câu:

1. Tôn giáo nào chiếm vị trí độc tôn thời Lê sơ?
2. Ai là người cho dựng lại Quốc Tử Giám?
3. Đại Việt sử ký toàn thư là tác phẩm trên lĩnh vực nào?
4. Văn học chữ Nôm chiếm vị trí quan trọng trong thời Lê sơ chứng tỏ điều gì?
5. Việc lập bia đá ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám nhằm mục đích gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học về cải cách Lê Thánh Tông trong thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Lựa chọn và giới thiệu một bài học kinh nghiệm được rút ra từ cải cách của Lê Thánh Tông còn có giá trị đến ngày nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu bối cảnh dẫn đến cải cách Lê Thánh Tông	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được bối cảnh dẫn đến cải cách Lê Thánh Tông	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu nội dung cải cách Lê Thánh Tông	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giải thích được nội dung cải cách Lê Thánh Tông	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa cải cách Lê Thánh Tông	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi:	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi

	- Trình bày được kết quả, ý nghĩa cải cách Lê Thánh Tông	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu cải cách Lê Thánh Tông	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về cải cách Lê Thánh Tông	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì II)

Bài 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung kết quả ý nghĩa cuộc cải cách Minh Mạng

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung và kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng.

- *Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học*: rút ra được bài học từ cuộc cải cách của Minh Mạng vận dụng để giải quyết một số vấn đề cuộc sống hiện nay.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: thông qua sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cải cách của Minh Mạng.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của của Minh Mạng.

- *Chăm chỉ và trách nhiệm*: thông qua việc thực hiện công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của của Minh Mạng.
- Nội dung chính của cuộc cải cách.
- Kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Minh Mạng

- Không phân tích bối cảnh chung chung, chỉ tập trung vào những nét nổi bật của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội đầu thời Nguyễn.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được bối cảnh lịch sử cải cách của Minh Mạng.

2. Nội dung chính của cuộc cải cách

- Không đi sâu phân tích tất cả các nội dung, chỉ tập trung vào những nội dung chính của cuộc cải cách.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nội dung chính của cách của Minh Mạng.

3. Kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách

- Chỉ tập trung phân tích điểm tích cực, hạn chế nội dung cải cách của Minh Mạng.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được kết quả và ý nghĩa cải cách của Minh Mạng.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV về cải cách của Minh Mạng.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị sử dụng hình ảnh, trò chơi, câu đố, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh/đọc tư liệu/xem video,...

Ví dụ: GV hướng dẫn HV xem hình ảnh lăng Minh Mạng và đặt câu hỏi: *Đây là công trình nào? Nêu hiểu biết của em về vua Minh Mạng.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Trong tiến trình lịch sử Việt Nam thời kì quân chủ, Minh Mạng là vị vua có nhiều công lao, được sử sách đánh giá cao, đặc biệt là việc tiến hành cải cách trên quy mô lớn. Vậy cuộc cải cách của Minh Mạng diễn ra trong bối cảnh như thế nào? Nội dung cụ thể là gì? Kết quả và ý nghĩa ra sao? Bài học này sẽ giúp em giải đáp những câu hỏi đó.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử dẫn đến cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh dẫn đến cuộc cải cách của Minh Mạng

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV tìm hiểu trình bày được bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc cải cách của Minh Mạng. Nhấn mạnh yêu cầu cải cách chính trị, kinh tế, xã hội đầu thời Nguyễn là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc cải cách.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video hoặc GV tự chuẩn bị... để:

+ Hoàn thành bảng : *Bối cảnh dẫn đến cải cách Minh Mạng. Vì sao trong bối cảnh tình hình đất nước từng bước ổn định, vua Minh Mạng lại tiến hành cải cách?*

Tình hình	Biểu hiện
Chính trị	
Kinh tế	
Xã hội	

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh,... hoàn thành Phiếu học tập và nêu hiểu biết về Minh Mạng.

- GV mời một vài nhóm cặp đôi HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Bối cảnh lịch sử

- Triều Nguyễn được thành lập, cai quản lãnh thổ đất nước rộng lớn, kéo dài từ Bắc vào Nam. Dưới thời vua Gia Long, bộ máy nhà nước chưa hoàn thiện và thiếu tính thống nhất.

- Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất, sau khi lên ngôi hoàng đế (1820), vua Minh Mạng đã thi hành các biện pháp cải cách để tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.

- Vua Minh Mệnh (Minh Mạng), tên thật là Nguyễn Phúc Đảm (1791- 1841). Ông là vị vua thứ hai dưới triều đại nhà Nguyễn, trị vì xấp xỉ 21 năm, đã đề xướng cải cách, được truy tôn hiệu là Nguyễn Thánh Tổ.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nội dung cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung cuộc cải cách của Minh Mạng.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV trình bày được nội dung cuộc cải cách của Minh Mạng. GV nhấn mạnh đây là cải cách lớn, để lại những bài học có giá trị cho lịch sử dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: chia 3 nhóm (Yêu cầu sản phẩm: có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, PPT, Infographics,...).

Nhóm 1. Giới thiệu cải cách hành chính ở chính quyền Trung ương.

Nhóm 2. Giới thiệu cải cách hành chính ở chính quyền địa phương.

Tư liệu:

- Theo lịch sử ghi chép, triều đại nhà Nguyễn đã trải qua 13 đời trị vì, từ năm 1802 đến năm 1945. Cũng giống như bao triều đại khác, triều đại nhà Nguyễn cũng đã có những bước phát triển, thăng trầm theo suốt dòng chảy lịch sử Việt Nam.

- Bộ máy chính quyền thời Gia Long và những năm đầu thời Minh Mạng thiếu sự thống nhất, đồng bộ và tập trung. Quyền lực của nhà vua và triều đình bị hạn chế, không kiểm soát chặt chẽ được các trấn. Tình hình an ninh - xã hội ở các địa phương nhiều bất ổn.

- Ở trung ương, nhiều cơ quan chưa được hoàn thiện. Ở địa phương, tính phân quyền còn đậm nét với sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định Thành. Tổ chức hành chính giữa các khu vực thiếu thống nhất. Quan lại trong bộ máy nhà nước chủ yếu do các võ quan nắm giữ.

- HV làm việc theo nhóm: thực hiện nhiệm vụ được giao.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Nội dung cải cách	
<p>- Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng là hành chính</p> <p>- Trung ương: Tiến hành cải tổ hệ thống Văn thư phòng và thành lập Cơ mật viện. Hoàn thiện chức năng, cơ cấu của Lục Bộ, cải tổ các cơ quan chuyên môn.</p> <p>- Địa phương: Cải cách quan trọng nhất là về hành chính, đặc biệt là chia đất nước thành các tỉnh.</p>	
<i>Trung ương</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu tiên trong công cuộc tập trung quyền lực của vua Minh Mạng là tiến hành cải tổ hệ thống Văn thư phòng và thành lập Cơ mật viện. - Nội các cùng với Cơ mật viện là hai cơ quan tham mưu và tư vấn tối cao của hoàng đế. - Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ, Lục Tự, Lục Khoa, Đô sát viện,... - Thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương thông qua hoạt động của Đô sát viện và Lục Khoa.
<i>Địa phương</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xoá bỏ Bắc Thành và Gia Định Thành, chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. - Đối với vùng dân tộc thiểu số: thử nghiệm chế độ lưu quan, cử quan lại của triều đình trực tiếp cai trị các vùng dân tộc thiểu số. - Thi hành chế độ hồi tỵ quy định những người thân như anh, em, cha, con, thầy, trò... không được làm quan cùng một chỗ.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa cải cách

1. Mục tiêu: Trình bày được kết quả và ý nghĩa cải cách của Minh Mạng.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để HV trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. GV nhấn mạnh cuộc cải cách có ý nghĩa lớn, để lại những bài học có giá trị cho lịch sử dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng.*

- HV làm việc theo cá nhân: thực hiện nhiệm vụ được giao.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Kết quả, ý nghĩa	
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền cao độ: vua nắm quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và thống lĩnh quân đội. - Hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương được củng cố chặt chẽ và hoàn thiện hơn; thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
Ý nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Làm cho hoạt động của bộ máy nhà nước có hiệu quả hơn, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính. - Để lại bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước. Phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh trở thành di sản lớn nhất, có giá trị đến ngày nay.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá về cải cách Minh Mạng.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài luyện tập trong SGK hoặc tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân/nhóm,... và dựa vào kiến thức đã học để *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các chính sách về cải cách của Minh Mạng*.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về cải cách Minh Mạng trong thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Lựa chọn và giới thiệu một bài học từ cải cách của Minh Mạng còn có giá trị đến ngày nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu bối cảnh dẫn đến cải cách Minh Mạng	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được bối cảnh dẫn đến cải cách Minh Mạng	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm

Tìm hiểu nội dung cải cách Minh Mạng	sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giải thích được nội dung cải cách Minh Mạng	Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa cải cách Minh Mạng	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được kết quả, ý nghĩa cải cách Minh Mạng	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu cải cách Minh Mạng	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về cải cách Minh Mạng	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì II)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 5

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 5. *Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1945)* gồm 3 đơn vị kiến thức: 1) *Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ; Cải cách Lê Thánh Tông và Cải cách của Minh Mạng*; được dạy trong 5 tiết với những YCCĐ cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 5. Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1945)* cung cấp cho người học hiểu biết về bối cảnh và thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của ba cuộc cải cách. GV có thể tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử để tìm hiểu điển chung và điểm riêng về ba cuộc cải cách dưới hình thức *Tổ chức dạy học theo dự án* như *Tìm hiểu điểm đặc sắc của ba cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam...* hoặc *Tổ chức làm bài tập lịch sử, trò chơi để ôn tập kiến thức.*

CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

Thời lượng: 6 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông*; 2) *Việt Nam và Biển Đông*, dạy trong 6 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 12. VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ.
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Sử dụng bản đồ để xác định được vị trí của Biển Đông, vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: suu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu để giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển, tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: có ý thức tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu về tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: giáo dục niềm tự hào về tiềm năng biển to lớn của Việt Nam.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị của Biển Đông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Vị trí của Biển Đông.

- Tầm quan trọng của Biển Đông.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Vị trí của Biển Đông

- Xác định vị trí chiến lược của Biển Đông, các đảo và quần đảo trên Biển Đông.

- Mức độ cần làm rõ: Xác định được vị trí chiến lược của Biển Đông, các đảo và quần đảo trên Biển Đông.

2. Tầm quan trọng của Biển Đông

- Tập trung giải thích tầm quan trọng của Biển Đông trên mọi lĩnh vực.

- Mức độ cần làm rõ: Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển và tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

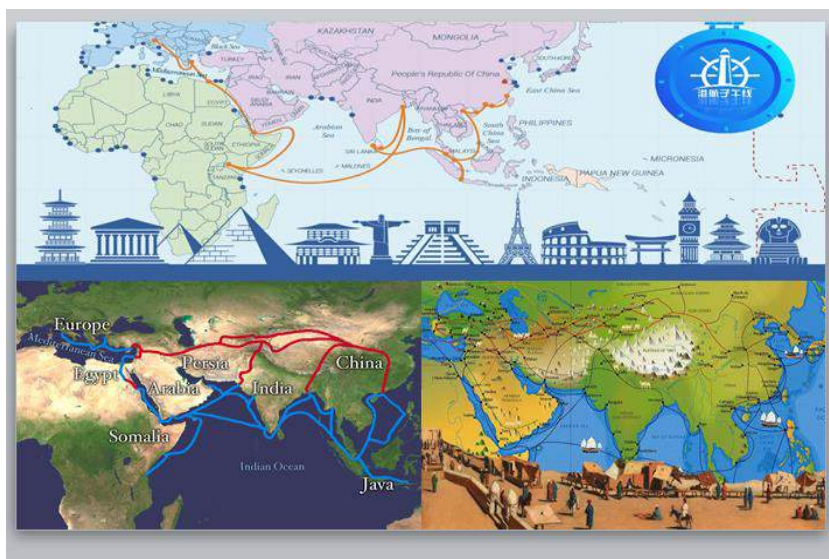
Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. **Mục tiêu:** Huy động được kiến thức, hiểu biết của HV về Biển Đông.

2. **Tổ chức hoạt động:** có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh/sử dụng phiếu KWD (điều em đã biết, điều em muốn biết, điều em cần làm)... để bảo vệ Biển Đông.

Ví dụ: GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh sau đây và trả lời câu hỏi:



Hình ảnh bên là con đường kết nối giao thương giữa châu Âu và châu Á. Hãy cho biết tên của con đường và nêu hiểu biết của em về con đường đó.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Đây là con đường tơ lụa trên biển được đặt theo tên mặt hàng chính vận chuyển trên biển buôn bán với nước ngoài,... Con đường tơ lụa trên biển bắt đầu từ Roma, sau khi vượt qua eo Malacca, con đường chia làm hai ngã, một ngã men theo vùng biển Việt Nam qua các cảng: Côn Đảo - Cù Lao Chàm - Hội An - vào vùng biển Nam Trung Hoa rồi qua nam Nhật Bản, ngã thứ hai đi vào quần đảo Indonexia, Philippine rồi ngược vào vùng phía nam Trung Quốc để tới nam Nhật Bản. Con đường này tồn tại trong nhiều thế kỉ cho thấy Biển Đông có vị trí và tầm quan trọng như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí của Biển Đông

1. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: sử dụng lược đồ, bảng thống kê/hình ảnh, tư liệu ...

Ví dụ: *Quan sát lược đồ và dựa vào thông tin trong mục để:*

+ *Xác định vị trí của Biển Đông, vị trí của các đảo và quần đảo trên Biển Đông.*

+ *Biển Đông có tên gọi khác nào? Tại sao nói đây là vùng biển tương đối kín?*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Vị trí của Biển Đông

- Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ.

- Biển Đông có diện tích hơn 3,447 triệu km, tiếp giáp với 9 quốc gia.

- Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.

* *Vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông*

- Hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam thường được chia thành:

+ Hệ thống đảo tiền tiêu (Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,...),

+ Các đảo lớn (Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,...), các đảo ven bờ (các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,...)

+ Hai quần đảo xa bờ (Hoàng Sa và Trường Sa).

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

1. Mục tiêu: Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: sử dụng tư liệu, lược đồ

Ví dụ: GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm:

1) *Nhóm 1: Giới thiệu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông trong giao thông hàng hải và tầm quan trọng của các đảo, quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông.*

2) *Lí giải Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương. Cho ví dụ minh họa.*

3) *Phân tích vai trò của nguồn tài nguyên thiên nhiên biển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

a. Tầm quan trọng của Biển Đông

- Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á.

- Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương về quốc phòng – an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác

- Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có trữ lượng lớn:

+ Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản.

+ Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật. Trong đó, cá và các loài động vật thân mềm như mực, hải sâm,... có trữ lượng lớn.

+ Biển Đông có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Ngoài ra còn có năng lượng thủy triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất;...

b. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa vào kiến thức đã học để vẽ sơ đồ trực/lập bảng thống kê/làm bài tập để luyện tập....

Ví dụ: GV yêu cầu HV làm việc cá nhân: *Hoàn thành bảng thông kê về tầm quan trọng của Biển Đông.*

<i>Vai trò</i>	<i>Biểu hiện</i>
Tuyến đường giao thông biển huyết mạch	
Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương	
Nguồn tài nguyên thiên nhiên	

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để liên hệ được vị trí, vai trò của Biển Đông đối với những vấn đề hiện nay.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet và đề xuất một giải pháp hai thác hiệu quả, bền vững vị trí và tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông. Giải thích vì sao?*

Hoặc Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet và giới thiệu về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu vị trí của Biển Đông	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Xác định được vị trí của Biển Đông các đảo, quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Giải thích, phân tích được tầm quan trọng của Biển Đông	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về vị trí, tầm quan trọng của Biển Đông.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)

Bài 13. VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.

- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

- Trân trọng thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Thông qua sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử để nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử và nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua các nguồn sử liệu trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, phát triển các ngành kinh tế trọng điểm và trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Từ các sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, HV biết vận dụng để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu các vấn đề liên quan đến Việt Nam và Biển Đông.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Thông qua tìm hiểu tư liệu lịch sử, giao tiếp và làm việc nhóm để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến chủ đề Việt Nam và Biển Đông.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam.
- Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

- Tập trung tìm hiểu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

- Làm rõ và khẳng định Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử và cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Mức độ cần làm rõ: Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử và nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình

- Tập trung tìm hiểu chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.
- Mức độ cần làm rõ: Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết của HV về Biển Đông đối với Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: quan sát tranh ảnh,... để rút ra được tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

Ví dụ: GV hướng dẫn HV quan sát hình ảnh (chọn hình ảnh về nhân dân đảo Lý Sơn thực hành Lễ Khao lè thể lính, hoặc Châu bản triều Nguyễn...) và trả lời câu hỏi: *Nêu hiểu biết về hình ảnh đó.* Hoặc Hoàn thành phiếu học tập sau đây:

SEE, THINK, WONDER



Liệt kê tất cả những gì em quan sát được.



Theo suy nghĩ của em, điểm đặc biệt từ hình ảnh trong bản đồ là gì?



Hãy đặt 1 câu hỏi về nội dung bản đồ vệ tinh em đã được xem.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Hình ảnh nhân dân đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa nhằm tri ân, tưởng niệm những người lính của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải (thành lập từ thế kỷ XVII) đã có công khai mở, cắm mốc chủ quyền và bảo vệ biển đảo. Ngoài ý nghĩa tri ân, nghi lễ này còn phản ánh lịch sử bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Vậy Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam? Quá trình xác lập chủ quyền, quản lý liên tục và cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa diễn ra như thế nào? Chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông là gì?? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

1. Mục tiêu: Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân: đọc thông tin trong SGK để:
 - + *Nêu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.*
 - + *Giải thích tại sao vị trí này lại có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam cũng như các quốc gia khác trong khu vực và thảo luận về những thách thức mà Việt Nam có thể gặp phải trong quá trình khai thác tiềm năng của Biển Đông.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam	
<i>a. Về quốc phòng, an ninh</i>	
Biển Đông là tuyến phòng thủ quan trọng bậc nhất ở phía đông với hệ thống các đảo và quần đảo trên biển như “tám lá chắn” bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền của ta.	
<i>b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm</i>	
Là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng, tài nguyên phong phú, góp phần quan trọng để phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như giao thông hàng hải, công nghiệp khai khoáng, khai thác tài nguyên sinh vật biển, nuôi trồng thủy sản, du lịch,...	
Ngành kinh tế	Thuận lợi
Thương mại biển	- Hệ thống các cảng biển được xây dựng dọc bờ Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải. - Có những cảng lớn giữ vai trò đầu mối vận chuyển hàng hoá trong nước và quốc tế như cảng Hải Phòng, cảng Đà Nẵng, cảng Sài Gòn,...
Khai thác khoáng sản	- Dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn với các bể trầm tích như Cửu Long, Nam Côn Sơn, ... - Vùng biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng như titan, thiếc, vàng, sắt, thạch cao, cát đen, ... là những nguồn tài nguyên quý giá.
Khai thác tài nguyên sinh vật biển	Biển Đông là vùng biển đa dạng về sinh học, riêng trữ lượng cá biển trên các vùng biển của Việt Nam ước tính khoảng 3 - 4 triệu tấn/năm, khả năng khai thác 1,4 - 1,6 triệu tấn/năm.
Du lịch	Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động, ... Các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể du lịch như vịnh Hạ Long, bãi biển Non Nước, đảo Phú Quốc phù hợp để phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

1. Mục tiêu:

- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: sử dụng tư liệu... để:
+ *Nêu những bằng chứng Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.*

+ Trình bày nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông từ thời kỳ phong kiến đến hiện đại.

+ Liệt kê các loại tài nguyên thiên nhiên có giá trị kinh tế mà Việt Nam có thể khai thác từ vùng Biển Đông.

Tư liệu: Vua Lê Thánh Tông căn dặn các quan trong triều:

“*Một thước núi, một thước sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ? Phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần, nếu họ không nghe còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu người nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di*”. (Đại Việt sử kí toàn thư)

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Các tư liệu lịch sử của Việt Nam và thế giới đều cho thấy Việt Nam là nhà nước đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

b. Cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Nhà nước Việt Nam qua các thời kì lịch sử có những hoạt động đấu tranh kiên quyết nhằm bảo vệ, thực thi chủ quyền biển đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Giai đoạn	Nội dung chính
Trước thế kỉ XIX	- Vào thế kỉ XVII, chúa Nguyễn cho lập Đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Đến đầu thế kỉ XVIII, bên cạnh Đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo ở Biển Đông, chúa Nguyễn Phúc Chu còn lập ra Đội Bắc Hải (dưới sự kiêm quân của Đội Hoàng Sa) - Dưới triều Nguyễn, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải đã được tái lập (1803) và đặt trong tổ chức chung của các đội Trường Đà.
Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954	- Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại, luôn khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Theo Hiệp định Ê-ly-dê ngày 8-3-1949, Pháp bắt đầu quá trình chuyển giao quyền kiểm soát hai quần đảo này cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu.
Từ năm 1954 đến năm 1975	- Theo thoả thuận của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn) đã tiếp quản và khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

	<p>- Năm 1956, lợi dụng bối cảnh chuyển giao giữa Pháp và Việt Nam Cộng hòa, Trung Quốc đưa quân chiếm đóng nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa.</p> <p>- Tháng 4-1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã thu hồi quần đảo Trường Sa, sau đó triển khai lực lượng quản lí và bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hoà đóng giữ.</p>
Từ năm 1975 đến nay	Sau chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ 1976 là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) thực hiện quyền quản lí hành chính và đấu tranh về pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình

1. Mục tiêu: Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể làm việc nhóm/cá nhân: sử dụng tư liệu ... để: *Nêu chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Nêu một số ví dụ thực tiễn về việc thực hiện chủ trương này của Việt Nam.*

Tư liệu:

1. Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền

- Các Sách trắng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo luật pháp quốc tế (9-1979, 12-1981, 4-1988,...).

- Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam (5-1977).

- Luật Biên giới quốc gia (6-2003).

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam (6-2005, 11-2015).

2. Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS)

Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea, gọi tắt là UNCLOS 1982), kí ngày 10-12-1982 tại vịnh Montego-bay, Gia-mai-ca, có hiệu lực từ ngày 16-11-1994, là một văn kiện pháp lí đa phương đồ sộ, bao gồm 320 Điều khoản và 9 Phụ lục, với hơn 1.000 quy phạm pháp luật.

Việt Nam là một trong 107 quốc gia ký Công ước tại Montego Bay, Jamaica ngay sau khi văn kiện này được mở ký và là một trong những quốc gia phê chuẩn sớm, trước khi Công ước có hiệu lực. Điều này thể hiện thiện chí, sự coi trọng và kỳ vọng của Việt Nam vào một trật tự pháp lý mới về biển và đại dương.

Ngày 23-6-1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về việc phê chuẩn UNCLOS.

3. Điều 87 thuộc Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc

Điều 87. Tự do trên biển cả

1. Biển cả được để ngỏ cho tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển. Quyền tự do trên biển cả được thực hiện trong những điều kiện do các quy định của Công ước và những quy tắc khác của pháp luật quốc tế trừu định. Đối với các quốc gia, dù có biển hay không có biển, quyền tự do này đặc biệt bao gồm:

a) Tự do hàng hải;

b) Tự do hàng không

2. Mỗi quốc gia khi thực hiện các quyền tự do này phải tính đến lợi ích của việc thực hiện quyền tự do trên biển cả của các quốc gia khác, cũng như đến các quyền được Công ước thừa nhận liên quan đến các hoạt động trong vùng,

Theo Công ước, các quốc gia ven biển (kể cả các quốc gia quần đảo) có 5 vùng biển như sau: vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa (kể cả thềm lục địa kéo dài). Tùy theo đặc điểm và cấu tạo địa lí mà quốc gia ven biển có đầy đủ 5 vùng biển. Việt Nam là quốc gia ven biển có đặc điểm địa lí phù hợp cho việc yêu sách cả 5 vùng biển nêu trên.

4. Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012

-Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hoà bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Luật Biển Việt Nam được xây dựng bắt đầu từ năm 1998. Ngày 21-6-2012, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua Luật Biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2013.

-Luật Biển Việt Nam gồm 7 chương, 55 điều.

Ban hành Luật Biển Việt Nam là hoạt động lập pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lí của Việt Nam về biển, đảo; lần đầu tiên Việt Nam có văn bản luật quy định đầy đủ chế độ pháp lí của các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam theo đúng UNCLOS; tạo cơ sở pháp lí quan trọng để Việt Nam thực hiện quản lí, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của mình.

5. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)

-Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); Việt Nam tích cực thúc đẩy và thực hiện đầy đủ tuyên bố; chủ động, tích cực phối hợp với các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc đàm phán, tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Ngày 4-11-2002 tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), 10 nước ASEAN và Trung Quốc kí Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm thúc đẩy môi trường hoà bình, ổn định và hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực Biển Đông, tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực này một cách hoà bình và lâu dài.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

- Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế và quân sự nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá về Việt Nam và Biển Đông.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được yêu cầu cần đạt của bài học.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/theo nhóm dựa trên kiến thức đã học lập bảng thống kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Phân tích nguyên nhân, hậu quả của những tranh chấp lãnh thổ hiện nay giữa Việt Nam và các quốc gia khác ở Biển Đông đối với khu vực.* Hoặc Hoàn thành Phiếu học tập sau đây:

Phiếu luyện tập

Sử dụng kiến thức đã học trong bài, viết câu cho các từ, cụm từ khóa sau để củng cố nội dung bài học.

"hành lang phòng thủ"
"Hải đội Hoàng Sa và Bắc Hải"
"Công ước Luật Biển năm 1982"
"hòa bình, tuân thủ luật pháp quốc tế"

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- HV báo cáo kết quả.
- GV nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học để liên hệ được trách nhiệm của thế hệ trẻ với việc bảo vệ Biển đảo Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: Hoàn thành Hồ sơ tài liệu sau đây:

HỒ SƠ TÀI LIỆU

Minh chứng quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Trang 1: Theo dòng sự kiện

Mốc thời gian	Chính quyền thực hiện	Hoạt động

HỒ SƠ TÀI LIỆU

Minh chứng quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Trang 2: Dẫn chứng Lịch sử

Mốc thời gian	Chính quyền thực hiện	Hoạt động

Nguồn thông tin/tư liệu phản ánh

Trích dẫn/ hình minh họa

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)

Tìm hiểu lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Nêu được chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu Việt Nam và Biển Đông.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về Việt Nam và Biển Đông.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì II)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 6

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 6. *Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông* gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông* 2) *Việt Nam và Biển Đông*, được dạy trong 6 tiết với những YCCĐ cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.

- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành, căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 6. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông* cung cấp cho người học hiểu biết về vị trí, tầm quan trọng của Biển Đông, GV có thể tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử tương ứng với hai nội dung bài học, hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về *Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông* dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và tổ chức một cuộc triển lãm giới thiệu về lịch sử bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với Biển Đông...*

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 11

Chuyên đề 1. LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 15 tiết

Chuyên đề này được dạy trong 15 tiết, có thể chia thành gồm 4 đơn vị kiến thức: 1) *Nghệ thuật thời Lý*; 2) *Nghệ thuật thời Trần*; 3) *Nghệ thuật thời Lê sơ*, 4) *Nghệ thuật thời Nguyễn*. Hoặc GV có thể chia thành 3 nội dung dạy học theo các đơn vị kiến thức hoặc có thể chia thành các nội dung: 1) *Nghệ thuật kiến trúc từ thời Lý đến thời Nguyễn*; 2) *Nghệ thuật điêu khắc từ thời Lý đến thời Nguyễn*; 3) *Mỹ thuật, âm nhạc từ thời Lý đến thời Nguyễn*. GV có thể chủ động tổ chức giờ học nội khóa để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập các tiết dạy học nội khóa chuyên đề, các tiết thực hành chuyên đề và 1 tiết còn lại cho hoạt động KTĐG chuyên đề. Việc chia thời lượng cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 1. NGHỆ THUẬT THỜI LÝ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lý thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) nêu được những nét cơ bản nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lý.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu mô tả được những nét riêng của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lý.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến các vấn đề về lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Lý, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết cách xử lý thông tin, sử dụng để học tập, khám phá lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lý.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của nghệ thuật truyền thống Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước; có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc;

- *Chăm chỉ*: tự giác tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập; tích cực tìm tòi và khám phá kiến thức mới.

- *Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn những giá trị nghệ thuật truyền thống; có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch dạy học chuyên đề.

- Tư liệu lịch sử, hình ảnh về các thành tựu nghệ thuật truyền thống tiêu biểu liên quan đến các lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc thời Lý.

- Suu tầm một số video, đường link của bảo tàng giới thiệu về các thành tựu tiêu biểu trong nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lý.

- Phiếu học tập cá nhân hoặc nhóm.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 11.

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Nghệ thuật kiến trúc thời Lý

- Nghệ thuật điêu khắc thời Lý

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Nghệ thuật kiến trúc thời Lý

- Không đi sâu tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu vào nghệ thuật kiến trúc truyền thống thời Lý.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được nét cơ bản thành tựu nghệ thuật kiến trúc thời Lý thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc suu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Nghệ thuật điêu khắc thời Lý

- Không tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu tìm hiểu những thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lý.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lý thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc suu tầm tranh ảnh, tài liệu.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của bản thân HV về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lý để tạo hứng thú và hiểu biết ban đầu của HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý từ sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: yêu cầu quan sát hình ảnh (chùa Diên Hựu, tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay...) và đặt câu hỏi: *Cho biết tên công trình và nêu hiểu biết của em về công trình đó.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, đánh giá hoạt động học: *Chùa Diên Hựu (Chùa Một Cột - Hà Nội) hay tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay là những công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu cho nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lý. Ngoài những công trình đó, nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Lý còn có những công trình tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài 1. Nghệ thuật thời Lý trong chuyên đề 1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc thời Lý

1. Mục tiêu: Nêu được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật kiến trúc thời Lý thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy. Qua đó, HV những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật kiến trúc thời Lý. Nhấn mạnh: những thành tựu cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật kiến trúc thời Lý.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc cá nhân: *Trình bày các thành tựu cơ bản về nghệ thuật kiến trúc thời Lý. Giới thiệu một thành tựu nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu của thời Lý.*

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Nghệ thuật kiến trúc thời Lý: Đạt được nhiều thành tựu tiêu biểu, nhiều công trình còn tồn tại đến ngày nay.

Loại hình		Thành tựu
Cung đình		Thành Thăng Long
Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian	Chùa	Chùa Một Cột, chùa Thăng Nghiêm, chùa Chân Giáo, chùa Dạm, chùa Long Đọi Sơn,...
	Đền	Đền Đồng Cổ, đền Bà Chúa Kho,...
	Tháp	Tháp Bảo Thiên, tháp Chiêu Ân, tháp Phật Tích, tháp Sùng Thiện Diên Linh,...

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc thời Lý

1. Mục tiêu: Nêu được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lý thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy. Qua đó, HV những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lý. Nhấn mạnh: những thành tựu cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật điêu khắc thời Lý.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và:

1. Trình bày các thành tựu cơ bản về nghệ thuật điêu khắc thời Lý. Giới thiệu một thành tựu nghệ thuật, điêu khắc tiêu biểu thời Lý.

2. Thảo luận toàn lớp: Rút ra đặc điểm của nghệ thuật thời Lý.

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Nghệ thuật điêu khắc thời Lý

Đạt được nhiều thành tựu tiêu biểu, nhiều công trình còn tồn tại đến ngày nay.

Chất liệu	Chủ yếu được thể hiện trên gỗ, gốm, đá với các đề tài về mây, sóng nước, hoa sen, lá đề,... Tiêu biểu: Rồng thời Lý khắc trên đất nung, trên đá, tượng uyên ương (tượng vịt)...
Đặc điểm	Khắc hoạ chân thực, đơn giản, uyển chuyển với tượng tròn, phù điêu sống động, mềm mại.
Nhân tố ảnh hưởng	- Văn hoá bản địa: Nhiều linh vật tạc thành tượng, khắc hoạ rõ nét văn hóa bản địa. Tiêu biểu: Rồng thời Lý... - Ảnh hưởng của nghệ thuật điêu khắc Trung Hoa, Ấn Độ: tượng chim uyên ương, sư tử, tiên nữ Áp-sa-ra,...

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lý.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực để lập bảng/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: hoàn thành bài tập:

Lập bảng thống kê những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc thời Lý.

Lĩnh vực	Thành tựu
Kiến trúc	
Điêu khắc	

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về nghệ thuật truyền thống Việt Nam để liên hệ được với các vấn đề thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) về một công trình kiến trúc hoặc một tác phẩm điêu khắc thời Lý mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc, thời Lý	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được nghệ thuật kiến trúc thời Lý.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu được nghệ thuật điêu khắc thời Lý	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được nghệ thuật điêu khắc thời Lý.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nghệ thuật truyền thống Việt Nam.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 2. NGHỆ THUẬT THỜI TRẦN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) nêu được những nét cơ bản nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trần.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu mô tả được những nét riêng của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trần.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến các vấn đề về lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Trần, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách xử lý thông tin, sử dụng để học tập, khám phá lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Trần.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của nghệ thuật truyền thống Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước; có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc;

- *Chăm chỉ:* tự giác tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập; tích cực tìm tòi và khám phá kiến thức mới.

- *Trách nhiệm:* có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn những giá trị nghệ thuật truyền thống; có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch dạy học chuyên đề.

- Tư liệu lịch sử, hình ảnh về các thành tựu nghệ thuật truyền thống tiêu biểu liên quan đến các lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc thời Trần.

- Sưu tầm một số video, đường link của bảo tàng giới thiệu về các thành tựu tiêu biểu trong nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Trần.

- Phiếu học tập cá nhân hoặc nhóm.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 11.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Nghệ thuật kiến trúc thời Trần

- Nghệ thuật điêu khắc thời Trần

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Nghệ thuật kiến trúc thời Trần

- Không đi sâu tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu vào nghệ thuật kiến trúc truyền thống thời Trần.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được nét cơ bản thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Nghệ thuật điêu khắc thời Trần

- Không tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu tìm hiểu những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về điêu khắc.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của bản thân HV về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Trần để tạo hứng thú và hiểu biết ban đầu của HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý từ sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác,...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: yêu cầu quan sát hình ảnh (tháp Báo Thiên, tượng Phật Trần Nhân Tông,...) và đặt câu hỏi: *Cho biết tên công trình và nêu hiểu biết của em về công trình đó.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *tháp Báo Thiên, tượng Phật Trần Nhân Tông, ... là những công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu cho nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Trần. Ngoài những công trình đó, nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Trần còn có những công trình tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài 2. Nghệ thuật thời Trần của chuyên đề 1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc thời Trần

1. Mục tiêu: Nêu được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Trần về kiến trúc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy... qua đó HV nêu những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Trần về kiến trúc. Nhấn mạnh: những thành tựu cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật thời Trần về kiến trúc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc cá nhân: *Trình bày các thành tựu cơ bản về nghệ thuật kiến trúc thời Trần. Giới thiệu một thành tựu nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu của thời Trần.*

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh,... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2.1. Nghệ thuật kiến trúc thời Trần: Đạt được nhiều thành tựu tiêu biểu, nhiều công trình còn tồn tại đến ngày nay.		
<i>Loại hình</i>	<i>Thành tựu</i>	
Cung đình	Mở rộng thành Thăng Long, xây cung điện Thiên Trường	
Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian	Chùa	Chùa Yên Tử, chùa Quỳnh Lâm, chùa Phổ Minh, chùa Bối Khê,...
	Đền	Đền Trần (Nam Định, Thái Bình), lăng Trần Thủ Độ,...
	Tháp	Tháp Phổ Minh, Tháp Bình Sơn, Tháp Yên Tử,....

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc thời Trần

1. Mục tiêu: Nêu được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Trần về điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy... qua đó HV những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Trần về điêu khắc. Nhấn mạnh: những thành tựu cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật thời Trần về điêu khắc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc nhóm:

1) Trình bày các thành tựu cơ bản về nghệ thuật điêu khắc thời Trần. Giới thiệu một thành tựu nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu của thời Trần.

2) Nêu đặc điểm nghệ thuật thời Trần và so sánh với nghệ thuật thời Lý.

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, đánh giá hoạt động học:

2.2. Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc thời Trần	
Điêu khắc thời Trần là sự nối tiếp thời Lý, nhưng phong cách tạo hình thể hiện sự khoáng đạt, khoẻ khoắn hơn.	
Chất liệu	<p>- Tượng hổ đá ở lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình) có kích thước gần như hổ thật (dài 1,43 m), thân hình thon, bắp vế căng tròn với dáng nằm xoài chân, chân thu về phía trước, đầu ngẩng cao. Tượng hổ tạo khối đơn giản, được sắp xếp một cách chặt chẽ, vững chãi...</p> <p>- Rồng thời Trần có phần đầu uy nghi, đường bệ cùng chiếc mào lửa. Thân rồng tròn, mập mạp, nhỏ dần về phía đuôi, uốn khúc nhẹ, lưng võng hình yên ngựa. Trên mình phủ lớp vảy hình răng cưa sắc nhọn, chân rồng ngắn. Đặc biệt, rồng thời Trần có sự xuất hiện cặp sừng và hai chi trước đầy đặn mãnh.</p> <p>- Hoa văn trang trí điêu khắc chủ yếu trên đồ gốm, đình, chùa là hoa sen, hoa cúc, hình rồng, chim phượng, hồ, hình người,...</p>
Đặc điểm	Khắc hoạ chân thực, đơn giản, uyển chuyển với tượng tròn, phù điêu sống động, mềm mại.

Nhân tố ảnh hưởng	- Văn hoá bản địa: Nhiều linh vật tạc thành tượng, khắc hoạ rõ nét văn hóa bản địa. Tiêu biểu: Rồng thời Trần... - Ảnh hưởng của nghệ thuật điêu khắc Trung Hoa, Ấn Độ: tượng hổ,...
-------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Trần.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực để lập bảng/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: hoàn thành bài tập:

Lập bảng thống kê thành tựu tiêu biểu về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trần:

Lĩnh vực	Thành tựu
Kiến trúc	
Điêu khắc	

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về nghệ thuật truyền thống Việt Nam để liên hệ được với các vấn đề thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) về một công trình kiến trúc hoặc một tác phẩm điêu khắc (hội hoạ) thời Trần mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc, thời Trần	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được nghệ thuật kiến trúc thời Trần.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở

Tìm hiểu được nghệ thuật điêu khắc thời Trần.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề khi: - Trình bày được nghệ thuật điêu khắc thời Trần	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nghệ thuật truyền thống Việt Nam.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 3. NGHỆ THUẬT THỜI LÊ SƠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) nêu được những nét cơ bản nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lê sơ.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu mô tả được những nét riêng của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lê sơ.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến các vấn đề về lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Lê sơ, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lê sơ.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của nghệ thuật truyền thống Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước; có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc;

- *Chăm chỉ*: tự giác tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập; tích cực tìm tòi và khám phá kiến thức mới.

- *Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn những giá trị nghệ thuật truyền thống; có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch dạy học chuyên đề.
- Tư liệu lịch sử, hình ảnh về các thành tựu nghệ thuật truyền thống tiêu biểu liên quan đến các lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc thời Lê sơ.
- Suu tầm một số video, đường link của bảo tàng giới thiệu về các thành tựu tiêu biểu trong nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lê sơ.
- Phiếu học tập cá nhân hoặc nhóm.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 11.
- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ
- Nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ

- Không đi sâu tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu vào nghệ thuật kiến trúc truyền thống thời Lê sơ.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Lê sơ về kiến trúc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ

- Không tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu tìm hiểu những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về điêu khắc.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của HV về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lê sơ để tạo hứng thú và hiểu biết ban đầu cho HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý từ sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác,...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: yêu cầu quan sát hình ảnh (kính đô Lam Kinh, rồng đá điện Kính Thiên...) và đặt câu hỏi: *Cho biết tên công trình và nêu hiểu biết của em về công trình đó.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *kính đô Lam Kinh, rồng đá điện Kính Thiên... là những công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu cho nghệ*

thuật truyền thống Việt Nam thời Lê sơ. Ngoài những công trình đó, nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Lê sơ còn có những công trình tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong chuyên đề 1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam và bài 3. Nghệ thuật thời Lê sơ.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ

1. Mục tiêu: Nêu được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Lê sơ về kiến trúc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy... qua đó HV nêu những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Lê sơ về kiến trúc. Nhấn mạnh: những thành tựu cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật thời Lê sơ về kiến trúc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc cá nhân: *Trình bày các thành tựu cơ bản về nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ và giới thiệu một thành tựu nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu của thời Lê sơ.*

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh,... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2.1. Nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ	
Loại hình	Thành tựu
Cung đình	Điện Kính Thiên, Văn Miếu, nhà Thái học.. và quần thể kiến trúc Lam Kinh.
Kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng	- Thời Lê sơ, việc xây chùa mới bị hạn chế. Một số chùa, tháp được trùng tu như chùa Minh Khánh (Hải Dương); Thiên Phúc (chùa Thầy), Kim Liên, Thúy Lai, tháp chùa Hoa Yên (Hà Nội); chùa Đại Bi (Bắc Ninh),... - Thời Lê sơ, các lăng mộ của vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử,... nhìn chung có quy mô nhỏ.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ

1. Mục tiêu: Nêu được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy,... qua đó HV nêu những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ. Nhấn mạnh: những thành tựu cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc nhóm:

1) *Trình bày các thành tựu cơ bản về nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ. Giới thiệu một thành tựu nghệ thuật điêu khắc tiêu biểu của thời Lê sơ.*

2) *Nêu đặc điểm nghệ thuật thời Lê sơ và so sánh với nghệ thuật thời Trần.*

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh,... và trả lời câu hỏi.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Lê Sơ.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực để lập bảng/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: hoàn thành bài tập:

Lập bảng thống kê những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật thời Lê sơ.

Lĩnh vực	Thành tựu
Kiến trúc	
Điêu khắc	

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về nghệ thuật truyền thống Việt Nam để liên hệ được với các vấn đề thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) về một thành tựu kiến trúc, tác phẩm điêu khắc (hội họa) thời Lê sơ mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: -Trình bày được nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu được nghệ thuật điêu	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề khi:	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở

khắc thời Lê sơ.	-Trình bày được nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nghệ thuật truyền thống Việt Nam.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 4. NGHỆ THUẬT THỜI NGUYỄN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Mô tả được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.

- Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) nêu được những nét cơ bản nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn; những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu mô tả được những nét riêng của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến các vấn đề về lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Nguyễn, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Nguyễn.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của nghệ thuật truyền thống Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước; có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc;

- *Chăm chỉ*: tự giác tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập; tích cực tìm tòi và khám phá kiến thức mới.

- *Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn những giá trị nghệ thuật truyền thống; có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch dạy học chuyên đề.
- Tư liệu lịch sử, hình ảnh về các thành tựu nghệ thuật truyền thống tiêu biểu liên quan đến các lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.
- Sưu tầm một số video, đường link của bảo tàng giới thiệu về các thành tựu tiêu biểu trong nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Nguyễn.
- Phiếu học tập cá nhân hoặc nhóm.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 11.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.
- Nghệ thuật âm nhạc, mỹ thuật thời Nguyễn.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn

- Không đi sâu tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu vào nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc truyền thống thời Nguyễn.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Nghệ thuật âm nhạc, mỹ thuật thời Nguyễn

- Không tìm hiểu các loại hình nghệ thuật nói chung, chỉ yêu cầu đi sâu tìm hiểu những thành tựu nghệ thuật chính thời Nguyễn về *âm nhạc, mỹ thuật*.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Nguyễn về âm nhạc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của HV về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Nguyễn để tạo hứng thú và hiểu biết ban đầu cho HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý từ sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Yêu cầu quan sát hình ảnh (Đền Ngọc Sơn, Cửu đỉnh) và đặt câu hỏi: *Cho biết tên công trình và nêu hiểu biết của em về công trình đó.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, đánh giá hoạt động học: *đền Ngọc Sơn (Hà Nội), Cửu đỉnh (Huế) ... là những công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu cho nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Nguyễn. Ngoài những công trình đó, nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Nguyễn còn có những tác phẩm tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong chuyên đề 1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam và bài 4. Nghệ thuật thời Nguyễn.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn

1. Mục tiêu: Mô tả được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy... qua đó HV những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc. Nhấn mạnh: những thành tựu kiến trúc và điêu khắc cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật thời Nguyễn.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc cá nhân: *Giới thiệu các thành tựu chính về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.*

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

4. Nghệ thuật thời Nguyễn

a. Kiến trúc

- Tiêu biểu cho phong cách kiến trúc cung đình thời kỳ này là kinh thành và lăng tẩm Huế.
- Dưới thời Nguyễn, các công trình đền, chùa được xây dựng mới không quá nhiều, nhưng vẫn có một số công trình tiêu biểu như: đền Ngọc Sơn, chùa Báo Ân,...

b. Điêu khắc

- Điêu khắc thời Nguyễn nổi bật với nghệ thuật khảm sành sứ và đắp vữa gắn sành, sứ.
- Nghệ thuật điêu khắc chủ yếu thể hiện qua các tác phẩm chạm khắc tinh xảo, đa dạng trong các lăng tẩm và di tích.
- Trong các công trình điêu khắc thời Nguyễn, Cửu đỉnh được coi là kiệt tác tiêu biểu nhất.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nghệ thuật mỹ thuật và âm nhạc thời Nguyễn

1. Mục tiêu: Mô tả được những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Nguyễn về mỹ thuật và âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy... qua đó HV những nét cơ bản thành tựu nghệ thuật thời Nguyễn về mỹ thuật và âm nhạc. Nhấn mạnh: những thành tựu mỹ thuật và âm nhạc cho thấy sự phát triển phong phú và tinh tế của nghệ thuật thời Nguyễn.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và làm việc nhóm:

1) Giới thiệu các thành tựu chính về nghệ thuật mỹ thuật và âm nhạc thời Nguyễn.

2) Nêu những điểm mới về nghệ thuật thời Nguyễn.

- Các nhóm HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh,... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

4. Nghệ thuật thời Nguyễn

c. Mỹ thuật

- Về phong cách mỹ thuật cung đình: Hầu hết các bộ phận bằng gỗ trong cung điện đều được sơn son thếp vàng và trở thành phong cách trang trí chủ đạo của kiến trúc cung đình.

- Về phong cách mỹ thuật dân gian: Có sự kế thừa và phát triển mỹ thuật của các thời kì trước.

d. Âm nhạc

- Nhạc cung đình xuất hiện phát triển và có quy mô nhất là ở thời Nguyễn.

- Âm nhạc dân gian thời Nguyễn phát triển ở khắp các địa phương trên cả nước, có sự phong phú về loại hình.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá về nghệ thuật truyền thống Việt Nam thời Nguyễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực để lập bảng/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: hoàn thành bài tập:

Lập bảng thống kê thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật mỹ thuật, âm nhạc thời Nguyễn:

Lĩnh vực	Thành tựu
Kiến trúc. Điêu khắc	
Mỹ thuật, âm nhạc	

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về nghệ thuật truyền thống Việt Nam để liên hệ được với các vấn đề thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) về một công trình kiến trúc hoặc một tác phẩm điêu khắc (hội họa) thời Nguyễn mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Mô tả được nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu được nghệ thuật mỹ thuật và âm nhạc thời Nguyễn.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được nghệ thuật mỹ thuật và âm nhạc thời Nguyễn.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nghệ thuật truyền thống Việt Nam.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 1

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chuyên đề này gồm 4 đơn vị kiến thức: 1) *Nghệ thuật thời Lý*; 1) *Nghệ thuật thời Trần*; 3) *Nghệ thuật thời Lê sơ*; 4) *Nghệ thuật thời Nguyễn* được dạy trong 15 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 3 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và cơ sở vật chất nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chuyên đề 1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam* cung cấp cho người học hiểu biết về nghệ thuật truyền thống Việt Nam. GV có thể lựa chọn nội dung tổ chức 3 tiết Thực hành lịch sử trong chuyên đề hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về nghệ thuật truyền thống Việt Nam dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề*. Ví dụ: *Thu thập sử liệu và giới thiệu một thành tựu kiến trúc, điêu khắc thời Lý, thời Trần, thời Lê sơ, thời Mạc, thời Lê Trung hưng, thời Nguyễn còn tồn tại đến nay.*

Chuyên đề 2. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX

Thời gian thực hiện: 10 tiết

Chuyên đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX (Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX; Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới; Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai; 2) Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay (Chiến tranh lạnh (1947 - 1989); Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh; Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới) được dạy học trong 10 tiết. Thời lượng của mỗi nội dung dạy học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các nội dung dạy học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình, nhiều yêu cầu cần đạt thì thời lượng số tiết nhiều hơn. GV có thể chủ động tổ chức giờ học nội khóa để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập các tiết dạy học nội khóa chuyên đề, các tiết thực hành chuyên đề và 1 tiết còn lại cho hoạt động KTĐG chuyên đề. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên YCCĐ của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 5. CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới.
- Phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.
- Trình bày được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,..
- Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu để nêu được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới; nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. Trình bày được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,... Trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
- *Năng lực vận dụng và kiến thức kĩ năng đã học:* Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới; có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào

cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lí thông tin, sử dụng để tìm hiểu về chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng về chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức trân trọng hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX.

- Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các vấn đề của hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX mà chỉ đi sâu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX và những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX, phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.

2. Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các vấn đề của cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới mà chỉ đi sâu vào tìm hiểu khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,....

3. Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các vấn đề về phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai mà chỉ tập trung tìm hiểu ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai và ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai; trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng tư liệu/hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác,...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng một vài hình ảnh các cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai.

- HV quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi: *Nêu hiểu biết về sự kiện được phản ánh qua hình ảnh.*

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các hình ảnh phản ánh những hậu quả của hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỉ XX. *Vậy, các cuộc chiến tranh đó diễn ra xuất phát từ nguyên nhân nào? Những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới đã tác động như thế nào đến thế giới? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung của chuyên đề 2. Chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX

1. Mục tiêu: Nêu được nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX và phân tích hậu quả, tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video,... qua đó HV tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX và phân tích hậu quả, tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. Nhấn mạnh: đây là hai cuộc chiến tranh có qui mô lớn nhất đã diễn ra trong nửa đầu thế kỉ XX, để lại cho nhân loại những bài học vô giá về giá trị của hòa bình.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV chuẩn bị về hai cuộc chiến tranh thế giới và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu những nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai.*

+ *Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai.*

+ *Đánh giá tác động Chiến tranh thế giới thứ nhất, thứ hai đối với tình hình thế giới.*

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài nhóm HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX			
Cuộc chiến	Nguyên nhân	Hậu quả	Tác động
Chiến tranh thế giới thứ nhất	<p>- <i>Nguyên nhân sâu xa:</i></p> <p>+ Sự phát triển không đồng đều về kinh tế - chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.</p> <p>+ Tham vọng bành trướng thuộc địa, chính sách chạy đua vũ trang của Đức tạo nên căng thẳng trong quan hệ quốc tế ở châu Âu cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.</p> <p>- <i>Duyên cớ trực tiếp:</i></p> <p>+ Đức kích động Áo - Hung gây chiến với Xéc-bi (28/7).</p> <p>+ Đức tuyên chiến với Nga (1/8) và Pháp (3/8), Anh tuyên chiến với Đức (4/8).</p> <p>→ Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.</p>	<p><i>Hậu quả:</i></p> <p>+ 20 triệu người chết, bị thương và tàn tật vì chiến tranh.</p> <p>+ 4 đế quốc lớn (Nga, Đức, Áo - Hung, Ôt-tô-man) ở châu Âu sụp đổ.</p> <p>+ 2 nước tư bản ngoài châu Âu (Mỹ, Nhật Bản) có điều kiện vươn lên nhanh chóng.</p>	<p>- <i>Tác động:</i></p> <p>+ Trật tự thế giới mới được xác lập phù hợp với tương quan lực lượng mới giữa các cường quốc (hệ thống Véc-xai - Oa-sinh-ton),</p> <p>+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự ra đời nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới mở ra thời kì phát triển mới trong phong trào cách mạng thế giới.</p>
Chiến tranh thế giới thứ hai	<p>- <i>Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai:</i></p> <p>+ Trật tự Véc-xai - Oa-sinh-ton do các nước thắng trận xác lập xảy ra mâu thuẫn về quyền lợi không thể giải quyết.</p> <p>+ Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.</p> <p>+ Chính sách thoả hiệp, nhượng bộ của các nước phương Tây tạo điều kiện cho phe phát xít gây chiến.</p>	<p><i>Hậu quả:</i> Là cuộc chiến tranh khốc liệt, tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.</p> <p>+ 90 triệu người chết, bị thương, tàn tật vì chiến tranh.</p> <p>+ Thiệt hại về vật chất: 4 000 tỉ USD.</p>	<p><i>Tác động:</i></p> <p>+ Thắng lợi của Liên Xô thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc, sự ra đời của các quốc gia độc lập ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.</p> <p>+ Thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước tư bản. Mỹ trở thành siêu cường đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa.</p> <p>+ Trật tự thế giới mới được hình thành</p>

	<p>- Sự giống nhau về nguyên nhân bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai:</p> <p>+ Về nguồn gốc: bắt nguồn từ mâu thuẫn của các nước đế quốc về vấn đề thị trường và thuộc địa, mâu thuẫn đạt đến đỉnh cao không thể giải quyết được.</p>		<p>- Trật tự hai cực I-an-ta (Liên Xô và Mỹ).</p> <p>+ Sự ra đời của Liên hợp quốc mở ra một chương mới trong lịch sử chính trị thế giới.</p>
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 2. Tìm hiểu cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

1. Mục tiêu: Trình bày được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,....

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với tư liệu... để tìm hiểu về khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu ý nghĩa của Sắc lệnh hòa bình năm 1917 của Lê-nin.*

+ *Phân tích khát vọng hòa bình và cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân Liên Xô thông qua chính sách ngoại giao của Liên Xô.*

+ *Giải thích vì sao việc thiết lập hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ nhất là cần thiết?*

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Cuộc đấu tranh vì hòa bình trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

a) Chính sách ngoại giao hòa bình của Liên Xô

- *Sắc lệnh hòa bình năm 1917:*

+ Nội dung: Coi chiến tranh là một tội ác lớn nhất đối với nhân loại, kêu gọi chấm dứt chiến tranh, tiến hành ngay thương lượng và đàm phán hòa bình, không xâm chiếm đất đai, lãnh thổ.

+ Ý nghĩa:

++ Lần đầu tiên trên thế giới xuất hiện một cương lĩnh chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình trong bối cảnh chiến tranh đang diễn ra khốc liệt trên thế giới.

++ Thể hiện khát vọng hòa bình của nhân dân Nga và nhân dân thế giới nói chung.

- Chính sách ngoại giao hòa bình của Liên Xô:

+ Thiết lập quan hệ song phương với hàng loạt các nước láng giềng ở châu Âu, châu Á.

+ Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế phá vỡ chính sách bao vây, cô lập của các nước đế quốc.

+ Kí kết Hiệp ước từ bỏ chiến tranh nói chung, tham gia và là lực lượng chủ chốt hỗ trợ nước Cộng hòa Tây Ban Nha trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha.

b) Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

- *Hoàn cảnh ra đời:* hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất đòi hỏi phải thiết lập một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu để ngăn chặn chiến tranh.

→ Hội Quốc liên được thành lập (10/1/1920) chính thức được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới trong ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới.

- *Quá trình hoạt động:*

+ Trong thập kỉ 20 của thế kỉ XX, hàng loạt các hội nghị quốc tế về hoà bình, giải trừ quân bị diễn ra trong khuôn khổ Hệ thống Véc-xai - Oa-sinh-ton.

+ Hiệp ước chung về từ bỏ chiến tranh được kí kết tại Pa-ri ngày 27 - 8 - 1928 với sự tham gia của đại diện 15 nước (sau này tăng lên 57 nước).

- *Ý nghĩa:*

+ Thể hiện sự nỗ lực của các nước trong việc xây dựng một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu.

+ Góp phần gìn giữ hoà bình, an ninh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Hoạt động 3. Tìm hiểu phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

1. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai; trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV trình bày ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai và ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/làm việc với tư liệu... để tìm hiểu về khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới và trả lời câu hỏi:

+ *Cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới được thể hiện như thế nào qua phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh trong Chiến tranh thế giới thứ hai? Cho biết ý nghĩa của phong trào đó.*

+ *Nêu những nét khái quát về phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, Đông Nam Á. Trình bày ý nghĩa của phong trào.*

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi. hoàn thành Phiếu học tập.
- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

a. Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

- Phong trào Mặt trận nhân dân ở các nước phương Tây:

+ Pháp: Mặt trận Nhân dân Pháp thực hiện một số cải cách tiên bộ, bảo vệ được nền dân chủ, đưa nước Pháp vượt qua được hiểm họa của chủ nghĩa phát xít.

+ Tây Ban Nha: kiên quyết chống trả cuộc tấn công của lực lượng phát xít Phran-cô.

- Phong trào Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc thông qua trường hợp điển hình ở Đông Nam Á:

+ Ở Đông Nam Á: Mặt trận Nhân dân In-đô-nê-xi-a lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi quyền dân chủ, quyền tự quyết, chống phát xít và nguy cơ chiến tranh ở nước này.

+ Các nước Đông Dương: tập hợp các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ.

+ Khu vực Mỹ Latinh: tập hợp đông đảo các lực lượng yêu nước trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ nền dân chủ và hoà bình.

b. Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

- Phong trào chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi:

+ Khái quát:

- Ở châu Âu: tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và bổ sung lực lượng cho quân Đồng minh.

- Ở châu Á: Trung Quốc là một trong những mặt trận chính chống lại quân phiệt Nhật Bản.

- Ở Đông Nam Á: các nước Việt Nam, Lào, In-đô-nê-xi-a giành độc lập năm 1945. Sau đó, các nước Đông Nam Á khác lần lượt được trao trả độc lập.

+ Ý nghĩa:

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống phát xít của nhân dân thế giới góp phần quan trọng trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

- Tạo thời cơ có một không hai để các nước thuộc địa và phụ thuộc từng sát cánh cùng các lực lượng Đồng minh chống phát xít, có điều kiện thuận lợi chớp thời cơ tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.

- Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô: tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc trên khắp các châu lục, từng bước làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc và thực dân tại châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ:

1) So sánh điểm giống và khác nhau giữa hai cuộc chiến tranh thế giới đầu thế kỉ XX.

2) Nhận xét về cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới nửa đầu thế kỉ XX.

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về vấn đề chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Chọn phân tích một bài học rút ra hai cuộc chiến tranh thế giới thứ hai có thể vận dụng trong thực tiễn ngày nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu hai cuộc chiến tranh thế giới đầu thế kỉ XX	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. - Phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu cuộc đấu tranh vì hòa bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa

	Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...		chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai	<p>Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô. 	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	<p>Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi:</p> <p>Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX.</p>	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 6. CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh.
- Phân tích được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh.
- Phân tích được những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam.
- Trình bày được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Trình bày được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...
- Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính.
- Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân Việt Nam qua ví dụ cụ thể.
- Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.
- Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: thông qua tư liệu nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh; nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh; nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Sử dụng tư liệu để giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.
- *Năng lực vận dụng và kiến thức kĩ năng đã học*: Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính; có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết suu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lí thông tin, sử dụng để tìm hiểu về chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng về chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức trân trọng hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.
- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Chiến tranh lạnh (1947-1989).
- Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh.
- Đấu tranh vì hòa của nhân dân thế giới.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Chiến tranh lạnh (1947-1989)

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các vấn đề về chiến tranh lạnh mà chỉ đi sâu tìm hiểu nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh; những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng; nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh; những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam; nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh; Phân tích được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng; Nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh; những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam; Trình bày được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

2. Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các vấn đề về Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh mà chỉ đi sâu tìm hiểu vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...

3. Đấu tranh vì hòa của nhân dân thế giới

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả các vấn đề về cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới mà chỉ đi sâu vào tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh; nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc,

ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt; vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc; có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

- Mức độ cần làm rõ: Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh; Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể; Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc; Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng tư liệu/hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng một vài hình ảnh về các cuộc xung đột ở Trung Đông, Ucraina-na và trả lời câu hỏi: *Nêu hiểu biết về sự kiện được phản ánh qua hình ảnh.*

- HV quan sát hình ảnh và trả lời.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các hình ảnh phản ánh những cuộc xung đột trên thế giới từ sau năm 1945 đến nay vẫn đang tiếp diễn. *Vậy, Các cuộc chiến tranh, xung đột đó diễn ra xuất phát từ nguyên nhân nào? Những hậu quả và tác động của nó đến thế giới? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung của chuyên đề 2. Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu Chiến tranh lạnh (1947-1989)

1. Mục tiêu: Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh; Phân tích được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng; Nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh; những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam; Trình bày được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... qua đó HV tìm hiểu nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh; những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng; nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh; những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam; nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị video về Chiến tranh lạnh, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và *hoàn thành phiếu học tập về Chiến tranh lạnh:*

Mục	Nội dung
Khái niệm	
Nguyên nhân	
Biểu hiện	
Đặc điểm	
Nguyên nhân kết thúc	
Tác động	

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Chiến tranh lạnh (1947-1989)	
Mục	Nội dung
Khái niệm	Chiến tranh lạnh là tình trạng đối đầu căng thẳng về tư tưởng, chính trị, quân sự, kinh tế,... giữa hai cực do Mỹ - Liên Xô đứng đầu trong những năm 1947 - 1989.
Nguyên nhân	Do mâu thuẫn về mục tiêu và lợi ích chiến lược giữa hai siêu cường giữa Mỹ và Liên Xô
Biểu hiện	- Tháng 1 –1949, Liên Xô và các nước Đông Âu đã thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV). Tháng 5 – 1955, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. - Tháng 6 – 1947, Mỹ tiếp tục đưa ra kế hoạch tái thiết châu Âu với tên gọi Kế hoạch phục hưng châu Âu (còn gọi là Kế hoạch Mác-san). Tháng 4 – 1949, Mỹ cùng các nước Tây Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)..
Đặc điểm	- Chiến tranh lạnh chi phối quan hệ toàn cầu - Diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực - Đây là cuộc đối đầu giữa hai hệ tư tưởng Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa tư bản - Không đối đầu quân sự trực tiếp.
Nguyên nhân kết thúc	- Những tổn thất của Mỹ và Liên Xô do tham gia vào cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn bốn thập kỉ đã làm suy yếu sức mạnh của hai nước. - Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng và phải tiến hành công cuộc cải tổ. - Sự cạnh tranh của các nền kinh tế mới nổi đặt ra yêu cầu cần kết thúc Chiến tranh lạnh đối với cả Liên Xô và Mỹ. - Tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu thế toàn cầu hoá và hoà hoãn.

Tác động	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến tranh lạnh kết thúc có tác động lớn tới quan hệ quốc tế và tương quan lực lượng giữa các cường quốc cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI - Chiến tranh lạnh kết thúc và hệ thống xã hội chủ nghĩa suy yếu đã thúc đẩy sự chuyển dịch của quan hệ quốc tế. - Chiến tranh lạnh kết thúc đã tác động tới quá trình hợp tác quốc tế và khu vực trên thế giới. - Nhiều tổ chức quốc tế, khu vực đã ra đời, thúc đẩy quá trình hội nhập của nhiều quốc gia.
----------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 2. Tìm hiểu chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh

1. Mục tiêu: Trình bày được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV tìm hiểu vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/ làm việc với tư liệu, video... để tìm hiểu vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,... và trả lời câu hỏi:

1) *Liệt kê các cuộc nội chiến, xung đột quân sự, các xung đột ở các khu vực trên thế giới sau Chiến tranh lạnh.*

2) *Vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn?*

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh/ xem video... và trao đổi hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh

a. Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực

Các cuộc nội chiến và xung đột quân sự khu vực tiêu biểu trong thời hậu Chiến tranh lạnh là Chiến tranh vùng Vịnh, Chiến tranh Bốt-xni-a, Chiến tranh Kô-sô-vô.

b. Cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu

- Cuộc tấn công khủng bố ngày 11-9-2001 đánh dấu một trong những sự kiện khủng bố đẫm máu nhất từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

- Cuộc chiến của Mỹ chống khủng bố toàn cầu: sau sự kiện ngày 11-9, Mỹ phát động cuộc chiến chống khủng bố trên toàn cầu.

Hoạt động 3. Tìm hiểu phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới

1. Mục tiêu: Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh; Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc;

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh (Đại hội hoà bình thế giới ngày 26-4-1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính); nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt; vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc; có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với tư liệu để tìm hiểu về phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới và trả lời câu hỏi:

1) *Trình bày cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh.*

2) *Trình bày phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.*

3) *Giải thích vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc?*

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

a. Đấu tranh chống chạy đua vũ trang vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh

- Phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh bắt đầu từ những năm 50 của thế kỉ XX với cuộc vận động chống phổ biến vũ khí nguyên tử diễn ra ở Nhật Bản, châu Âu, Bắc Mỹ,...

-Tại nhiều quốc gia Tây Âu, người dân đã xuống đường phản đối Mỹ triển khai các hệ thống tên lửa và vũ khí hạt nhân trong khu vực.

b. Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam

- **Trên phạm vi quốc tế:** từ đầu những năm 60 của thế kỉ XX, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã từng bước thu hút được sự chú ý của dư luận thế giới.

- **Tại Mỹ,** phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam (1964 - 1973) đã trở thành một cuộc vận động xã hội rộng lớn thu hút nhiều thành phần xã hội tham gia, đặc biệt là thanh niên, sinh viên, cựu chiến binh, học giả, người da màu...

c. Đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới

- Cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh phát triển rộng rãi, đỉnh cao là đại hội thế giới vì hòa bình.

- Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra khắp thế giới.

- Cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh tiếp tục được duy trì và phát triển mạnh mẽ.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lí tình huống có liên quan đến vấn đề chiến tranh và hòa bình từ 1945 đến nay.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ:

1) *Nêu nhận xét về cuộc Chiến tranh lạnh.*

2) *Nêu nhận xét về cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới từ sau năm 1945 đến nay.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về vấn đề chiến tranh và hòa bình từ năm 1945 đến nay vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Chọn phân tích một bài học rút ra cuộc Chiến tranh lạnh có thể vận dụng trong thực tiễn ngày nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu cuộc Chiến tranh lạnh	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. - Phân tích được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. - Nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh. - Phân tích được những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam. - Trình bày được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu phong trào đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh. - Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.

	kĩ năng đã học khi tìm hiểu về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 2

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chuyên đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỉ XX*; 2) *Chiến tranh và hòa bình từ sau năm 1945 đến nay* được dạy trong 10 tiết. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và cơ sở vật chất của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

- Cần lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chuyên đề 2. Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX* cung cấp cho người học hiểu biết những vấn đề tiêu biểu về các cuộc chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh và phong trào đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới trong thế kỉ XX. GV có thể lựa chọn nội dung chuyên sâu tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử trong chuyên đề hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về *Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX* dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề*. Ví dụ: *Trình bày điểm giống nhau và khác nhau trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của Liên Xô và Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai*.

Chuyên đề 3. DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 10 tiết

Chuyên đề gồm 5 đơn vị kiến thức: 1) *Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc*; 2) *Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại*; 3) *Một số danh nhân quân sự Việt Nam*; 4) *Một số danh nhân Việt Nam*; 5) *Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học- công nghệ và giáo dục đào tạo* được dạy học trong 10 tiết. Thời lượng của mỗi nội dung dạy học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các nội dung dạy học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình, nhiều yêu cầu cần đạt thì thời lượng số tiết nhiều hơn. GV có thể chủ động tổ chức giờ học nội khóa để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập các tiết dạy học nội khóa chuyên đề, các tiết thực hành chuyên đề và 1 tiết còn lại cho hoạt động KTĐG chuyên đề. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên YCCĐ của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 7. KHÁI QUÁT VỀ DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được khái niệm danh nhân.
- Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Sử dụng tư liệu để trình bày được khái niệm danh nhân.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những nét khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lí thông tin, sử liệu để tìm hiểu về danh nhân trong lịch sử dân tộc;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức học hỏi, kế thừa những giá trị tốt đẹp của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.
- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Khái niệm danh nhân.
- Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái niệm danh nhân

- Không tìm hiểu tất cả các định nghĩa về danh nhân, chỉ đi sâu tìm hiểu khái niệm chung về danh nhân thông qua ví dụ cụ thể.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái niệm danh nhân.

2. Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

- Không đi sâu tìm hiểu chung chung, chỉ nêu cụ thể vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được nét chính vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng hình ảnh một vài danh nhân được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới (Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi...) và đặt câu hỏi: *Nêu hiểu biết về các nhân vật. Vì sao các nhân vật ấy được công nhận là Danh nhân thế giới.*

- HV làm việc cá nhân.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Ca ngợi công lao các anh hùng dân tộc – những danh nhân tiêu biểu của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”. Vậy thế nào là danh nhân? Danh nhân tiêu biểu có vai trò và đóng góp như thế nào trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc. Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung **Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc của chuyên đề 3. Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.***

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm danh nhân

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm danh nhân.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... qua đó HV tìm hiểu khái niệm danh nhân.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị về các danh nhân và trả lời câu hỏi:

1) Liệt kê một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam và thế giới mà em biết.

2) Theo em, thế nào là danh nhân?

- HV làm việc nhóm cặp đôi đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Khái niệm danh nhân

- Danh nhân là người nổi tiếng có công hiến nổi bật, có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng và được xã hội ghi nhận.

- Danh nhân có thể là những nhà chính trị, nhà quân sự, nhà văn hoá, nhà khoa học,... tùy theo lĩnh vực hoạt động của họ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

1. Mục tiêu: Nêu được nét chính vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV nêu được những nét chính vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc. GV nhấn mạnh: Đây là những danh nhân đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển của lịch sử dân tộc ở từng giai đoạn của lịch sử.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... để tìm hiểu về hai bộ luật này và trả lời câu hỏi: *Nêu rõ nét chính vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc qua những ví dụ cụ thể.*

- HV làm việc cá nhân/theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

- Là người khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

- Là người đứng đầu các vương triều, chính quyền đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước.

- Là người có nhiều đóng góp về văn hóa, giáo dục, tạo ra những phát minh, sáng chế, sáng tạo các trường phái tư tưởng,... góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật nước nhà.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về khái quát danh nhân trong lịch sử dân tộc để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: Tổ chức trò chơi “Đi tìm danh nhân” với bộ câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. *Danh nhân nào dưới đây **không** khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước?*

A. Ngô Quyền. B. Lý Thường Kiệt. C. Lê Văn Hưu. D. Trần Quốc Tuấn.

Câu 2. *Danh nhân nào sau đây đứng đầu các vương triều, chính quyền; đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước?*

A. Tuệ Tĩnh. B. Chu Văn An. C. Đào Duy Từ. D. Đinh Bộ Lĩnh.

Câu 3. *Danh nhân nào sau đây có nhiều đóng góp về văn hoá, giáo dục, tạo ra những phát minh, sáng chế, sáng lập các trường phái tư tưởng,.. góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật nước nhà?*

A. Lê Quý Đôn. B. Đinh Bộ Lĩnh. C. Lê Lợi. D. Trần Nhân Tông.

Câu 4. *Danh nhân nào dưới đây khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước?*

A. Nguyễn Trãi. B. Hai Bà Trưng. C. Nguyễn Du. D. Chu Văn An.

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm những giai thoại về một danh nhân mà em yêu thích trong lịch sử Việt Nam và giới thiệu với bạn.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái niệm danh nhân	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi:	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở

	- Trình bày được khái niệm danh nhân	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về khái quát danh nhân trong lịch sử dân tộc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về khái quát danh nhân trong lịch sử dân tộc.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 8. MỘT SỐ NHÀ CHÍNH TRỊ NỔI TIẾNG CỦA VIỆT NAM THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

- Nêu được những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

- Có ý thức trân trọng đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu để nêu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Sử dụng tư liệu để phân tích được những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

- *Năng lực vận dụng và kiến thức kỹ năng đã học*: rút ra được bài học từ các danh nhân và có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử dụng để tìm hiểu về một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng về một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức học hỏi, kế thừa những giá trị tốt đẹp của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Đinh Bộ Lĩnh, Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh (Minh Mạng)).

- Những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại

- Không tìm hiểu tất cả các nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại, chỉ đi sâu tìm hiểu một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Đinh Bộ Lĩnh, Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh (Minh Mạng)).

- Mức độ cần làm rõ: giới thiệu được một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Đinh Bộ Lĩnh, Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh (Minh Mạng)).

2. Những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại

- Không đi sâu tìm hiểu chung chung, chỉ nêu cụ thể những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng hình ảnh một vài nhân vật (Đinh Bộ Lĩnh, Trần Nhân Tông...) và đặt câu hỏi: *Nhân vật nào được xem là chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc? Vì sao em biết điều này?*

- HV làm việc cá nhân.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Đinh Bộ Lĩnh là một ông vua – một nhà chính trị trong lịch sử Việt Nam thời trung đại. Vậy thế nào là một nhà chính trị? Trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam có những nhà chính trị nổi tiếng nào? Các nhà chính trị này đã có đóng góp gì vào sự phát triển của lịch sử dân tộc? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung Một số nhà chính trị nổi tiếng của lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại của chuyên đề 3. Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời kì cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Giới thiệu được một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Đinh Bộ Lĩnh, Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh (Minh Mạng)).

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video. Qua đó, HV tìm hiểu một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Đinh Bộ Lĩnh, Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh (Minh Mạng)).

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị về một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại và hoàn thành bảng thống kê:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
Đinh Bộ Lĩnh		
Trần Thủ Độ		
Lê Thánh Tông		
Minh Mạng		

- HV làm việc nhóm cặp đôi đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video,... và trao đổi.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
Đinh Bộ Lĩnh	Nhà Đinh	- Là người có công lao chấm dứt tình trạng cát cứ, thống nhất đất nước và lập ra Nhà nước Đại Cồ Việt.

		- Ổn định tình hình đất nước sau một thời gian hỗn loạn, tổ chức bộ máy chính quyền của nhà nước độc lập và thiết lập quan hệ bang giao với các nước láng giềng.
Trần Thủ Độ	Nhà Trần	- Là người có công lao thiết lập lên nhà Trần. - Cố vấn, phò tá vua Trần, giữ ổn định và phát triển triều Trần sau khi nhà Trần được thiết lập.
Lê Thánh Tông	Nhà Lê	- Thực hiện cuộc cải cách đất nước toàn diện, đưa quốc gia Đại Việt phát triển thịnh trị trong thế kỉ XV. - Hoàn thiện bộ máy chính trị, hành chính. Phát triển kinh tế. - Có công lao đối với sự phát triển nền văn hoá và giáo dục của đất nước.
Minh Mạng	Nhà Nguyễn	- Là vua có công lao củng cố vương triều Nguyễn. - Có công tiến hành cải cách toàn diện, thống nhất đất nước về mặt chính trị, tổ chức bộ máy chính quyền của nhà nước độc lập và thiết lập quan hệ bang giao với các nước láng giềng.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những đóng góp chính của một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV nêu những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. GV nhấn mạnh: Đây là những đóng góp rất có giá trị giúp chúng ta hiểu thêm về những giá trị mà các danh nhân này để lại cho dân tộc.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh,... để tìm hiểu về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại và trả lời câu hỏi: *Nêu những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.*

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập/ ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Những đóng góp của một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại

- Là người giữ vai trò quan trọng trong tổ chức bộ máy chính quyền đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước.

- Là người góp phần thúc đẩy sự phát triển của nước nhà.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại..

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Nêu nhận xét về một số nhà chính trị nổi tiếng ở Việt Nam thời cổ - trung đại.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để viết bài giới thiệu (khoảng 300 chữ) về một danh nhân chính trị khác ở thời cổ trung đại mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được những đóng góp chính của các nhà chính trị	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)

Nam thời cổ - trung đại	nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.		
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 9. MỘT SỐ DANH NHÂN QUÂN SỰ VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

- Nhận xét được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

- Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam.

- Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Sử dụng tư liệu để giới thiệu được một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam, nhận xét được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

- *Năng lực vận dụng và kiến thức kỹ năng đã học:* Vận dụng kiến thức đã học có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử liệu để tìm hiểu về một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng về một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức học hỏi, kế thừa những giá trị tốt đẹp của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam (Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp,...).

- Những đóng góp chính của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam

- Không tìm hiểu tất cả các danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam, chỉ đi sâu tìm hiểu một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam (Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, Võ Nguyên Giáp...).

- Mức độ cần làm rõ: giới thiệu được một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam (Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, đại tướng Võ Nguyên Giáp,...).

2. Những đóng góp chính của các danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam

- Không đi sâu tìm hiểu chung chung, chỉ nêu cụ thể những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được những đóng góp chính của các danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng hình ảnh một vài nhân vật (Trần Quốc Tuấn, đại tướng Võ Nguyên Giáp) và đặt câu hỏi: *Nêu những hiểu biết về các nhân vật lịch sử này.*

- HV làm việc cá nhân.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Trần Quốc Tuấn, Võ Nguyên Giáp là những nhà quân sự nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam được thế giới vinh danh. Trong lịch sử Việt Nam còn có những nhà quân sự nổi tiếng nào? Các nhà quân sự này đã có đóng góp gì vào sự phát triển của lịch sử dân tộc? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung Một số danh nhân quân sự Việt Nam của chuyên đề 3. Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số danh nhân quân sự Việt Nam

1. Mục tiêu: Giới thiệu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam (Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, đại tướng Võ Nguyên Giáp,...)

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... qua đó HV tìm hiểu một số danh nhân quân sự Việt Nam (Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, đại tướng Võ Nguyên Giáp...).

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị về một số danh nhân quân sự Việt Nam (Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, Võ Nguyên Giáp) và hoàn thành bảng thống kê:

Danh nhân quân sự	Triều đại	Công lao	Trận đánh nổi tiếng
Ngô Quyền			
Trần Quốc Tuấn			
Nguyễn Huệ			
Võ Nguyên Giáp			

- HV làm việc nhóm cặp đôi đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Danh nhân quân sự	Triều đại	Công lao	Trận đánh nổi tiếng
Ngô Quyền	Nhà Ngô	- Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược - Xung vương, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.	Trận Bạch Đằng 938
Trần Quốc Tuấn	Nhà Trần	- Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên. - Nhà tư tưởng, nhà quân sự lớn.	Trận Bạch Đằng 1288
Nguyễn Huệ	Triều Tây Sơn	- Lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn.	Rạch Gầm - Xoài Mút 1785, Trận

		- Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.	Ngọc Hồi - Đống Đa 1798
Võ Nguyên Giáp	Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	- Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, toàn quyền chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), đánh bại đội quân nhà nghề được trang bị hiện đại của Pháp. - Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông có nhiều quyết định chiến lược về chiến tranh nhân dân để giải phóng miền Nam.	Điện Biên Phủ (1954)

Hoạt động 2. Tìm hiểu những đóng góp của một số nhà quân sự Việt Nam

1. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp của các nhà quân sự Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV nêu những đóng góp của các nhà quân sự Việt Nam. GV nhấn mạnh: Đây là những đóng góp giúp chúng ta hiểu thêm những giá trị mà các danh nhân quân sự này để lại cho dân tộc.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh,... để tìm hiểu về những đóng góp của các nhà quân sự Việt Nam và trả lời câu hỏi: *Nêu những đóng góp của các nhà quân sự Việt Nam.*

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập/ ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Những đóng góp của một số nhà quân sự Việt Nam

- Đi đầu trong các cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc.

- Để lại những bài học kinh nghiệm quý báu trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề một số nhà quân sự Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về một số nhà quân sự Việt Nam để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Nêu nhận xét về một số nhà quân sự Việt Nam.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về một số nhà quân sự Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để viết bài giới thiệu (khoảng 300 chữ) về một danh nhân quân sự Việt Nam mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số nhà quân sự Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Giới thiệu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà quân sự Việt Nam	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu vai trò của danh nhân quân sự Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được vai trò của danh nhân quân sự Việt Nam	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về khái quát danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số nhà quân sự Việt Nam.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 10. MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam.

- Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Sử dụng tư liệu để giới thiệu được một số danh nhân văn hóa của Việt Nam, nhận xét được vai trò của các danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam.

- *Năng lực vận dụng và kiến thức kỹ năng đã học:* Vận dụng kiến thức đã học có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến một số danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết cách xử lý thông tin, sử liệu để tìm hiểu về một số danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng về một số danh nhân văn hóa Việt Nam.

- *Trách nhiệm:* Có ý thức học hỏi, kế thừa những giá trị tốt đẹp của danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về một số danh nhân văn hóa Việt Nam.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số danh nhân văn hóa Việt Nam.

- Những đóng góp chính của các danh nhân văn hóa Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số danh nhân văn hóa Việt Nam

- Không tìm hiểu tất cả các nhà văn hóa nổi tiếng của Việt Nam, chỉ đi sâu tìm hiểu một số nhà văn hóa tiêu biểu (Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương).

- Mức độ cần làm rõ: giới thiệu được một số nhà văn hóa tiêu biểu (Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương).

2. Những đóng góp chính của các danh nhân văn hóa Việt Nam

- Không đi sâu tìm hiểu chung chung, chỉ nêu cụ thể những đóng góp của các nhà chính danh nhân văn hóa Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được những đóng góp của các danh nhân văn hóa Việt Nam.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng hình ảnh một vài nhân vật (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,...) và đặt câu hỏi: *Nêu hiểu biết về các nhân vật này.*

- HV làm việc cá nhân.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Nguyễn Trãi, Nguyễn Du là những danh nhân văn hóa Việt Nam. Vậy thế nào là một danh nhân văn hóa? Trong lịch sử Việt Nam có những danh nhân văn hóa nổi tiếng nào? Các danh nhân văn hóa này đã có đóng góp gì vào sự phát triển của lịch sử dân tộc? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung Một số danh nhân văn hóa Việt Nam của chuyên đề 3. Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số danh nhân văn hóa Việt Nam

1. Mục tiêu: Giới thiệu được một số danh nhân văn hóa Việt Nam tiêu biểu (Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương).

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video. Qua đó, HV tìm hiểu một số danh nhân văn hóa Việt Nam tiêu biểu (Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương).

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị về một số danh nhân văn hóa Việt Nam và hoàn thành bảng thống kê:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
Trần Nhân Tông		
Nguyễn Trãi		
Nguyễn Du		
Hồ Xuân Hương		

- HV làm việc nhóm cặp đôi đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi.
- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
Trần Nhân Tông	Nhà Trần	<ul style="list-style-type: none"> - Trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên (1285 và 1287-1288), vua Trần Nhân Tông lãnh đạo nhân dân Đại Việt vượt qua muôn vàn khó khăn, đưa các cuộc kháng chiến đến thắng lợi. - Để lại nhiều tác phẩm có giá trị thuộc lĩnh vực triết học, lịch sử, Phật giáo, văn học,... - Người sáng lập Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm
Nguyễn Trãi	Nhà Lê sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Trong khởi nghĩa chống Minh (1418-1427), ông cùng với Lê Lợi là linh hồn của nghĩa quân Lam Sơn. - Nguyễn Trãi là tác giả của nhiều tác phẩm lớn. - Nguyễn Trãi là nhà tư tưởng lớn của Việt Nam. Ông đề cao tư tưởng “nhân nghĩa” trong khởi nghĩa Lam Sơn cũng như trong công cuộc xây dựng vương triều.
Nguyễn Du	Vua Lê chúa Trịnh và nhà Nguyễn	Nguyễn Du để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. Các tác phẩm của ông đều phản ánh thực trạng suy đồi của xã hội phong kiến.
Hồ Xuân Hương	Tây Sơn và nhà Nguyễn	<ul style="list-style-type: none"> - Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Hồ Xuân Hương đã để lại nhiều áng thơ xuất sắc, tiêu biểu như Bốn bà lang khóc chồng, Bánh trôi nước, Lầy chồng chung,... - Người đề cao tư tưởng bình đẳng nam nữ trong tác phẩm của mình.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam

1. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp của các danh nhân văn hóa Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV nêu những đóng góp của các danh nhân văn hóa Việt Nam. GV nhấn mạnh: Đây là những đóng góp giúp chúng ta hiểu thêm về những giá trị mà các danh nhân này để lại cho dân tộc.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh,... để tìm hiểu về những đóng góp của các danh nhân văn hóa Việt Nam và trả lời câu hỏi: *Nêu những đóng góp của các danh nhân văn hóa Việt Nam.*

- HV làm việc cá nhân hoặc nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh và trả lời câu hỏi.
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Những đóng góp các danh nhân văn hóa Việt Nam

- Là người có nhiều đóng góp về văn hóa.
- Là người góp phần thúc đẩy sự phát triển văn hóa của nước nhà.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề một số danh nhân văn hóa Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về một số một số danh nhân văn hóa Việt Nam để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Nêu nhận xét về một số danh nhân văn hóa Việt Nam.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về một số danh nhân văn hóa Việt Nam vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để viết bài giới thiệu (khoảng 300 chữ) về một danh nhân văn hóa khác của Việt Nam mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số danh nhân văn hóa Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Giới thiệu được một số danh nhân văn hóa Việt Nam	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu vai trò của một	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác,	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm

số danh nhân văn hóa Việt Nam	NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được vai trò của danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 11. MỘT SỐ DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

- Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo thông qua ví dụ cụ thể.

- Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo trong lịch sử dân tộc.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu để giới thiệu một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Sử dụng tư liệu để giới thiệu được một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

- *Năng lực vận dụng và kiến thức kỹ năng đã học:* Vận dụng kiến thức đã học để có ý thức trân trọng đóng góp của một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử dụng để tìm hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng về danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức học hỏi, kế thừa những giá trị tốt đẹp của một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.
- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Tuệ Tĩnh, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Đào Duy Anh).

- Những đóng góp của một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, nhận xét được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo

- Không tìm hiểu tất cả danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, chỉ đi sâu tìm hiểu một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Tuệ Tĩnh, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Đào Duy Anh).

- Mức độ cần làm rõ: giới thiệu được một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Tuệ Tĩnh, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Đào Duy Anh).

2. Những đóng góp của một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo

- Không đi sâu tìm hiểu chung chung, chỉ nêu cụ thể những đóng góp của một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được những đóng góp của một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV sử dụng hình ảnh một vài nhân vật (Chu Văn An, Trần Đại Nghĩa...) và đặt câu hỏi: *Nêu hiểu biết về các nhân vật này.*

- HV làm việc cá nhân.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Chu Văn An - một nhà văn hóa lỗi lạc, Trần Đại Nghĩa một nhà khoa học chế tạo vũ khí của Việt Nam đều được xem là những danh nhân trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. Vậy thế nào là một danh nhân khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo? Trong lịch sử Việt Nam có những danh nhân khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo nổi tiếng nào? Các danh nhân này đã có đóng góp gì vào sự phát triển của lịch sử dân tộc? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung **Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo** của chuyên đề 3. **Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.***

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo

1. Mục tiêu: Giới thiệu được một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Tuệ Tĩnh, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Đào Duy Anh).

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong sách chuyên đề hoặc sưu tầm. Qua đó, HV tìm hiểu một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo: Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Tuệ Tĩnh, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Đào Duy Anh.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo và hoàn thành bảng thống kê:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
Chu Văn An		
Tuệ Tĩnh		
Lê Quý Đôn		
Trần Đại Nghĩa		

Tôn Thất Tùng		
Đào Duy Anh		

- HV làm việc nhóm cặp đôi đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video,... và trao đổi.
- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
Chu Văn An	Nhà Trần	- Ông được coi là “ông tổ của các nhà nho nước Việt” (Đại Việt sử ký toàn thư), nêu cao triết lí giáo dục nhân văn; đào tạo nhiều người giỏi. - Được nhân dân tôn là “vạn thế sư biểu” (người thầy của mọi thời đại); ông chú trọng thực hiện giáo dục không phân biệt giàu nghèo.
Tuệ Tĩnh	Thời Trần	- Ông người đặt nền móng cho nền y học cổ truyền Việt Nam. - Những bài thuốc của ông được tập hợp, ghi chép lại trong các bộ sách giá trị như Nam dược thần hiệu, Hồng Nghĩa giác tuy thư,...
Lê Quý Đôn	Thời kì vua Lê chúa Trịnh	Đóng góp lớn của Lê Quý Đôn cho nền văn hoá và khoa học dân tộc là đã dày công biên soạn nhiều tác phẩm thuộc các lĩnh vực lịch sử, địa lí, văn học...
Trần Đại Nghĩa		
Tôn Thất Tùng		
Đào Duy Anh		

Hoạt động 2. Tìm hiểu những đóng góp của danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo

1. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp của danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV nêu những đóng góp danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. GV nhấn mạnh: Đây là những đóng góp giúp chúng ta hiểu thêm về những giá trị mà các danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh ... để tìm hiểu về những đóng góp của danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo và trả lời câu hỏi: *Nêu những đóng góp của các danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.*

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh/ làm việc với Phiếu học tập/ ... và trả lời câu hỏi.
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Những đóng góp của danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo

- Người có công hiến to lớn về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.
- Là người góp phần thúc đẩy sự phát triển của khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo nước nhà.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về các danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Nêu nhận xét về các danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về các danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Chọn và giới thiệu một bài học của một danh nhân trong lịch sử Việt Nam thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo mà em ấn tượng nhất.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số danh	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật

nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo	lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Giới thiệu được một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu vai trò của danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được vai trò của danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về danh nhân trong lịch sử Việt Nam trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 3

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chuyên đề này gồm 5 đơn vị kiến thức: 1) *Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc*; 2) *Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại*; 3) *Một số danh nhân quân sự Việt Nam*; 4) *Một số danh nhân văn hoá Việt Nam*; 5) *Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo*, được dạy trong 10 tiết với những YCCĐ cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:
 - 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề.
 - 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
 - 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
 - 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
 - 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
 - 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ GDĐT.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chuyên đề 3. Danh nhân trong Việt Nam* cung cấp cho người học hiểu biết những vấn đề tiêu biểu về danh nhân trong lịch sử Việt nam trên mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học, giáo dục. GV có thể lựa chọn nội dung tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử trong chuyên đề hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về các danh nhân trong lịch sử dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề*. Ví dụ: *Tìm hiểu và giới thiệu một danh nhân mà em yêu thích*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 2: Sử dụng PPDH và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Lịch sử*, Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Chương trình ETEP.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 4: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Lịch sử*, Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng, Chương trình ETEP.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Lịch sử*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Lịch sử*.
8. Sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 11 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.